PHẦN II. CÁC VĂN BẢN KHÁC

CHÍNH PHỦ

NGHỊ QUYẾT
Số 45/NQ-CP về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải

PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 45/NQ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2010 của Chính phủ)

(Tiếp theo Công báo số 707 + 708)

30. Thủ tục Cấp lại Chứng chỉ hành nghề kinh doanh dịch vụ thiết kế tàu biển - B-BGT-016772-TT

a) Quy định rõ Thủ tục Cấp lại Chứng chỉ hành nghề kinh doanh dịch vụ thiết kế tàu biển áp dụng trong trường hợp bị mất, bị rách nát, bổ sung nội dung ngành nghề;

b) Về trình tự, cách thức thực hiện thủ tục hành chính

- Quy định rõ trình tự thực hiện như sau:

+ Bước 1: Cá nhân, tổ chức nộp (gửi) hồ sơ tại Cục Hàng hải Việt Nam;

+ Bước 2: Cục Hàng hải Việt Nam nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ (Trong trường hợp nộp trực tiếp, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại hồ sơ và hướng dẫn cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ; Trong trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì Cục HHVN thông báo bằng văn bản chậm nhất 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ);

+ Bước 3: Cục Hàng hải Việt Nam kiểm tra về sự phù hợp của hồ sơ;

+ Bước 4: Cục Hàng hải Việt Nam trả kết quả thủ tục hành chính và thu lệ phí.

- Quy định cách thức thực hiện thủ tục hành chính như sau:

+ Nộp hồ sơ và nhận kết quả thông qua hệ thống bưu chính; hoặc

+ Trực tiếp tại Cục Hàng hải Việt Nam

c) Về thành phần hồ sơ

- Bỏ yêu cầu nộp "Giấy xác nhận của cơ quan công an hoặc chính quyền địa phương trong trường hợp xin cấp lại khi bị mất chứng chỉ".

- Bỏ yêu cầu nộp "Bản khai kết quả hành nghề theo chứng chỉ đã được cấp".

d) Quy định cụ thể thời hạn giải quyết như sau: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

31. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận có bảo hiểm hoặc bảo đảm tài chính về trách nhiệm dân sự đối với tổn thất ô nhiễm dầu - B-BGT-017120-TT

a) Về trình tự, cách thức thực hiện thủ tục hành chính

- Quy định rõ trình tự thực hiện như sau:

+ Bước 1: Chủ tàu (đại diện chủ tàu) nộp (gửi) hồ sơ tại Cục Hàng hải Việt Nam;

+ Bước 2: Cục Hàng hải Việt Nam nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ (Trong trường hợp nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ viết giấy hẹn, nếu hồ sơ không đầy đủ thì trả lại hồ sơ và hướng dẫn cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ; Trong trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính, nếu hồ sơ không hợp lệ thì Cục HHVN thông báo bằng văn bản chậm nhất 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ);

+ Bước 3: Cục Hàng hải Việt Nam thu lệ phí và trả kết quả.

- Quy định rõ cách thức thực hiện thủ tục hành chính bao gồm:

+ Nộp hồ sơ và nhận kết quả thông qua hệ thống bưu chính; hoặc

+ Trực tiếp tại Cục Hàng hải Việt Nam.

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ

- Bổ sung yêu cầu nộp "Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận có bảo hiểm hoặc bảo đảm tài chính về trách nhiệm dân sự đối với tổn thất ô nhiễm dầu" vào thành phần hồ sơ.

- Quy định số lượng hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

c) Quy định về thời hạn giải quyết như sau: Chậm nhất 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định;

d) Xây dựng, ban hành mẫu "Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận có bảo hiểm hoặc bảo đảm tài chính về trách nhiệm dân sự đối với tổn thất ô nhiễm dầu".

32. Thủ tục đăng ký tàu biển không thời hạn - B-BGT-016944-TT

a) Về trình tự, cách thức thực hiện thủ tục hành chính

- Quy định rõ trình tự thực hiện như sau:

+ Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp (gửi) hồ sơ đề nghị tại một trong các cơ quan sau: Chi Cục Hàng Hải Việt Nam tại TP. Hải Phòng, TP. Hồ Chí Minh hoặc Cảng vụ Hàng Hải Đà Nẵng;

+ Bước 2: Các Cơ quan đăng ký tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy trả kết quả (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp). Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn người làm thủ tục hoàn thiện hồ sơ;

+ Bước 3: Kiểm tra, thẩm định hồ sơ: Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định, cơ quan đăng ký cấp Giấy chứng nhận; Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, thì cơ quan đăng ký trả lại hồ sơ và có văn bản trả lời nêu rõ lý do;

+ Bước 4: Cơ quan có thẩm quyền đăng ký thu lệ phí và trả kết quả.

- Quy định cách thức thực hiện thủ tục hành chính như sau:

+ Nộp hồ sơ và nhận kết quả thông qua hệ thống bưu chính; hoặc

+ Trực tiếp tại một trong các cơ quan sau: Chi Cục Hàng Hải Việt Nam tại TP. Hải Phòng, TP. Hồ Chí Minh hoặc Cảng vụ Hàng Hải Đà Nẵng.

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ

- Quy định cụ thể về thành phần hồ sơ gồm:

+ Tờ khai đăng ký tàu biển (bản chính); Tổ chức, cá nhân có thể lấy mẫu tại cơ quan đăng ký hoặc qua internet;

+ Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu biển hoặc biên bản nghiệm thu bàn giao đối với tàu đóng mới (bản chính);

+ Hợp đồng mua bán tàu biển hoặc hợp đồng đóng tàu hoặc các bằng chứng về chuyển quyền sở hữu có giá trị pháp lý tương đương khác (bản chính hoặc bản sao có công chứng);

+ Giấy chứng nhận dung tích tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp kèm bản chính để đối chiếu);

+ Giấy chứng nhận phân cấp tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp kèm bản chính để đối chiếu);

+ Bản sao chụp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy phép thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam;

+ Bản sao chụp Giấy chứng minh nhân dân hoặc Giấy xác nhận nơi cư trú (chỉ yêu cầu đối với trường hợp chủ tàu là cá nhân Việt Nam);

+ Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước hoặc Biên lai thu phí trước bạ (bản chính).

- Số lượng hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

33. Thủ tục Đăng ký tàu biển có thời hạn - B-BGT-017095-TT

a) Về trình tự, cách thức thực hiện thủ tục hành chính

- Quy định rõ trình tự thực hiện như sau:

+ Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp (gửi) hồ sơ đề nghị tại một trong các cơ quan sau: Chi Cục Hàng Hải Việt Nam tại TP. Hải Phòng, TP. Hồ Chí Minh hoặc Cảng vụ Hàng Hải Đà Nẵng;

+ Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ: Cơ quan đăng ký tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy trả kết quả (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp). Trường hợp hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn người làm thủ tục hoàn thiện hồ sơ;

+ Bước 3: Kiểm tra, thẩm định hồ sơ;

+ Bước 4: Trả kết quả: Đến ngày trả kết quả theo giấy hẹn, người làm thủ tục đến nộp lệ phí theo quy định và nhận kết quả.

- Quy định cách thức thực hiện thủ tục hành chính:

+ Nộp hồ sơ và nhận kết quả qua hệ thống bưu chính; hoặc

+ Trực tiếp tại một trong các cơ quan sau: Chi Cục Hàng Hải Việt Nam tại TP. Hải Phòng, TP. Hồ Chí Minh hoặc Cảng vụ Hàng Hải Đà Nẵng.

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ

- Quy định cụ thể về thành phần hồ sơ gồm:

+ Tờ khai đăng ký tàu biển (bản chính); Tổ chức, cá nhân có thể lấy mẫu tại cơ quan đăng ký hoặc qua internet;

+ Giấy chứng nhận dung tích tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp kèm bản chính để đối chiếu);

+ Giấy chứng nhận phân cấp tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp kèm bản chính để đối chiếu);

+ Bản sao chụp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy phép thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam;

+ Giấy chứng nhận tạm ngừng đăng ký (bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp kèm bản chính để đối chiếu);

+ Hợp đồng thuê mua hoặc thuê tàu trần (bản chính hoặc bản sao công chứng).

- Quy định rõ số lượng hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

c) Sửa đổi bổ sung mẫu tờ khai để có thể dùng chung trong các trường hợp đăng ký tàu biển và bổ sung một mục: Hình thức đăng ký.

34. Thủ tục Đăng ký lại tàu biển - B-BGT-017382-TT

a) Về trình tự, cách thức thực hiện thủ tục hành chính

- Quy định rõ trình tự thực hiện như sau:

+ Bước 1: Chủ tàu nộp (gửi) hồ sơ đề nghị tại một trong các cơ quan sau: Chi Cục Hàng Hải Việt Nam tại TP. Hải Phòng, TP. Hồ Chí Minh hoặc Cảng vụ Hàng Hải Đà Nẵng;

+ Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ: Cơ quan đăng ký tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn trả kết quả (trường hợp nộp trực tiếp); Trường hợp không đầy đủ thì hướng dẫn người làm thủ tục hoàn thiện hồ sơ;

+ Bước 3: Kiểm tra, thẩm định hồ sơ;

+ Bước 4: Trả kết quả: Đến ngày trả kết quả theo giấy hẹn, người làm thủ tục đến nộp lệ phí theo quy định và nhận kết quả (hoặc trả kết quả qua đường bưu chính).

- Quy định cụ thể cách thức thực hiện:

+ Nộp hồ sơ và nhận kết quả qua hệ thống bưu chính; hoặc

+ Trực tiếp tại các cơ quan sau: Chi Cục Hàng Hải Việt Nam tại TP. Hải Phòng, TP. Hồ Chí Minh hoặc Cảng vụ Hàng Hải Đà Nẵng.

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ

- Quy định cụ thể về thành phần hồ sơ gồm:

+ Tờ khai đăng ký tàu biển (theo mẫu);

+ Giấy chứng nhận dung tích tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp kèm bản chính để đối chiếu);

+ Giấy chứng nhận phân cấp tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp kèm theo bản chính để đối chiếu);

+ Bản sao chụp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy phép thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam;

+ Giấy chứng nhận tạm ngừng đăng ký hoặc Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu biển hoặc Biên bản nghiệm thu bàn giao tàu đối với tàu đóng mới (bản sao có chứng thực).

- Quy định rõ số lượng hồ sơ: 01 bộ.

c) Bổ sung mục "Hình thức đăng ký" vào mẫu Tờ khai đăng ký tàu biển.

35. Thủ tục Đăng ký thay đổi tên tàu biển - B-BGT-017434-TT

a) Về trình tự, cách thức thực hiện thủ tục hành chính

- Quy định rõ trình tự thực hiện như sau:

+ Bước 1: Chủ tàu nộp (gửi) hồ sơ đề nghị tại một trong các cơ quan sau: Chi Cục Hàng Hải Việt Nam tại TP. Hải Phòng, TP. Hồ Chí Minh hoặc Cảng vụ Hàng Hải Đà Nẵng;

+ Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ: Cơ quan đăng ký tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn trả kết quả (trường hợp nộp trực tiếp); Trường hợp không đầy đủ thì hướng dẫn người làm thủ tục hoàn thiện hồ sơ;

+ Bước 3: Kiểm tra, thẩm định hồ sơ;

+ Bước 4: Trả kết quả: Đến ngày trả kết quả theo giấy hẹn, người làm thủ tục đến nộp lệ phí theo quy định và nhận kết quả (hoặc trả kết quả qua đường bưu chính).

- Quy định cách thức thực hiện thủ tục hành chính như sau:

+ Nộp hồ sơ và nhận kết quả qua hệ thống bưu chính; hoặc

+ Trực tiếp tại các cơ quan sau: Chi Cục Hàng Hải Việt Nam tại TP. Hải Phòng, TP. Hồ Chí Minh hoặc Cảng vụ Hàng Hải Đà Nẵng.

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ

- Quy định rõ về thành phần hồ sơ gồm:

+ Đơn đề nghị thay đổi tên tàu biển (theo mẫu);

+ Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển (bản chính).

- Quy định cụ thể số lượng hồ sơ: 01 bộ.

c) Xây dựng, ban hành mẫu "Đơn đề nghị thay đổi tên tàu biển".

36. Thủ tục Đăng ký thay đổi chủ tàu - B-BGT-017475-TT

a) Sửa tên thủ tục hành chính này như sau: "Thủ tục Đăng ký thay đổi tên chủ tàu biển" và quy định rõ thủ tục này áp dụng trong trường hợp có thay đổi về các yếu tố nhân thân chủ tàu và chủ tàu có yêu cầu đề nghị chỉnh sửa trong Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển;

b) Về trình tự, cách thức thực hiện thủ tục hành chính

- Quy định rõ trình tự thực hiện như sau:

+ Bước 1: Chủ tàu nộp (gửi) hồ sơ đề nghị tại một trong các cơ quan sau: Chi Cục Hàng Hải Việt Nam tại TP. Hải Phòng, TP. Hồ Chí Minh hoặc Cảng vụ Hàng Hải Đà Nẵng;

+ Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn trả kết quả (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Trường hợp hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn người làm thủ tục hoàn thiện hồ sơ;

+ Bước 3: Kiểm tra, thẩm định hồ sơ;

+ Bước 4: Trả kết quả: Đến ngày trả kết quả theo giấy hẹn, người làm thủ tục đến nộp lệ phí theo quy định và nhận kết quả (hoặc nhận kết quả qua đường bưu chính).

- Quy định cụ thể cách thức thực hiện:

+ Nộp hồ sơ và nhận kết quả qua hệ thống bưu chính; hoặc

+ Trực tiếp tại các cơ quan sau: Chi Cục Hàng Hải Việt Nam tại TP. Hải Phòng, TP. Hồ Chí Minh hoặc Cảng vụ Hàng Hải Đà Nẵng.

c) Về thành phần hồ sơ:

- Bỏ yêu cầu nộp 02 loại giấy tờ sau trong thành phần hồ sơ:

+ Hợp đồng mua, bán tàu biển hoặc hợp đồng đóng tàu biển hoặc các bằng chứng về chuyển quyền sở hữu có giá trị pháp lý tương đương khác;

+ Bản sao chụp Hóa đơn nộp phí, lệ phí (kèm bản chính để đối chiếu).

- Quy định rõ thành phần hồ sơ gồm:

+ Đơn đề nghị thay đổi tên chủ tàu biển;

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy phép thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam;

+ Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển (bản chính).

- Quy định rõ số lượng hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

d) Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Xây dựng, ban hành mẫu Đơn đề nghị thay đổi tên chủ tàu biển;

đ) Bổ sung thủ tục Đăng ký chuyển quyền sở hữu tàu biển. Thủ tục này chỉ yêu cầu chủ tàu nộp các giấy tờ liên quan đến việc thay đổi chủ sở hữu tàu.

37. Thủ tục Đăng ký thay đổi kết cấu và thông số kỹ thuật tàu biển - B-BGT-017510-TT

a) Về trình tự, cách thức thực hiện thủ tục hành chính

- Quy định rõ trình tự thực hiện như sau:

+ Bước 1: Chủ tàu nộp (gửi) hồ sơ đề nghị tại một trong các cơ quan sau: Chi Cục Hàng Hải Việt Nam tại TP. Hải Phòng, TP. Hồ Chí Minh hoặc Cảng vụ Hàng Hải Đà Nẵng;

+ Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn trả kết quả (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Trường hợp hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn người làm thủ tục hoàn thiện hồ sơ;

+ Bước 3: Kiểm tra, thẩm định hồ sơ;

+ Bước 4: Trả kết quả: Đến ngày trả kết quả theo giấy hẹn, người làm thủ tục đến nộp lệ phí theo quy định và nhận kết quả (hoặc nhận kết quả qua đường bưu chính).

- Quy định cụ thể cách thức thực hiện:

+ Nộp hồ sơ và nhận kết quả qua hệ thống bưu chính; hoặc

+ Trực tiếp tại các cơ quan sau: Chi Cục Hàng Hải Việt Nam tại TP. Hải Phòng, TP. Hồ Chí Minh hoặc Cảng vụ Hàng Hải Đà Nẵng.

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ

- Quy định cụ thể về thành phần hồ sơ gồm:

+ Đơn đề nghị thay đổi kết cấu và thông số kỹ thuật tàu biển (theo mẫu);

+ Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật có liên quan đến thay đổi kết cấu và thông số kỹ thuật được tổ chức đăng kiểm cấp (bản sao chụp kèm bản chính để đối chiếu);

+ Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển (bản chính).

- Số lượng hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

c) Xây dựng, ban hành mẫu "Đơn đề nghị thay đổi kết cấu và thông số kỹ thuật tàu biển".

38. Thủ tục Đăng ký thay đổi cơ quan đăng ký tàu biển khu vực - B-BGT- 017630-TT

a) Về trình tự, cách thức thực hiện thủ tục hành chính

- Quy định rõ trình tự thực hiện như sau:

+ Bước 1: Chủ tàu nộp (gửi) hồ sơ đề nghị tại một trong các cơ quan sau: Chi Cục Hàng Hải Việt Nam tại TP. Hải Phòng, TP. Hồ Chí Minh hoặc Cảng vụ Hàng Hải Đà Nẵng;

+ Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn trả kết quả (trường hợp nộp hồ sơ

trực tiếp); Trường hợp hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn người làm thủ tục hoàn thiện hồ sơ;

+ Bước 3: Kiểm tra, thẩm định hồ sơ;

+ Bước 4: Trả kết quả: Đến ngày trả kết quả theo giấy hẹn, người làm thủ tục đến nộp lệ phí theo quy định và nhận kết quả (hoặc nhận kết quả qua đường bưu chính).

- Quy định cụ thể cách thức thực hiện:

+ Nộp hồ sơ và nhận kết quả qua hệ thống bưu chính; hoặc

+ Trực tiếp tại các cơ quan sau: Chi Cục Hàng Hải Việt Nam tại TP. Hải Phòng, TP. Hồ Chí Minh hoặc Cảng vụ Hàng Hải Đà Nẵng.

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ

- Quy định cụ thể về thành phần hồ sơ gồm:

+ Đơn đề nghị thay đổi cơ quan đăng ký (theo mẫu);

+ Giấy chứng nhận xóa hoặc tạm ngừng xóa đăng ký đăng ký tàu biển (bản chính).

- Quy định rõ số lượng hồ sơ là 01 bộ.

c) Xây dựng, ban hành mẫu đơn đề nghị thay đổi cơ quan đăng ký.

39. Thủ tục Đăng ký thay đổi tổ chức đăng kiểm tàu biển - B-BGT-017658-TT

a) Về trình tự, cách thức thực hiện thủ tục hành chính

- Quy định rõ trình tự thực hiện như sau:

+ Bước 1: Chủ tàu nộp (gửi) hồ sơ đề nghị tại một trong các cơ quan sau: Chi Cục Hàng Hải Việt Nam tại TP. Hải Phòng, TP. Hồ Chí Minh hoặc Cảng vụ Hàng Hải Đà Nẵng;

+ Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn trả kết quả (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Trường hợp hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn người làm thủ tục hoàn thiện hồ sơ;

+ Bước 3: Kiểm tra, thẩm định hồ sơ;

+ Bước 4: Trả kết quả: Đến ngày trả kết quả theo giấy hẹn, người làm thủ tục đến nộp lệ phí theo quy định và nhận kết quả (hoặc nhận kết quả qua đường bưu chính).

- Quy định cụ thể cách thức thực hiện:

+ Nộp hồ sơ và nhận kết quả qua hệ thống bưu chính; hoặc

+ Trực tiếp tại các cơ quan sau: Chi Cục Hàng Hải Việt Nam tại TP. Hải Phòng, TP. Hồ Chí Minh hoặc Cảng vụ Hàng Hải Đà Nẵng.

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ

- Quy định cụ thể về thành phần hồ sơ gồm:

+ Đơn đề nghị chuyển tổ chức Đăng kiểm (theo mẫu);

+ Giấy chứng nhận dung tích tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp kèm bản chính để đối chiếu);

+ Giấy chứng nhận phân cấp tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp kèm bản chính để đối chiếu);

+ Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển (bản chính).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

c) Xây dựng ban hành mẫu "Đơn đề nghị chuyển tổ chức Đăng kiểm".

40. Thủ tục Đăng ký tàu biển tạm thời - B-BGT-017604-TT

a) Về trình tự, cách thức thực hiện thủ tục hành chính

- Quy định rõ trình tự thực hiện như sau:

+ Bước 1: Chủ tàu nộp (gửi) hồ sơ đề nghị tại một trong các cơ quan sau: Chi Cục Hàng Hải Việt Nam tại TP. Hải Phòng, TP. Hồ Chí Minh hoặc Cảng vụ Hàng Hải Đà Nẵng;

+ Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn trả kết quả (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Trường hợp hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn người làm thủ tục hoàn thiện hồ sơ;

+ Bước 3: Kiểm tra, thẩm định hồ sơ;

+ Bước 4: Trả kết quả: Đến ngày trả kết quả theo giấy hẹn, người làm thủ tục đến nộp lệ phí theo quy định và nhận kết quả (hoặc nhận kết quả qua đường bưu chính).

- Quy định cụ thể cách thức thực hiện:

+ Nộp hồ sơ và nhận kết quả qua hệ thống bưu chính; hoặc

+ Trực tiếp tại các cơ quan sau: Chi Cục Hàng Hải Việt Nam tại TP. Hải Phòng, TP. Hồ Chí Minh hoặc Cảng vụ Hàng Hải Đà Nẵng.

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ

- Quy định cụ thể về thành phần hồ sơ gồm:

+ Tờ khai đăng ký tàu biển (bản chính); Tổ chức, cá nhân có thể lấy mẫu tại cơ quan đăng ký hoặc qua internet;

+ Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu biển hoặc biên bản nghiệm thu bàn giao đối với tàu đóng mới (bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp kèm theo bản chính để đối chiếu);

+ Hợp đồng mua bán tàu biển hoặc hợp đồng đóng tàu hoặc các bằng chứng về chuyển quyền sở hữu có giá trị pháp lý tương đương khác (Bản chính hoặc bản sao có có chứng thực hoặc công chứng);

+ Giấy chứng nhận dung tích tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp kèm theo bản chính để đối chiếu);

+ Giấy chứng nhận phân cấp tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc công chứng hoặc bản sao chụp kèm theo bản chính để đối chiếu);

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy phép thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam.

- Bỏ yêu cầu nộp "Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu biển hoặc biên bản nghiệm thu bàn giao đối với tàu đóng mới" đối với trường hợp chưa nộp phí, lệ phí và chưa có giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu biển hoặc trường hợp thử tàu đóng mới.

- Số lượng hồ sơ: quy định rõ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

41. Thủ tục Đăng ký tàu biển đang đóng - B-BGT-017818-TT

a) Về trình tự, cách thức thực hiện thủ tục hành chính

- Quy định rõ trình tự thực hiện như sau:

+ Bước 1: Chủ tàu nộp (gửi) hồ sơ đề nghị tại một trong các cơ quan sau: Chi Cục Hàng Hải Việt Nam tại TP. Hải Phòng, TP. Hồ Chí Minh hoặc Cảng vụ Hàng Hải Đà Nẵng;

+ Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn trả kết quả (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Trường hợp hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn người làm thủ tục hoàn thiện hồ sơ;

+ Bước 3: Kiểm tra, thẩm định hồ sơ;

+ Bước 4: Trả kết quả: Đến ngày trả kết quả theo giấy hẹn, người làm thủ tục đến nộp lệ phí theo quy định và nhận kết quả (hoặc nhận kết quả qua đường bưu chính).

- Quy định cụ thể cách thức thực hiện:

+ Nộp hồ sơ và nhận kết quả qua hệ thống bưu chính; hoặc

+ Trực tiếp tại các cơ quan sau: Chi Cục Hàng Hải Việt Nam tại TP. Hải Phòng, TP. Hồ Chí Minh hoặc Cảng vụ Hàng Hải Đà Nẵng.

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ

- Quy định cụ thể về thành phần hồ sơ gồm:

+ Tờ khai đăng ký tàu biển (theo mẫu);

+ Hợp đồng đóng tàu (bản chính hoặc bản sao có công chứng);

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy phép thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam (bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp kèm bản chính để đối chiếu);

+ Giấy xác nhận tàu đã đặt sống chính của cơ sở đóng tàu (bản chính).

- Quy định rõ số lượng hồ sơ phải nôp là 01 bộ.

42. Thủ tục Đăng ký tàu biển loại nhỏ - B-BGT-017819-TT

a) Về trình tự, cách thức thực hiện thủ tục hành chính

- Quy định rõ trình tự thực hiện như sau:

+ Bước 1: Chủ tàu nộp (gửi) hồ sơ đề nghị tại một trong các cơ quan sau: Chi Cục Hàng Hải Việt Nam tại TP. Hải Phòng, TP. Hồ Chí Minh hoặc Cảng vụ Hàng Hải Đà Nẵng;

+ Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn trả kết quả (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Trường hợp hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn người làm thủ tục hoàn thiện hồ sơ;

+ Bước 3: Kiểm tra, thẩm định hồ sơ;

+ Bước 4: Trả kết quả: Đến ngày trả kết quả theo giấy hẹn, người làm thủ tục đến nộp lệ phí theo quy định và nhận kết quả (hoặc nhận kết quả qua đường bưu chính).

- Quy định cụ thể cách thức thực hiện:

+ Nộp hồ sơ và nhận kết quả qua hệ thống bưu chính; hoặc

+ Trực tiếp tại các cơ quan sau: Chi Cục Hàng Hải Việt Nam tại TP. Hải Phòng, TP. Hồ Chí Minh hoặc Cảng vụ Hàng Hải Đà Nẵng.

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ

- Quy định cụ thể về thành phần hồ sơ gồm:

+ Tờ khai đăng ký tàu biển (theo mẫu);

+ Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu biển hoặc biên bản bàn giao tàu đối với tàu đóng mới (bản chính);

+ Hợp đồng mua, bán tàu biển hoặc hợp đồng đóng tàu hoặc các bằng chứng về chuyển quyền sở hữu có giá trị pháp lý tương đương khác (bản chính hoặc bản sao có công chứng);

+ Chứng từ nộp tiền phí trước bạ theo quy định của Bộ Tài chính: Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước hoặc Biên lai thu phí trước bạ (bản sao chụp kèm theo bản chính để đối chiếu);

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy phép thành lập Chi nhánh hoặc Văn phòng đại diện tại Việt Nam (bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp kèm bản chính để đối chiếu);

+ Sổ kiểm tra an toàn kỹ thuật (bản chính).

- Quy định rõ số lượng hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

43. Thủ tục xóa hoặc tạm ngừng xóa đăng ký tàu biển - B-BGT-017820-TT

a) Sửa tên thủ tục thành: Thủ tục xóa hoặc tạm xóa đăng ký tàu biển và đơn giản hóa như sau:

b) Về trình tự, cách thức thực hiện thủ tục hành chính

- Quy định rõ trình tự thực hiện như sau:

+ Bước 1: Chủ tàu nộp (gửi) hồ sơ đề nghị tại một trong các cơ quan sau: Chi Cục Hàng Hải Việt Nam tại TP. Hải Phòng, TP. Hồ Chí Minh hoặc Cảng vụ Hàng Hải Đà Nẵng;

+ Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn trả kết quả (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Trường hợp hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn người làm thủ tục hoàn thiện hồ sơ;

+ Bước 3: Kiểm tra, thẩm định hồ sơ;

+ Bước 4: Trả kết quả: Đến ngày trả kết quả theo giấy hẹn, người làm thủ tục đến nộp lệ phí theo quy định và nhận kết quả (hoặc nhận kết quả qua đường bưu chính).

- Quy định cụ thể cách thức thực hiện:

+ Nộp hồ sơ và nhận kết quả qua hệ thống bưu chính; hoặc

+ Trực tiếp tại các cơ quan sau: Chi Cục Hàng Hải Việt Nam tại TP. Hải Phòng, TP. Hồ Chí Minh hoặc Cảng vụ Hàng Hải Đà Nẵng.

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ

- Quy định rõ thành phần hồ sơ và đặc tính của các loại giấy tờ trong thành phần hồ sơ.

- Quy định rõ số lượng hồ sơ: 01 bộ.

c) Bổ sung thêm mục "Ngày đề nghị tạm dừng hoặc xóa đăng ký vào "Tờ khai tạm dừng và xóa đăng ký tàu biển".

44. Thủ tục Đăng ký thế chấp tàu biển Việt Nam - B-BGT-017823-TT

a) Về trình tự, cách thức thực hiện thủ tục hành chính

- Quy định rõ trình tự thực hiện như sau:

+ Bước 1: Chủ tàu nộp (gửi) hồ sơ đề nghị tại một trong các cơ quan sau: Chi Cục Hàng Hải Việt Nam tại TP. Hải Phòng, TP. Hồ Chí Minh hoặc Cảng vụ Hàng Hải Đà Nẵng;

+ Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn trả kết quả (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Trường hợp hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn người làm thủ tục hoàn thiện hồ sơ;

+ Bước 3: Kiểm tra, thẩm định hồ sơ;

+ Bước 4: Trả kết quả: Đến ngày trả kết quả theo giấy hẹn, người làm thủ tục đến nộp lệ phí theo quy định và nhận kết quả (hoặc nhận kết quả qua đường bưu chính).

- Quy định cụ thể cách thức thực hiện:

+ Nộp hồ sơ và nhận kết quả qua hệ thống bưu chính; hoặc

+ Trực tiếp tại các cơ quan sau: Chi Cục Hàng Hải Việt Nam tại TP. Hải Phòng, TP. Hồ Chí Minh hoặc Cảng vụ Hàng Hải Đà Nẵng.

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ

- Quy định cụ thể về thành phần hồ sơ gồm:

+ Tờ khai đăng ký thế chấp tàu biển của người nhận thế chấp theo Phụ lục VIII của Nghị định số 29/2009/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2009 về đăng ký và mua, bán tàu biển (bản chính);

+ Hợp đồng thế chấp tàu biển (bản chính).

- Quy định rõ số lượng hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

45. Thủ tục xóa đăng ký thế chấp tàu biển Việt Nam - B-BGT-017824-TT

a) Về trình tự, cách thức thực hiện thủ tục hành chính

- Quy định rõ trình tự thực hiện như sau:

+ Bước 1: Chủ tàu nộp (gửi) hồ sơ đề nghị tại một trong các cơ quan sau: Chi Cục Hàng Hải Việt Nam tại TP. Hải Phòng, TP. Hồ Chí Minh hoặc Cảng vụ Hàng Hải Đà Nẵng;

+ Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn trả kết quả (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Trường hợp hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn người làm thủ tục hoàn thiện hồ sơ;

+ Bước 3: Kiểm tra, thẩm định hồ sơ;

+ Bước 4: Trả kết quả: Đến ngày trả kết quả theo giấy hẹn, người làm thủ tục đến nộp lệ phí theo quy định và nhận kết quả (hoặc nhận kết quả qua đường bưu chính).

- Quy định cụ thể cách thức thực hiện:

+ Nộp hồ sơ và nhận kết quả qua hệ thống bưu chính; hoặc

+ Trực tiếp tại các cơ quan sau: Chi Cục Hàng Hải Việt Nam tại TP. Hải Phòng, TP. Hồ Chí Minh hoặc Cảng vụ Hàng Hải Đà Nẵng.

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ

- Bỏ yêu cầu nộp "Văn bản đồng ý xóa thế chấp của người nhận thế chấp" trong thành phần hồ sơ.

- Quy định cụ thể về thành phần hồ sơ gồm:

+ Tờ khai xóa đăng ký thế chấp tàu biển của người nhận thế chấp (bản chính);

+ Giấy chứng nhận đăng ký thế chấp (bản chính).

- Quy định rõ số lượng hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

c) Bổ sung phần "xác nhận của người nhận thế chấp" hoặc "xác nhận của người thế chấp" vào "Tờ khai xóa đăng ký thế chấp tàu biển" tại Phụ lục IX, Nghị định số 29/2009/NĐ-CP ngày 26/3/2009 của Chính phủ trong trường hợp người đề nghị xóa đăng ký thế chấp là người thế chấp hoặc người nhận thế chấp.

B. TRÁCH NHIỆM THỰC THI PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA

Giao Bộ Giao thông vận tải:

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan xây dựng dự thảo nghị định sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại:

+ Nghị định số 71/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2006 của Chính phủ về quản lý cảng biển và luồng hàng hải;

+ Nghị định số 136/2007/NĐ-CP ngày 17 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ về việc xuất nhập cảnh của công dân Việt Nam;

+ Nghị định số 29/2009/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2009 của Chính phủ về đăng ký và mua, bán tàu biển, để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại tiết 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 22, 24, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44 và 45 Mục A Phần III của Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết này, trình Chính phủ trước ngày 31 tháng 3 năm 2011.

- Xây dựng thông tư sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại Quyết định số 29/2008/QĐ-BGTVT ngày 16/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về chức danh, nhiệm vụ theo chức danh của thuyền viên và đăng ký thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại tiết 22, 23, 24, 25 Mục A Phần III của Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết này, ban hành để có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của Nghị định sửa đổi các quy định có liên quan.

- Trước ngày 31 tháng 3 năm 2011, xây dựng, ban hành thông tư để quy định mới hoặc sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại:

+ Quyết định số 31/2008/QĐ-BGTVT ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về tiêu chuẩn chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên và định biên an toàn tối thiểu của tàu biển Việt Nam;

+ Quyết định số 29/2008/QĐ-BGTVT ngày 16 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về chức danh, nhiệm vụ theo chức danh của thuyền viên và đăng ký thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam;

+ Thông tư số 06/2009/TT-BGTVT ngày 18 tháng 6 năm 2009 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, cấp, thu hồi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải và giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải;

+ Quyết định số 38/2005/QĐ-BGTVT ngày 09 tháng 8 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy chế cấp chứng chỉ hành nghề kinh doanh dịch vụ thiết kế phương tiện vận tải, để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại tiết 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 26, 27, 28, 29, 30, 11, 12, 13 và 31 Mục A Phần III của Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết này.

IV. NHÓM THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC ĐƯỜNG SẮT

A. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA

1. Thủ tục Cấp mới Giấy phép lái tàu - B-BGT-035686-TT

a) Về trình tự, cách thức thực hiện:

- Quy định rõ trình tự thực hiện thủ tục hành chính như sau:

+ Bước 1: Cá nhân làm hồ sơ nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính đến Cục Đường sắt Việt Nam;

+ Bước 2: Cục Đường sắt Việt Nam tiếp nhận và xét duyệt hồ sơ: Nếu hồ sơ đạt thì thông báo cho cá nhân thời gian sát hạch; Nếu hồ sơ không đạt thì hướng dẫn cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

+ Bước 3: Cục Đường sắt Việt Nam tổ chức sát hạch; cấp Giấy phép lái tàu cho người trúng tuyển kỳ sát hạch.

- Quy định rõ cách thức thực hiện thủ tục hành chính này: nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi thông qua hệ thống bưu chính.

b) Quy định rõ số lượng bộ hồ sơ cần nộp là 01 bộ;

c) Rút ngắn thời hạn giải quyết thủ tục cấp giấy chứng nhận cho người được trúng tuyển từ 10 ngày xuống còn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;

d) Về yêu cầu, điều kiện: Sửa Khoản 1, Điều 10, Quyết định số 44/2005/QĐ-BGTVT ngày 22/9/2005 của Bộ GTVT như sau: "Là cá nhân có đầy đủ quyền công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, độ tuổi từ 23 đến 55 đối với nam giới, từ 23 đến 50 đối với nữ giới, có giấy chứng nhận đủ điều kiện sức khỏe của bệnh viện đa khoa cấp huyện (hoặc tương đương) trở lên".

2. Thủ tục Cấp lại Giấy phép lái tàu - B-BGT-036572-TT

a) Về trình tự, cách thức thực hiện:

- Quy định rõ trình tự thực hiện thủ tục hành chính như sau:

+ Bước 1: Tổ chức, cá nhân làm hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép lái tàu gửi Cục Đường sắt Việt Nam;

+ Bước 2: Cục Đường sắt Việt Nam tiếp nhận, xét duyệt hồ sơ;: Nếu hồ sơ đạt thì giải quyết theo quy định; Nếu hồ sơ không đạt thì hướng dẫn tổ chức cá nhân hoàn thiện lại;

+ Bước 3: Cục Đường sắt Việt Nam cấp lại Giấy phép lái tàu.

- Quy định rõ cách thức thực hiện thủ tục hành chính này: nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi thông qua hệ thống bưu chính.

b) Quy định rõ số lượng bộ hồ sơ cần nộp là 01 bộ;

c) Bỏ yêu cầu nộp "Đơn trình báo có xác nhận của cơ quan công an nơi bị mất" trong thành phần hồ sơ;

d) Rút ngắn thời hạn giải quyết thủ tục cấp lại Giấy phép lái tàu từ 15 ngày xuống còn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

3. Thủ tục Đổi Giấy phép lái tàu - B-BGT-036610-TT

a) Về trình tự, cách thức thực hiện

- Quy định rõ trình tự thực hiện thủ tục hành chính như sau:

+ Bước 1: Cá nhân làm hồ sơ đề nghị đổi giấy phép lái tàu gửi Cục Đường sắt Việt Nam;

+ Bước 2: Cục Đường sắt Việt Nam tiếp nhận, xét duyệt hồ sơ: Nếu hồ sơ đạt thì giải quyết theo quy định; Nếu hồ sơ không đạt thì hướng dẫn cá nhân hoàn thiện lại;

+ Bước 3: Cục Đường sắt Việt Nam đổi giấy phép lái tàu.

- Quy định rõ cách thức thực hiện thủ tục hành chính này: nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi thông qua hệ thống bưu chính.

b) Quy định rõ số lượng bộ hồ sơ cần nộp là 01 bộ;

c) Rút ngắn thời hạn giải quyết thủ tục đổi Giấy phép lái tàu từ 15 ngày xuống còn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

4. Cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt (cho phương tiện đăng ký lần đầu) - B-BGT-036624-TT

a) Về trình tự, cách thức thực hiện

- Quy định rõ trình tự thực hiện thủ tục hành chính như sau:

+ Chủ sở hữu phương tiện nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký phương tiện trực tiếp hoặc gửi thông qua hệ thống bưu chính đến Cục Đường sắt Việt Nam;

+ Cục Đường sắt Việt Nam tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ. Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì làm thủ tục theo đề nghị của chủ sở hữu phương tiện. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì phải thông báo ngay cho chủ phương tiện biết để hoàn thiện lại hồ sơ.

- Quy định rõ cách thức thực hiện thủ tục hành chính này: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi thông qua hệ thống bưu chính.

b) Rút ngắn thời hạn giải quyết thủ tục từ 07 ngày xuống còn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;

c) Bổ sung vào phần kê khai nhãn hiệu chú thích của Mẫu Đơn đề nghị đăng ký phương tiện giao thông đường sắt như sau: "Nhãn hiệu (trường hợp nhiều phương tiện cùng chủng loại chỉ cần kê khai nhãn hiệu vào một tờ đơn và ghi từ số đến số).....".

5. Thủ tục Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt (dùng cho phương tiện đăng ký lại) - B-BGT-036654-TT

a) Về trình tự, cách thức thực hiện:

- Quy định rõ trình tự thực hiện thủ tục hành chính như sau:

+ Chủ sở hữu phương tiện nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký phương tiện trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính đến Cục Đường sắt Việt Nam.

+ Cục Đường sắt Việt Nam tiếp nhận và kiểm tra tính đầy đủ theo quy định của hồ sơ. Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì làm thủ tục theo đề nghị của chủ sở hữu phương tiện. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì phải thông báo ngay cho chủ phương tiện biết để hoàn thiện lại hồ sơ.

- Quy định rõ cách thức thực hiện thủ tục hành chính này: nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi thông qua hệ thống bưu chính.

b) Rút ngắn thời hạn giải quyết thủ tục từ 07 ngày xuống còn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;

c) Bổ sung vào phần kê khai nhãn hiệu chú thích của Mẫu Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện giao thông đường sắt (Dùng cho phương tiện đăng ký lại) như sau: "Nhãn hiệu (trường hợp nhiều phương tiện cùng chủng loại chỉ cần kê khai nhãn hiệu vào một tờ đơn và ghi từ số đến số).....".

6. Thủ tục Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt (dùng cho phương tiện bị mất đăng ký) - B-BGT-036670-TT

a) Về trình tự, cách thức thực hiện:

- Quy định rõ trình tự thực hiện thủ tục hành chính như sau:

+ Chủ sở hữu phương tiện nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký phương tiện trực tiếp hoặc gửi thông qua hệ thống bưu chính đến Cục Đường sắt Việt Nam;

+ Cục Đường sắt Việt Nam tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ. Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì làm thủ tục theo đề nghị của chủ sở hữu phương tiện. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì phải thông báo ngay cho chủ phương tiện biết để hoàn thiện lại hồ sơ.

- Quy định rõ cách thức thực hiện thủ tục hành chính này: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi thông qua hệ thống bưu chính.

b) Rút ngắn thời hạn giải quyết thủ tục từ 07 ngày xuống còn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;

c) Bổ sung vào phần kê khai nhãn hiệu chú thích của Mẫu Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện giao thông đường sắt (Dùng cho phương tiện bị mất đăng ký) như

sau: "Nhãn hiệu (trường hợp nhiều phương tiện cùng chủng loại chỉ cần kê khai nhãn hiệu vào một tờ đơn và ghi từ số đến số).....".

7. Thủ tục Xóa tên, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt - B-BGT-036681-TT

a) Về trình tự, cách thức thực hiện

- Quy định rõ trình tự thực hiện thủ tục hành chính như sau:

+ Chủ sở hữu phương tiện nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký phương tiện trực tiếp hoặc gửi thông qua hệ thống bưu chính đến Cục Đường sắt Việt Nam;

+ Cục Đường sắt Việt Nam tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ. Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì làm thủ tục theo đề nghị của chủ sở hữu phương tiện. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì phải thông báo ngay cho chủ phương tiện biết để hoàn thiện lại hồ sơ.

- Quy định rõ cách thức thực hiện thủ tục hành chính này: nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi thông qua hệ thống bưu chính.

b) Rút ngắn thời hạn giải quyết thủ tục từ 07 ngày xuống còn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;

c) Bổ sung vào phần kê khai nhãn hiệu chú thích của mẫu đơn đề nghị xóa đăng ký phương tiện giao thông đường sắt như sau: "Nhãn hiệu (trường hợp nhiều phương tiện cùng chủng loại chỉ cần kê khai nhãn hiệu vào một tờ đơn và ghi từ số đến số).....".

8. Thủ tục Cấp chứng chỉ hành nghề kinh doanh dịch vụ thiết kế phương tiện giao thông đường sắt - B-BGT-036692-TT

- Quy định rõ cách thức thực hiện thủ tục hành chính này: nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi thông qua hệ thống bưu chính đến cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ.

- Rút ngắn thời hạn cấp giấy chứng chỉ từ 15 ngày xuống còn 07 ngày đối với thủ tục này. Trường hợp không cấp phải thông báo lý do và trả lại hồ sơ cho người xin cấp chứng chỉ.

- Xác định rõ mức phí, lệ phí phải nộp khi thực hiện thủ tục hành chính.

9. Thủ tục Cấp chứng chỉ an toàn cho doanh nghiệp kinh doanh đường sắt - B-BGT-036723 -TT

a) Tách TTHC này thành 02 thủ tục và công bố lại TTHC như sau:

- Thủ tục "Cấp chứng chỉ an toàn cho doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt".

- Thủ tục "Cấp chứng chỉ an toàn cho doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt".

b) Quy định rõ số lượng hồ sơ cần nộp là 01 bộ;

c) Rút ngắn thời gian cấp giấy chứng chỉ từ 30 ngày xuống còn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

10. Thủ tục Cấp giấy phép xây dựng trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt quốc gia, hành lang an toàn giao thông đường sắt quốc gia đối với các công trình vĩnh cửu: Cầu, cầu vượt, hầm chui; Các loại cống có diện tích thoát nước từ 1m^2 trở lên; Các loại đường ống (kể cả đường ống bảo vệ) có đường kính từ 500 mm trở lên; Các công trình và đường dây điện lực có điện áp từ 35KV trở lên - B-BGT-036737-TT

a) Quy định rõ cách thức thực hiện như sau: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi thông qua hệ thống bưu chính đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết;

b) Thành phần và số lượng hồ sơ:

- Giảm số lượng hồ sơ từ 03 bộ xuống còn 01 bộ;

- Xác định rõ cơ quan cho ý kiến đối với thành phần hồ sơ: "Ý kiến bằng văn bản của cơ quan cấp giấy phép khi lập dự án xây dựng công trình".

11. Thủ tục Cấp giấy phép xây dựng công trình trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt quốc gia, hành lang an toàn đường sắt đối với công trình: Công trình xây dựng tạm (thời hạn sử dụng công trình không quá 12 tháng); Công trình xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp mà không thuộc thẩm quyền cấp Giấy phép của Cục Đường sắt VN - B-BGT-041188-TT

a) Quy định rõ cách thức thực hiện như sau: nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi thông qua hệ thống bưu chính đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết;

b) Về thành phần và số lượng hồ sơ:

- Giảm số lượng hồ sơ từ 03 bộ xuống 01 bộ.

- Xác định rõ cơ quan cho ý kiến đối với thành phần hồ sơ: "Ý kiến bằng văn bản của cơ quan cấp giấy phép khi lập dự án xây dựng công trình".

12. Thủ tục Gia hạn giấy phép xây dựng trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt quốc gia, hành lang an toàn giao thông đường sắt quốc gia đối với các công trình vĩnh cửu: Cầu, cầu vượt, hầm chui; Các loại cống có diện tích thoát nước từ 1m^2 trở lên; Các loại đường ống (kể cả đường ống bảo vệ) có đường kính từ 500 mm trở lên; Các công trình và đường dây điện lực có điện áp từ 35KV trở lên - B-BGT-106349-TT

a) Về trình tự, cách thức thực hiện

- Quy định rõ trình tự thực hiện thủ tục hành chính như sau:

+ Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi thông qua hệ thống bưu chính đến cơ quan đã cấp giấy phép";

+ Cơ quan cấp phép tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ theo quy định;

+ Khi nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định, cơ quan cấp phép phải biên nhận hồ sơ và hẹn, thông báo ngày trả kết quả;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, cơ quan cấp phép có nghĩa vụ hướng dẫn cho người đề nghị cấp gia hạn giấy phép để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định. Thời hạn hoàn chỉnh hồ sơ không tính vào thời hạn cấp gia hạn giấy phép."

- Quy định rõ cách thức thực hiện thủ tục hành chính này: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi thông qua hệ thống bưu chính.

b) Quy định cụ thể số lượng hồ sơ cần nộp là 01 bộ.

13. Thủ tục Gia hạn giấy phép xây dựng công trình trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt quốc gia, hành lang an toàn đường sắt đối với công trình: Công trình xây dựng tạm (thời hạn sử dụng công trình không quá 12 tháng); Công trình xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp mà không thuộc thẩm quyền cấp Giấy phép của Cục Đường sắt VN - B-BGT-106195-TT

a) Về trình tự, cách thức thực hiện

- Quy định rõ trình tự thực hiện thủ tục hành chính như sau:

+ Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi thông qua hệ thống bưu chính đến cơ quan đã cấp giấy phép";

+ Cơ quan cấp phép tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ theo quy định;

+ Khi nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định, cơ quan cấp phép phải biên nhận hồ sơ và hẹn, thông báo ngày trả kết quả;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, cơ quan cấp phép có nghĩa vụ hướng dẫn cho người đề nghị cấp gia hạn giấy phép để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định. Thời hạn hoàn chỉnh hồ sơ không tính vào thời hạn cấp gia hạn giấy phép."

- Quy định rõ cách thức thực hiện thủ tục hành chính này: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi thông qua hệ thống bưu chính.

b) Quy định số lượng hồ sơ cần nộp là 01 bộ.

14. Thủ tục Cấp Giấy phép thực hiện hoạt động duy tu, sửa chữa, bảo dưỡng các công trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường sắt đã xây dựng hợp pháp trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt quốc gia, hành lang an toàn giao thông đường sắt quốc gia - B-BGT-041495-TT

a) Quy định rõ cách thức nộp hồ sơ như sau: Trực tiếp hoặc gửi thông qua hệ thống bưu chính đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục;

b) Về thành phần và số lượng hồ sơ

- Giảm số lượng hồ sơ từ 03 bộ xuống còn 01 bộ.

- Bỏ yêu cầu nộp "Ý kiến bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước về đường sắt có thẩm quyền khi lập dự án xây dựng công trình" trong thành phần hồ sơ.

15. Thủ tục Cấp giấy phép xây dựng đường ngang cấp I, II, III giao cắt giữa đường sắt quốc gia với đường bộ các cấp - B-BGT-106237-TT

- Quy định số lượng bộ hồ sơ cần nộp là 01 bộ.

- Bỏ nội dung yêu cầu xác nhận của cơ quan quản lý đường bộ địa phương và cơ quan quản lý đường sắt địa phương trong mẫu Đơn đề nghị.

16. Thủ tục Cấp giấy phép nâng cấp, cải tạo đường ngang giao cắt giữa đường sắt quốc gia với đường bộ các cấp - B-BGT-014555-TT

- Quy định rõ cách thức thực hiện như sau: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi thông qua hệ thống bưu chính đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

- Quy định số lượng bộ hồ sơ cần nộp là 01 bộ.

- Bỏ nội dung yêu cầu xác nhận của cơ quan quản lý đường bộ địa phương và cơ quan quản lý đường sắt địa phương trong mẫu Đơn đề nghị.

17. Thủ tục Gia hạn giấy phép xây dựng đường ngang cấp I, II, III giao cắt giữa đường sắt quốc gia với đường bộ các cấp - B-BGT-106358-TT

a) Về trình tự, cách thức thực hiện

- Quy định rõ trình tự thực hiện thủ tục hành chính như sau:

+ Tổ chức cá nhân gửi hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính đến cơ quan đã cấp giấy phép xây dựng đường ngang;

+ Cơ quan cấp phép tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ theo quy định;

+ Khi nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định, cơ quan cấp phép phải biên nhận hồ sơ và hẹn, thông báo ngày trả kết quả;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, cơ quan cấp phép có nghĩa vụ hướng dẫn cho người đề nghị cấp phép để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định. Thời hạn hoàn chỉnh hồ sơ không tính vào thời hạn cấp phép.”

- Quy định rõ cách thức thực hiện thủ tục hành chính này: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi thông qua hệ thống bưu chính.

b) Quy định số lượng bộ hồ sơ cần nộp là 01 bộ;

c) Quy định cụ thể thời hạn giải quyết thủ tục là 05 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

18. Thủ tục Gia hạn giấy phép cải tạo, nâng cấp đường ngang cấp I, II, III giao cắt giữa đường sắt quốc gia với đường bộ các cấp - B-BGT-106593-TT

a) Về trình tự, cách thức thực hiện

- Quy định rõ trình tự thực hiện thủ tục hành chính như sau:

+ Tổ chức cá nhân gửi hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính đến cơ quan đã cấp giấy phép xây dựng đường ngang;

+ Cơ quan cấp phép tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ theo quy định;

+ Khi nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định, cơ quan cấp phép phải biên nhận hồ sơ và hẹn, thông báo ngày trả kết quả;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, cơ quan cấp phép có nghĩa vụ hướng dẫn cho người đề nghị cấp phép để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định. Thời hạn hoàn chỉnh hồ sơ không tính vào thời hạn cấp phép.”

- Quy định rõ cách thức thực hiện thủ tục hành chính này: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi thông qua hệ thống bưu chính.

b) Quy định số lượng bộ hồ sơ cần nộp là 01 bộ;

c) Quy định thời hạn giải quyết thủ tục là 05 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

19. Thủ tục Thỏa thuận thành lập, cải tạo, nâng cấp đường ngang cấp I, II, III giao cắt giữa đường sắt quốc gia với đường bộ các cấp - B-BGT-106544-TT

- Quy định rõ cách thức thực hiện như sau: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi thông qua hệ thống bưu chính đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

- Quy định số lượng bộ hồ sơ cần nộp là 01 bộ.

- Quy định rõ thời hạn thỏa thuận thành lập, cải tạo, nâng cấp đường ngang cấp I, II, III giao cắt giữa đường sắt quốc gia với đường bộ các cấp là 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

20. Thủ tục Công bố mở ga đường sắt - B-BGT-037248-TT

a) Quy định rõ cách thức thực hiện thủ tục hành chính như sau: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi thông qua hệ thống bưu chính;

b) Quy định rõ số lượng bộ hồ sơ cần nộp là 01 bộ;

c) Thời hạn thẩm định hồ sơ và công bố mở ga đường sắt:

- Rút ngắn thời hạn thẩm định hồ sơ từ 07 ngày xuống 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;

- Rút ngắn thời hạn chấp thuận cho đầu tư xây dựng ga đường sắt từ 15 ngày xuống còn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

21. Thủ tục Công bố đóng ga đường sắt - B-BGT-037295-TT

- Quy định rõ cách thức thực hiện thủ tục hành chính như sau: nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi thông qua hệ thống bưu chính.

- Quy định rõ số lượng bộ hồ sơ cần nộp là 01 bộ.

- Quy định thời hạn giải quyết đối với thủ tục này là 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

B. TRÁCH NHIỆM THỰC THI PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA

1. Giao Bộ Giao thông vận tải xây dựng, ban hành thông tư sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại:

+ Quyết định số 44/2005/QĐ-BGTVT ngày 22 tháng 9 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chế quản lý sát hạch, cấp, đổi, thu hồi giấy phép lái tàu;

+ Quyết định số 55/2005/QĐ-BGTVT ngày 28 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về đăng ký phương tiện giao thông đường sắt;

+ Quyết định số 38/2005/QĐ-BGTVT ngày 09 tháng 8 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chế cấp chứng chỉ hành nghề kinh doanh dịch vụ thiết kế phương tiện vận tải;

+ Quyết định số 61/2007/QĐ-BGTVT ngày 24 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Ban hành Quy định về loại hình doanh nghiệp kinh doanh đường sắt phải có chứng chỉ an toàn và điều kiện, trình tự, thủ tục cấp chứng chỉ an toàn;

+ Quyết định số 60/2005/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 11 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về việc cấp giấy phép xây dựng, thực hiện hoạt động trong phạm vi đất dành cho đường sắt;

+ Quyết định số 15/2006/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về Điều lệ đường ngang;

+ Quyết định số 53/2007/QĐ-BGTVT ngày 06 tháng 11 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về công bố đóng, mở ga đường sắt, để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại Mục A Phần IV của Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết này, ban hành trước ngày 31 tháng 3 năm 2011.

2. Giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải xây dựng dự thảo thông tư để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại tiết 8 Mục A Phần IV của Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết này, ban hành trước ngày 31 tháng 3 năm 2011.

V. NHÓM THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC ĐĂNG KIỂM

A. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA

1. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận hoạt động kiểm định xe cơ giới cho các Trung tâm Đăng kiểm - B-BGT-020694-TT

a) Về trình tự và cách thức thực hiện

- Quy định cụ thể trình tự thực hiện như sau:

+ Bước 1: Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động kiểm định xe cơ giới về Cục Đăng kiểm Việt Nam;

+ Bước 2: Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, nếu đúng theo quy định thì thông báo cho tổ chức, cá nhân về thời gian kiểm tra thực tế tại địa điểm xây dựng Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới;

+ Bước 3: Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành kiểm tra vào thời gian đã thông báo cho tổ chức, cá nhân. Cấp Giấy chứng nhận hoạt động kiểm định xe cơ giới cho Trung tâm đăng kiểm trong phạm vi 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra đạt kết quả. Nếu qua kiểm tra không đạt kết quả, trong phạm vi 05 ngày làm việc Cục Đăng kiểm Việt Nam có thông báo bằng văn bản để tổ chức, cá nhân khắc phục và tiến hành kiểm tra lại.

- Quy định rõ cách thức thực hiện như sau: Tổ chức, cá nhân có thể nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại trụ sở Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc qua hệ thống bưu chính.

b) Về hồ sơ, thành phần hồ sơ

- Quy định rõ thành phần hồ sơ như sau:

+ Giấy đề nghị kiểm tra cấp giấy chứng nhận hoạt động kiểm định xe cơ giới (bản chính);

+ Danh sách trích ngang các chức danh làm việc tại Trung tâm Đăng kiểm (bản chính);

+ Danh mục thiết bị kiểm định và dụng cụ kiểm tra (bản chính);

+ Bản vẽ mặt bằng tổng thể hoàn công của Trung tâm (bản sao chụp);

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập đối với tổ chức sự nghiệp (bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp kèm bản chính để đối chiếu).

- Quy định rõ số lượng hồ sơ: 01 bộ.

c) Về thời hạn giải quyết: Trong phạm vi 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra tại Trung tâm Đăng kiểm đạt kết quả. Nếu qua kiểm tra không đạt kết quả, trong phạm vi 05 ngày làm việc Cục Đăng kiểm Việt Nam có thông báo bằng văn bản để tổ chức, cá nhân khắc phục và tiến hành kiểm tra lại;

d) Không quy định thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận hoạt động kiểm định xe cơ giới cho các Trung tâm Đăng kiểm.

2. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới - B-BGT-020715-TT

a) Quy định cụ thể trình tự thực hiện như sau:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân đưa phương tiện và xuất trình hồ sơ kiểm định đến một trong các Trung tâm Đăng kiểm đã được Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp chứng nhận hoạt động.

- Bước 2: Trung tâm Đăng kiểm tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại.

+ Nếu hồ sơ đầy đủ thì tiến hành kiểm tra phương tiện.

- Bước 3: Trung tâm Đăng kiểm cấp Giấy chứng nhận, Tem kiểm định cho phương tiện đạt tiêu chuẩn hoặc thông báo nguyên nhân không đạt tiêu chuẩn.

b) Về hồ sơ, thành phần hồ sơ:

- Đổi tên Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo thành Giấy chứng nhận chất lượng xe cơ giới cải tạo (cho phù hợp với kiến nghị tại thủ tục B-BGT-028292-TT).

- Quy định rõ khi đến làm thủ tục, tổ chức, cá nhân phải xuất trình những giấy tờ sau:

+ Giấy đăng ký xe do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp (bản chính);

+ Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới còn hiệu lực (bản chính);

+ Giấy chứng nhận chất lượng ôtô nhập khẩu hoặc thông báo miễn kiểm tra chất lượng ôtô nhập khẩu nếu kiểm định lần đầu (bản chính);

+ Sổ kiểm định nếu kiểm định định kỳ (bản chính);

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vận tải nếu phương tiện kinh doanh vận tải (bản sao chụp);

+ Giấy chứng nhận chất lượng xe cơ giới cải tạo đối với xe cơ giới kiểm định sau khi cải tạo (bản chính).

- Quy định rõ số lượng hồ sơ là 01 bộ.

3. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ - B-BGT-021307-TT

a) Đổi tên thủ tục hành chính này thành "thủ tục Cấp Giấy chứng nhận, tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ";

b) Về trình tự, cách thức thực hiện

- Quy định cụ thể trình tự thực hiện như sau:

+ Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện 01 bộ hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp tại Cục Đăng kiểm Việt Nam;

+ Bước 2: Cục Đăng kiểm Việt Nam: Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: Nếu hồ sơ không đạt thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ; Nếu hồ sơ đạt thì viết Giấy hẹn kiểm tra thực tế theo đề nghị của người nộp hồ sơ về thời gian và địa điểm kiểm tra thực tế;

+ Bước 3: Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành kiểm tra thực tế tại địa điểm do người nộp hồ sơ yêu cầu; sau khi kiểm tra: Nếu không đạt thì trả lời tổ chức, cá nhân; Nếu đạt thì cấp Giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định.

- Quy định rõ cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Cục Đăng kiểm Việt Nam.

c) Về mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu hóa giấy đề nghị.

4. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo - B-BGT-028292-TT

a) Đổi tên thủ tục hành chính này thành "thủ tục Cấp Giấy chứng nhận chất lượng xe cơ giới cải tạo";

b) Về trình tự, cách thức thực hiện

- Quy định cụ thể trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện 01 bộ hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Cục Đăng kiểm Việt Nam.

+ Bước 2: Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: Nếu hồ sơ không đạt thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại; Nếu hồ sơ đạt thì viết Giấy hẹn kiểm tra thực tế theo đề nghị của người nộp hồ sơ về thời gian và địa điểm kiểm tra thực tế.

+ Bước 3: Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành kiểm tra thực tế: Nếu không đạt thì trả lời tổ chức, cá nhân; Nếu đạt thì cấp Giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định.

- Quy định rõ cách thức thực hiện như sau:

Tổ chức, cá nhân có thể nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại trụ sở Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc qua hệ thống bưu chính.

c) Về thời hạn giải quyết thủ tục hành chính

Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra đạt yêu cầu.

d) Về mẫu đơn, mẫu tờ khai: Pháp lý hóa mẫu Biên bản nghiệm thu xuất xưởng xe cơ giới cải tạo và mẫu hóa đơn đề nghị;

đ) Thời hạn hiệu lực của kết quả thủ tục hành chính:

- Quy định thời hạn của Giấy chứng nhận chất lượng xe cơ giới cải tạo là 12 tháng kể từ ngày ký đối với những xe đã có biển số đăng ký.

- Không quy định thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận chất lượng xe cơ giới cải tạo đối với những xe cơ giới đã qua sử dụng, được phép nhập khẩu chưa có biển số.

5. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe mô tô, xe gắn máy ba bánh dùng cho người tàn tật đã sử dụng trước ngày 01 tháng 01 năm 2008 - B-BGT-029174-TT

Pháp lý hóa thủ tục hành chính này.

6. Thủ tục Công nhận đăng kiểm viên kiểm định xe cơ giới - B-BGT-029741-TT

a) Về trình tự, cách thức thực hiện

- Quy định cụ thể trình tự thực hiện như sau:

+ Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện 01 bộ hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Cục Đăng kiểm Việt Nam.

+ Bước 2: Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ. Nếu hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện; Nếu hồ sơ đầy đủ thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả.

+ Bước 3: Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành đánh giá hồ sơ: Nếu không đạt thì trả lời tổ chức, cá nhân; Nếu đạt thì ra quyết định công nhận Đăng kiểm viên.

- Cách thức thực hiện: Qua hệ thống bưu chính hoặc trực tiếp tại Cục Đăng kiểm Việt Nam.

b) Về hồ sơ, thành phần hồ sơ

- Quy định cụ thể thành phần hồ sơ như sau:

+ Văn bản đề nghị (bản chính);

+ Bản khai lý lịch khoa học đề nghị bổ nhiệm đăng kiểm viên (bản chính);

+ Bằng tốt nghiệp Đại học (bản sao chứng thực hoặc bản sao chụp kèm bản chính để đối chiếu);

+ Chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ đăng kiểm viên (bản sao chứng thực hoặc bản sao chụp kèm bản chính để đối chiếu);

+ Chứng chỉ ngoại ngữ: Tiếng Anh bằng A đối với Đăng kiểm viên hạng 3; tiếng Anh bằng B đối với Đăng kiểm viên hạng 2 (bản sao có chứng thực hoặc công chứng hoặc bản sao chụp kèm bản chính để đối chiếu).

- Quy định cụ thể số lượng hồ sơ: 01 bộ.

c) Về mẫu đơn, mẫu tờ khai: Pháp lý hóa mẫu Bản khai lý lịch khoa học đề nghị bổ nhiệm đăng kiểm viên;

d) Quy định rõ thời hạn giải quyết thủ tục hành chính như sau: Trong phạm vi 15 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ đề nghị công nhận đăng kiểm viên hợp lệ;

đ) Không quy định thời hạn của nhiệm kỳ Đăng kiểm viên đồng thời quy định rõ việc duy trì hạng, nâng hạng hoặc miễn nhiệm Đăng kiểm viên phải được tổ chức kiểm tra đánh giá trình độ, năng lực Đăng kiểm viên hàng năm (đối với các Đăng kiểm viên thuộc các phòng chức năng của Cục) hoặc gắn việc đánh giá trình độ, năng lực Đăng kiểm viên với đánh giá định kỳ Trung tâm đăng kiểm hàng năm (đối với các Đăng kiểm viên thuộc Trung tâm Đăng kiểm).

7. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu (ôtô, rơ moóc và sơ mi rơ moóc) - B-BGT-030408-TT

a) Về trình tự, cách thức thực hiện

- Quy định cụ thể trình tự thực hiện như sau:

+ Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện 01 bộ hồ sơ theo quy định và nộp tại Cục Đăng kiểm Việt Nam;

+ Bước 2: Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: Nếu hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại; Nếu hồ sơ đầy đủ thì xác nhận vào giấy đăng ký kiểm tra trong vòng 01 ngày làm việc và thống nhất về thời gian và địa điểm kiểm tra thực tế;

+ Bước 3: Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành kiểm tra thực tế: Nếu không đạt chất lượng thì cấp thông báo không đạt chất lượng; Nếu đảm bảo chất lượng thì cấp Giấy chứng nhận hoặc Thông báo miễn.

- Quy định rõ cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp.

b) Quy định rõ thời hạn giải quyết

- Trong phạm vi 10 ngày việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra thực tế đối với việc nhập khẩu ôtô chở người dưới 16 chỗ ngồi, loại mới (chưa qua sử dụng) theo quy định tại Thông tư số 25/2010/TTLT-BCT-BGTVT-BTC ngày 14 tháng 6 năm 2010.

- Trong phạm vi 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra thực tế đối với các loại xe cơ giới khác.

c) Pháp lý hóa các Biểu mẫu: "Giấy Đăng ký kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu", "Bản kê chi tiết xe cơ giới nhập khẩu", "Bản Đăng ký thông số kỹ thuật xe cơ giới nhập khẩu".

8. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe mô tô, xe gắn máy nhập khẩu và động cơ nhập khẩu sử dụng để sản xuất, lắp ráp xe mô tô, xe gắn máy - B-BGT-032223

a) Về trình tự, cách thức thực hiện

- Quy định cụ thể trình tự thực hiện như sau:

+ Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện 01 bộ hồ sơ theo quy định và nộp tại Cục Đăng kiểm Việt Nam;

+ Bước 2: Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: Nếu hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại; Nếu hồ sơ đầy đủ thì xác nhận vào giấy đăng ký kiểm tra trong vòng 01 ngày làm việc và thống nhất về thời gian và địa điểm kiểm tra thực tế;

+ Bước 3: Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành kiểm tra thực tế: Nếu không đạt chất lượng thì cấp thông báo không đạt chất lượng; Nếu đảm bảo chất lượng thì cấp Giấy chứng nhận hoặc Thông báo miễn.

- Quy định rõ cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp.

b) Quy định rõ thời hạn giải quyết: Trong phạm vi 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra thực tế;

c) Pháp lý hóa các Biểu mẫu: "Giấy Đăng ký kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe mô tô, xe gắn máy nhập khẩu và động cơ nhập khẩu sử dụng để sản xuất, lắp ráp xe mô tô, xe gắn máy", "Bản kê chi tiết xe mô tô, xe gắn máy nhập khẩu và động cơ nhập khẩu sử dụng để sản xuất, lắp ráp xe mô tô, xe gắn máy (ghép làm một)", "Bản Đăng ký thông số kỹ thuật xe mô tô, xe gắn máy nhập khẩu (động cơ nhập khẩu sử dụng để sản xuất, lắp ráp xe mô tô, xe gắn máy)".

9. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho kiểu loại ôtô, rơ moóc và sơ mi rơ moóc sản xuất, lắp ráp - B-BGT-032254-TT

a) Quy định cụ thể trình tự, cách thức thực hiện như sau:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện 01 bộ hồ sơ theo quy định và nộp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính đến Cục Đăng kiểm Việt Nam;

- Bước 2: Cục Đăng kiểm VN tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ;

+ Nếu hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại.

+ Nếu hồ sơ đầy đủ thì thống nhất với tổ chức, cá nhân về thời gian và địa điểm kiểm tra.

- Bước 3: Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành kiểm tra;

+ Nếu không đạt thì trả lời tổ chức, cá nhân và nêu rõ lý do;

+ Nếu đạt tiêu chuẩn thì cấp Giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định.

b) Quy định rõ cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp;

c) Thời hạn hiệu lực của kết quả thủ tục hành chính: Không quy định thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận đồng thời quy định rõ nếu cơ sở sản xuất nào không tuân thủ các quy định về kiểm tra, đánh giá của cơ quan quản lý chất lượng sẽ bị thu hồi Giấy chứng nhận hoặc tạm dừng cấp phôi, phiếu xuất xưởng.

10. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp xe mô tô, xe gắn máy - B-BGT-032937-TT

a) Về trình tự, cách thức thực hiện

- Quy định cụ thể trình tự thực hiện như sau:

+ Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện 01 bộ hồ sơ theo quy định và nộp tại Cục Đăng kiểm Việt Nam;

+ Bước 2: Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: Nếu hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại; Nếu hồ sơ đầy đủ thì thống nhất với tổ chức, cá nhân về thời gian và địa điểm kiểm tra thực tế;

+ Bước 3: Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành kiểm tra thực tế: Nếu không đạt thì trả lời tổ chức, cá nhân và nêu rõ lý do; Nếu đạt thì cấp Giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định.

- Quy định rõ cách thức thực hiện như sau: Tổ chức, cá nhân có thể nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại trụ sở Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc qua hệ thống bưu chính

b) Về mẫu đơn, mẫu tờ khai: Pháp lý hóa các biểu mẫu Bản đăng ký thông số kỹ thuật xe mô tô, xe gắn máy; Bản đăng ký các linh kiện chính sử dụng để lắp ráp xe;

c) Không quy định thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận đồng thời quy định rõ nếu cơ sở sản xuất nào không tuân thủ các quy định về kiểm tra, đánh giá của cơ quan quản lý chất lượng sẽ bị thu hồi Giấy chứng nhận hoặc tạm dừng cấp phôi, phiếu xuất xưởng.

11. Cấp Giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho kiểu loại linh kiện xe mô tô, xe gắn máy - B-BGT-033023-TT

a) Về trình tự, cách thức thực hiện

- Quy định cụ thể trình tự thực hiện như sau:

+ Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện 01 bộ hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ cho Cục Đăng kiểm Việt Nam;

+ Bước 2: Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: Nếu hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại; Nếu hồ sơ đầy đủ thì thống nhất với tổ chức, cá nhân về thời gian và địa điểm kiểm tra thực tế;

+ Bước 3: Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành kiểm tra thực tế: Nếu không đạt thì trả lời tổ chức, cá nhân và nêu rõ lý do; Nếu đạt tiêu chuẩn thì cấp Giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định.

- Quy định rõ cách thức thực hiện như sau: Tổ chức, cá nhân có thể nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại trụ sở Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc qua hệ thống bưu chính.

b) Pháp lý hóa biểu mẫu "Bản đăng ký các linh kiện chính sử dụng để lắp ráp động cơ";

c) Thời hạn hiệu lực của kết quả thủ tục hành chính:

Không quy định thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận đồng thời quy định rõ nếu cơ sở sản xuất nào không tuân thủ các quy định về kiểm tra, đánh giá của cơ quan quản lý chất lượng sẽ bị thu hồi Giấy chứng nhận hoặc tạm dừng cấp phôi, phiếu xuất xưởng.

12. Thẩm định thiết kế xe cơ giới sản xuất, lắp ráp - B-BGT-033148-TT

a) Về trình tự, cách thức thực hiện

- Quy định cụ thể trình tự thực hiện như sau:

+ Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện 03 bộ hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ đến Cục Đăng kiểm Việt Nam.

+ Bước 2: Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: Nếu hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại; Nếu hồ sơ đầy đủ thì viết Giấy hẹn thời gian trả kết quả.

+ Bước 3: Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành thẩm định Hồ sơ thiết kế: Nếu không đạt thì trả lời tổ chức, cá nhân; Nếu đạt thì cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế.

- Quy định rõ cách thức thực hiện như sau: Tổ chức, cá nhân có thể nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại trụ sở Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc qua hệ thống bưu chính.

b) Quy định rõ thành phần hồ sơ gồm:

+ Bản sao có chứng thực hoặc nộp bản sao chụp có xác nhận của chính cơ quan, tổ chức đứng đơn hoặc nộp bản sao chụp và mang bản chính đến để đối chiếu Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của cơ sở thiết kế (đối với trường hợp thẩm định thiết kế lần đầu của cơ sở thiết kế),

+ Bản sao có chứng thực hoặc nộp bản sao chụp có xác nhận của chính cơ quan, tổ chức đứng đơn hoặc nộp bản sao chụp và mang bản chính đến để đối chiếu "Chứng chỉ hành nghề kinh doanh dịch vụ thiết kế phương tiện vận tải" hoặc Bằng tốt nghiệp đại học đúng chuyên ngành của cán bộ thiết kế (đối với trường hợp thẩm định thiết kế lần đầu của cơ sở thiết kế),

+ Văn bản đề nghị thẩm định thiết kế (bản chính),

+ Các bản vẽ kỹ thuật (bản chính),

+ Thuyết minh tính toán (bản chính),

+ Hồ sơ phương tiện hoặc hệ thống, tổng thành (bản sao có chứng thực hoặc nộp bản sao chụp và mang bản chính đến để đối chiếu hoặc nộp bản sao chụp có xác nhận của chính cơ quan, tổ chức đứng đơn).

13. Thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo - B-BGT-106818-TT

a) Về trình tự, cách thức thực hiện

- Quy định cụ thể trình tự thực hiện như sau:

+ Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện 04 bộ hồ sơ theo quy định và nộp đến Cục Đăng kiểm Việt Nam;

+ Bước 2: Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: Nếu hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại; Nếu hồ sơ đầy đủ thì viết Giấy hẹn thời gian trả kết quả;

+ Bước 3: Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành thẩm định Hồ sơ thiết kế: Nếu không đạt thì trả lời tổ chức, cá nhân; Nếu đạt thì cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế.

- Quy định rõ cách thức thực hiện như sau: Tổ chức, cá nhân có thể nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại trụ sở Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc qua hệ thống bưu chính.

b) Về hồ sơ, thành phần hồ sơ:

- Quy định rõ thành phần hồ sơ gồm:

+ Văn bản đề nghị thẩm định thiết kế (bản chính);

+ Các bản vẽ kỹ thuật (bản chính);

+ Thuyết minh tính toán (bản chính);

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của cơ sở thiết kế (đối với trường hợp thẩm định thiết kế lần đầu của cơ sở thiết kế);

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp kèm bản chính để đối chiếu Chứng chỉ hành nghề kinh doanh dịch vụ thiết kế phương tiện vận tải;

+ Hồ sơ phương tiện hoặc hệ thống, tổng thành (bản sao chụp).

- Quy định rõ số lượng hồ sơ phải nộp: 04 bộ.

c) Về mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Bỏ mẫu Tờ trình thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo ban hành kèm theo Hướng dẫn số 231/ĐK ngày 23 tháng 03 năm 2005 của Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam.

- Xây dựng và ban hành mẫu Văn bản đề nghị thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo.

d) Không quy định thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo.

14. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế phương tiện thủy nội địa - B-BGT-033437-TT

a) Về trình tự, cách thức thực hiện

- Quy định cụ thể trình tự thực hiện thủ tục hành chính như sau:

+ Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện 01 bộ hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Cục Đăng kiểm Việt Nam;

+ Bước 2: Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: Nếu hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại; Nếu hồ sơ đầy đủ thì viết Giấy hẹn thời gian trả kết quả;

+ Bước 3: Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành thẩm định Hồ sơ thiết kế: Nếu không đạt thì trả lời tổ chức, cá nhân; Nếu đạt thì cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế.

- Quy định rõ cách thức thực hiện như sau: Tổ chức, cá nhân có thể nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại trụ sở Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc qua hệ thống bưu chính.

b) Về số lượng, thành phần hồ sơ

- Bỏ yêu cầu nộp "Nhiệm vụ thư thiết kế" trong thành phần hồ sơ.

- Quy định rõ thành phần hồ sơ như sau:

+ 01 Giấy đề nghị thẩm định thiết kế (bản chính theo mẫu);

+ 03 Hồ sơ thiết kế (bản chính).

- Quy định rõ số lượng hồ sơ: 01 bộ.

c) Xây dựng và ban hành mẫu "Giấy đề nghị thẩm định thiết kế".

15. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho tất cả các loại phương tiện thủy nội địa - B-BGT-033487-TT

a) Về thành phần, số lượng hồ sơ

- Quy định rõ thành phần hồ sơ gồm:

+ Giấy đề nghị kiểm tra (bản chính);

+ Chứng từ nguồn gốc phương tiện (bản sao chụp kèm bản chính để đối chiếu);

+ Tài liệu tính năng kỹ thuật của phương tiện (bản sao chụp) hoặc bản Đăng ký thông số kỹ thuật phương tiện thủy nội địa (bản chính theo mẫu).

- Quy định rõ số lượng hồ sơ phải nộp 01 bộ.

b) Xây dựng và ban hành mẫu "Giấy đề nghị kiểm tra" và mẫu "Bản đăng ký thông số kỹ thuật phương tiện thủy nội địa".

16. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa - B-BGT-033585-TT

a) Về trình tự, cách thức thực hiện

- Quy định cụ thể trình tự thực hiện như sau:

+ Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện 01 bộ hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Cục Đăng kiểm Việt Nam;

+ Bước 2: Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: Nếu hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại; Nếu hồ sơ đầy đủ thì viết Giấy hẹn thời gian tiến hành kiểm tra, đánh giá năng lực người được đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng kiểm viên;

+ Bước 3: Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành kiểm tra, đánh giá năng lực người được đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng kiểm viên: Nếu không đạt thì trả lời tổ chức, cá nhân; Nếu đạt thì cấp Giấy chứng nhận đăng kiểm viên.

- Quy định rõ cách thức thực hiện như sau: Tổ chức, cá nhân có thể nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại trụ sở Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc qua hệ thống bưu chính.

b) Về số lượng, thành phần hồ sơ

- Quy định rõ thành phần hồ sơ gồm:

+ Giấy đề nghị của đơn vị đăng kiểm (bản chính);

+ Lý lịch khoa học (bản chính);

+ Báo cáo thực tập (bản chính);

+ Học bạ đăng kiểm viên (bản sao chứng thực hoặc bản sao chụp và mang bản chính đến để đối chiếu).

- Quy định rõ số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

c) Quy định rõ thời hạn giải quyết như sau: Trong phạm 05 ngày làm việc sau khi có kết quả kiểm tra, đánh giá năng lực người đề nghị;

d) Quy định rõ thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa là 36 tháng kể từ ngày ký.

17. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận thẩm định thiết kế phương tiện giao thông đường sắt - B-BGT-033654-TT

a) Quy định cụ thể trình tự thực hiện như sau:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện 01 bộ hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Cục Đăng kiểm Việt Nam.

- Bước 2: Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại;

+ Nếu hồ sơ đầy đủ thì viết Giấy hẹn thời gian trả kết quả.

- Bước 3: Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành thẩm định Hồ sơ thiết kế:

+ Nếu không đạt thì trả lời tổ chức, cá nhân;

+ Nếu đạt thì cấp giấy chứng nhận thẩm định thiết kế.

b) Quy định rõ cách thức thực hiện như sau: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại trụ sở Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc qua hệ thống bưu chính.

18. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt nhập khẩu - B-BGT-033657-TT

a) Về trình tự, cách thức thực hiện

- Quy định cụ thể trình tự như sau:

+ Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện 01 bộ hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Cục Đăng kiểm Việt Nam;

+ Bước 2: Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: Nếu hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại; Nếu hồ sơ đầy đủ thì viết Giấy hẹn kiểm tra thực tế theo đề nghị của người nộp hồ sơ về thời gian và địa điểm kiểm tra thực tế;

+ Bước 3: Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành kiểm tra thực tế tại địa điểm do người nộp hồ sơ yêu cầu: Nếu không đạt thì trả lời tổ chức, cá nhân; Nếu đạt thì cấp Giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định.

- Quy định rõ cách thức thực hiện như sau: Tổ chức, cá nhân có thể nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại trụ sở Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc qua hệ thống bưu chính.

b) Quy định rõ số lượng hồ sơ phải nộp là 01 (bộ);

c) Quy định rõ thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt nhập khẩu như sau:

- Đối với đường sắt quốc gia:

+ Đối với phương tiện nhập khẩu mới:

(+) Đầu máy, phương tiện chuyên dùng là 18 tháng kể từ ngày kết thúc kiểm tra đạt yêu cầu;

(+) Toa xe khách, toa xe hàng là 36 tháng kể từ ngày kết thúc kiểm tra đạt yêu cầu.

+ Đối với phương tiện nhập khẩu đã qua sử dụng là 12 tháng kể từ ngày kết thúc kiểm tra đạt yêu cầu.

- Đối với đường sắt chuyên dùng:

+ Đối với phương tiện nhập khẩu mới là 30 tháng kể từ ngày kết thúc kiểm tra đạt yêu cầu.

+ Đối với phương tiện nhập khẩu đã qua sử dụng là 18 tháng kể từ ngày kết thúc kiểm tra đạt yêu cầu.

19. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt sản xuất, lắp ráp - B-BGT-033659-TT

a) Về trình tự, cách thức thực hiện

- Quy định cụ thể trình tự như sau:

+ Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện 01 bộ hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Cục Đăng kiểm Việt Nam;

+ Bước 2: Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: Nếu hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại; Nếu hồ sơ đầy đủ thì viết Giấy hẹn kiểm tra thực tế theo đề nghị của người nộp hồ sơ về thời gian và địa điểm kiểm tra thực tế;

+ Bước 3: Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành kiểm tra thực tế tại địa điểm do người nộp hồ sơ yêu cầu: Nếu không đạt thì trả lời tổ chức, cá nhân; Nếu đạt thì cấp giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định.

- Quy định rõ cách thức thực hiện như sau: Tổ chức, cá nhân có thể nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại trụ sở Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc qua hệ thống bưu chính.

b) Quy định rõ số lượng hồ sơ phải nộp là 01 (bộ);

c) Quy định rõ thời hạn của Giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt sản xuất, lắp ráp như sau:

- Đối với đường sắt quốc gia:

+ Đầu máy, phương tiện chuyên dùng là 18 tháng kể từ ngày kết thúc kiểm tra đạt yêu cầu;

+ Toa xe khách, toa xe hàng là 36 tháng kể từ ngày kết thúc kiểm tra đạt yêu cầu.

- Đối với đường sắt chuyên dùng: Là 30 tháng kể từ ngày kết thúc kiểm tra đạt yêu cầu.

20. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận kiểm tra định kỳ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt - B-BGT-033660-TT

a) Về trình tự, cách thức thực hiện

- Quy định cụ thể trình tự như sau:

+ Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện 01 bộ hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Cục Đăng kiểm Việt Nam;

+ Bước 2: Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: Nếu hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại; Nếu hồ sơ đầy đủ thì viết Giấy hẹn kiểm tra thực tế theo đề nghị của người nộp hồ sơ về thời gian và địa điểm kiểm tra thực tế;

+ Bước 3: Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành kiểm tra thực tế tại địa điểm do người nộp hồ sơ yêu cầu: Nếu không đạt thì trả lời tổ chức, cá nhân; Nếu đạt thì cấp giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định.

- Quy định rõ cách thức thực hiện như sau: Tổ chức, cá nhân có thể nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại trụ sở Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc qua hệ thống bưu chính.

b) Quy định rõ số lượng hồ sơ phải nộp là 01 (bộ);

c) Quy định rõ thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt sản xuất, lắp ráp như sau:

- Đối với đường sắt quốc gia

+ Đầu máy, phương tiện chuyên dùng là 18 tháng kể từ ngày kết thúc kiểm tra đạt yêu cầu;

+ Toa xe khách, toa xe hàng là 12 tháng kể từ ngày kết thúc kiểm tra đạt yêu cầu.

- Đối với đường sắt chuyên dùng: Là 18 tháng kể từ ngày kết thúc kiểm tra đạt yêu cầu.

21. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt hoán cải - B-BGT-033661-TT

a) Về trình tự, cách thức thực hiện

- Quy định cụ thể trình tự như sau:

+ Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện 01 bộ hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Cục Đăng kiểm Việt Nam;

+ Bước 2: Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: Nếu hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại; Nếu hồ sơ đầy đủ thì viết Giấy hẹn kiểm tra thực tế theo đề nghị của người nộp hồ sơ về thời gian và địa điểm kiểm tra thực tế;

+ Bước 3: Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành kiểm tra thực tế tại địa điểm do người nộp hồ sơ yêu cầu: Nếu không đạt thì trả lời tổ chức, cá nhân; Nếu đạt thì cấp giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định.

- Quy định rõ cách thức thực hiện như sau: Tổ chức, cá nhân có thể nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại trụ sở Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc qua hệ thống bưu chính.

b) Quy định rõ số lượng hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

22. Thủ tục Cấp các giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho tàu biển - B-BGT-035649-TT

a) Quy định rõ cách thức thực hiện như sau:

- Qua hệ thống bưu chính.

- Trực tiếp tại Trụ sở cơ quan Đăng kiểm.

- Qua điện thoại, Fax, Email đối với việc kiểm tra tàu đang khai thác.

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ

- Quy định cụ thể thành phần hồ sơ như sau:

+ Giấy đề nghị (bản chính);

+ Hồ sơ kỹ thuật tàu (bản chính).

- Quy định rõ số lượng hồ sơ là 01 bộ.

23. Thủ tục duyệt các tài liệu hướng dẫn tàu biển - B-BGT-037415-TT

a) Về trình tự, cách thức thực hiện

- Quy định cụ thể trình tự như sau:

+ Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện 01 bộ hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Cục Đăng kiểm Việt Nam.

+ Bước 2: Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ: Nếu hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại; Nếu hồ sơ đầy đủ thì viết Giấy hẹn thời gian trả kết quả.

+ Bước 3: Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành kiểm tra xem xét tài liệu: Nếu không đạt thì trả lời tổ chức, cá nhân; Nếu đạt thì cấp Giấy chứng nhận duyệt tài liệu theo quy định.

- Quy định rõ cách thức thực hiện như sau: Tổ chức, cá nhân có thể nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại trụ sở Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc qua hệ thống bưu chính.

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ

- Quy định cụ thể thành phần hồ sơ:

+ 01 Giấy đề nghị (bản chính);

+ 03 bản tài liệu hướng dẫn (bản chính hoặc bản sao công chứng).

- Quy định rõ số lượng hồ sơ: 01 bộ.

c) Quy định rõ yêu cầu, điều kiện mà tổ chức, cá nhân phải thỏa mãn khi thực hiện thủ tục hành chính như sau: "Tài liệu hướng dẫn tàu biển phải thỏa mãn quy định của các quy chuẩn, tiêu chuẩn của Việt Nam về phân cấp và đóng tàu biển vỏ thép, về các hệ thống ngăn ngừa ô nhiễm biển của tàu và các Công ước quốc tế (bao gồm các bổ sung, sửa đổi): Công ước Quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển, 1974; Công ước Quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm do tàu gây ra, 1973 và Nghị định thư 1978; Công ước Quốc tế về đo dung tích tàu biển, 1969; Công ước Quốc tế về mạn khô tàu biển, 1966; Quy tắc phòng ngừa va chạm tàu thuyền trên biển, 1972 nhằm chỉ dẫn thuyền viên đảm bảo an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường đối với tàu biển".

24. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế tàu biển - B-BGT-046468-TT

a) Về trình tự, cách thức thực hiện

- Quy định cụ thể trình tự như sau:

+ Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện 01 bộ hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Cục Đăng kiểm Việt Nam;

+ Bước 2: Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ: Nếu hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại; Nếu hồ sơ đầy đủ thì viết Giấy hẹn thời gian trả kết quả;

+ Bước 3: Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành kiểm tra xem xét tài liệu: Nếu không đạt thì trả lời tổ chức, cá nhân; Nếu đạt thì cấp Giấy chứng nhận duyệt thiết kế theo quy định.

- Quy định rõ cách thức thực hiện như sau: Tổ chức, cá nhân có thể nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại trụ sở Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc qua hệ thống bưu chính.

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ

- Quy định cụ thể thành phần hồ sơ như sau:

+ 01 Giấy đề nghị (bản chính);

+ 02 bản tài liệu thiết kế (bản chính) và số bản tổ chức, cá nhân yêu cầu duyệt thêm.

- Quy định cụ thể số lượng hồ sơ: 01 bộ.

c) Quy định rõ yêu cầu, điều kiện mà tổ chức, cá nhân phải thỏa mãn khi thực hiện thủ tục hành chính, như sau: "Hồ sơ thiết kế tàu biển phải thỏa mãn quy định của các quy chuẩn, tiêu chuẩn của Việt Nam về phân cấp và đóng tàu biển vỏ thép, về các hệ thống ngăn ngừa ô nhiễm biển của tàu và các Công ước quốc tế (bao gồm các bổ sung, sửa đổi): Công ước Quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển, 1974; Công ước Quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm do tàu gây ra, 1973 và Nghị định thư 1978; Công ước Quốc tế về đo dung tích tàu biển, 1969; Công ước Quốc tế về mạn khô tàu biển, 1966; Quy tắc phòng ngừa va chạm tàu thuyền trên biển, 1972 nhằm chỉ dẫn thuyền viên đảm bảo an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường đối với tàu biển".

25. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận dung tích tàu biển - B-BGT-046443-TT

a) Quy định cụ thể cách thức thực hiện thủ tục hành chính như sau:

+ Qua hệ thống bưu chính; hoặc

+ Trực tiếp tại Trụ sở cơ quan Đăng kiểm.

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ

- Quy định cụ thể thành phần hồ sơ như sau:

+ Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận dung tích (bản chính);

+ Hồ sơ kỹ thuật tàu (bản chính);

+ Giấy chứng nhận dung tích cũ của tàu (nếu có) đối với tàu đang khai thác (Bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp và mang bản chính để đối chiếu).

- Quy định rõ số lượng hồ sơ: 01 bộ.

26. Thủ tục Cấp văn bản ủy quyền cho tổ chức đăng kiểm nước ngoài kiểm tra và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho tàu biển Việt Nam - B-BGT-038683-TT

a) Quy định cụ thể cách thức thực hiện thủ tục hành chính như sau:

+ Qua hệ thống bưu chính; hoặc

+ Qua Fax; hoặc

+ Trực tiếp tại Trụ sở cơ quan Đăng kiểm.

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ

- Quy định cụ thể thành phần hồ sơ như sau:

+ Giấy đề nghị ủy quyền (bản chính);

+ Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển Việt Nam (tạm thời/chính thức) đối với tàu mới chuyển đăng ký (bản sao chụp).

- Quy định rõ số lượng hồ sơ: 01 bộ.

27. Thủ tục xác nhận trạng thái kỹ thuật tàu biển để nhập khẩu - B-BGT-040670-TT

a) Về trình tự, cách thức thực hiện

- Quy định cụ thể trình tự như sau:

+ Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện 01 bộ hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Cục Đăng kiểm Việt Nam;

+ Bước 2: Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: Nếu hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại; Nếu hồ sơ đầy đủ thì viết Giấy hẹn thời gian trả kết quả;

+ Bước 3: Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành xem xét hồ sơ: Nếu không đạt thì trả lời tổ chức, cá nhân; Nếu đạt thì cấp văn bản xác nhận.

- Quy định rõ cách thức thực hiện như sau: Tổ chức, cá nhân có thể nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại trụ sở Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc qua hệ thống bưu chính.

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ

- Quy định cụ thể thành phần hồ sơ như sau:

+ Giấy đề nghị (bản chính);

+ Hồ sơ giám định kỹ thuật tàu (bản chính).

- Quy định rõ số lượng hồ sơ: 01 bộ.

28. Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế phương tiện, thiết bị thăm dò khai thác dầu khí biển - B-BGT-038366-TT

Ban hành văn bản hướng dẫn để tổng hợp đầy đủ các nội dung quy định về thủ tục hành chính như: trình tự, cách thức thực hiện; thành phần, đặc tính, số lượng hồ sơ; mẫu đơn, mẫu tờ khai; cơ quan giải quyết; thời hạn giải quyết; phí, lệ phí; yêu cầu, điều kiện... (các nội dung này đã được quy định ở các văn bản quy phạm pháp luật liên quan).

29. Cấp các giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện, thiết bị thăm dò khai thác dầu khí biển - B-BGT-038542-TT

Ban hành văn bản hướng dẫn để tổng hợp đầy đủ các nội dung quy định về thủ tục hành chính như: trình tự, cách thức thực hiện; thành phần, đặc tính, số lượng hồ sơ; mẫu đơn, mẫu tờ khai; cơ quan giải quyết; thời hạn giải quyết; phí, lệ phí; yêu cầu, điều kiện...(các nội dung này đã được quy định ở các văn bản quy phạm pháp luật liên quan).

30. Thủ tục cấp chứng chỉ cho cán bộ quản lý an toàn công ty - B-BGT-040602-TT

a) Về trình tự, cách thức thực hiện

- Quy định cụ thể trình tự như sau:

+ Bước 1: Cá nhân hoàn thiện 01 bộ hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Cục Đăng kiểm Việt Nam;

+ Bước 2: Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: Nếu hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn cá nhân hoàn thiện lại; Nếu hồ sơ đầy đủ thì thỏa thuận với cá nhân về thời gian và địa điểm đào tạo;

+ Bước 3: Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành tổ chức đào tạo và cấp Chứng chỉ.

- Quy định rõ cách thức thực hiện như sau: Tổ chức, cá nhân có thể nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại trụ sở Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc qua hệ thống bưu chính.

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ:

- Quy định cụ thể thành phần hồ sơ như sau:

+ Văn bản đề nghị của cá nhân (bản chính);

+ 01 ảnh màu 4 x 6.

- Quy định rõ số lượng hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

c) Quy định rõ thời hạn giải quyết là 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc khóa đào tạo.

31. Thủ tục cấp chứng chỉ cho Sĩ quan an ninh tàu, Cán bộ an ninh công ty - B-BGT-050651-TT

a) Về trình tự, cách thức thực hiện

- Quy định cụ thể trình tự như sau:

+ Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện 01 bộ hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Cục Đăng kiểm Việt Nam;

+ Bước 2: Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: Nếu hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại; Nếu hồ sơ đầy đủ thì thống nhất với người làm thủ tục về thời gian và địa điểm đào tạo;

+ Bước 3: Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành tổ chức đào tạo và kiểm tra sau khóa đào tạo: Nếu không đạt thì trả lời tổ chức, cá nhân; Nếu đạt thì cấp chứng chỉ.

- Quy định rõ cách thức thực hiện như sau: Tổ chức, cá nhân có thể nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại trụ sở Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc qua hệ thống bưu chính.

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ

- Quy định cụ thể thành phần hồ sơ như sau:

+ Văn bản đề nghị của tổ chức, cá nhân (bản chính);

+ 01 ảnh màu 4 x 6 của cá nhân.

- Quy định rõ số lượng hồ sơ: 01 bộ.

c) Quy định rõ thời hạn giải quyết là 01 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả đào tạo.

32. Thủ tục cấp giấy chứng nhận cho các trạm thử, phòng thí nghiệm và cơ sở chế tạo liên quan đến chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện, thiết bị giao thông vận tải - B-BGT-042045-TT

a) Về trình tự, cách thức thực hiện

- Quy định cụ thể trình tự như sau:

+ Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện 01 bộ hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Cục Đăng kiểm Việt Nam;

+ Bước 2: Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: Nếu hồ sơ không đạt thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại; Nếu hồ sơ đạt thì viết Giấy hẹn kiểm tra thực tế theo đề nghị của người nộp hồ sơ về thời gian và địa điểm kiểm tra thực tế;

+ Bước 3: Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành kiểm tra thực tế tại địa điểm do người nộp hồ sơ yêu cầu: Nếu không đạt thì trả lời tổ chức, cá nhân; Nếu đạt thì cấp giấy chứng nhận theo quy định.

- Quy định rõ cách thức thực hiện như sau: Tổ chức, cá nhân có thể nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại trụ sở Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc qua hệ thống bưu chính.

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ

- Quy định cụ thể thành phần hồ sơ như sau:

+ Giấy đề nghị chứng nhận (bản chính);

+ Tài liệu chứng nhận (bản sao chụp).

- Quy định rõ số lượng hồ sơ phải nộp: 01 bộ.

c) Quy định rõ thời hạn giải quyết là 05 ngày làm việc sau khi hoàn thành kiểm tra đạt kết quả theo quy định.

33. Thủ tục cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật cho container, máy móc, trang thiết bị và vật liệu sử dụng trên phương tiện thủy và công trình dầu khí biển - B-BGT-042253-TT

a) Về trình tự, cách thức thực hiện

- Quy định cụ thể trình tự như sau:

+ Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện 01 bộ hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Cục Đăng kiểm Việt Nam;

+ Bước 2: Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: Nếu hồ sơ không đạt thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại; Nếu hồ sơ đạt thì viết giấy hẹn kiểm tra thực tế theo đề nghị của người nộp hồ sơ về thời gian và địa điểm kiểm tra thực tế;

+ Bước 3: Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành kiểm tra thực tế tại địa điểm do người nộp hồ sơ yêu cầu: Nếu không đạt thì trả lời tổ chức, cá nhân; Nếu đạt thì cấp giấy chứng nhận theo quy định.

- Quy định rõ cách thức thực hiện như sau: Tổ chức, cá nhân có thể nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại trụ sở Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc qua hệ thống bưu chính.

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ

- Quy định cụ thể thành phần hồ sơ như sau:

+ Giấy đề nghị chứng nhận (bản chính);

+ Tài liệu chứng nhận (bản chính).

- Quy định rõ số lượng hồ sơ: 01 bộ.

c) Quy định rõ thời hạn giải quyết là 05 ngày làm việc sau khi hoàn thành kiểm tra đạt kết quả theo quy định.

34. Thủ tục cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật cho thiết bị xếp dỡ, nồi hơi và thiết bị áp lực sử dụng trong giao thông vận tải. B-BGT-045130-TT

a) Về trình tự, cách thức thực hiện

- Quy định cụ thể trình tự như sau:

+ Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện 01 bộ hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Cục Đăng kiểm Việt Nam;

+ Bước 2: Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: Nếu hồ sơ không đạt thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại; Nếu hồ sơ đạt thì viết giấy hẹn kiểm tra thực tế theo đề nghị của người nộp hồ sơ về thời gian và địa điểm kiểm tra thực tế;

+ Bước 3: Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành kiểm tra thực tế tại địa điểm do người nộp hồ sơ yêu cầu: Nếu không đạt thì trả lời tổ chức, cá nhân; Nếu đạt thì cấp giấy chứng nhận theo quy định.

- Quy định rõ cách thức thực hiện như sau: Tổ chức, cá nhân có thể nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại trụ sở Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc qua hệ thống bưu chính.

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ

- Quy định cụ thể thành phần hồ sơ như sau:

+ Giấy đề nghị chứng nhận (bản chính);

+ Tài liệu chứng nhận (bản chính).

- Quy định rõ số lượng hồ sơ: 01 bộ

c) Quy định rõ thời hạn giải quyết là 03 ngày làm việc sau khi hoàn thành kiểm tra đạt kết quả theo quy định.

35. Thủ tục cấp giấy chứng nhận thẩm định thiết kế cho máy, trang thiết bị, container, thiết bị xếp dỡ, nồi hơi và thiết bị áp lực sử dụng trong giao thông vận tải. B-BGT-046396-TT

a) Về trình tự, cách thức thực hiện

- Quy định cụ thể trình tự như sau:

+ Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện 01 bộ hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Cục Đăng kiểm Việt Nam;

+ Bước 2: Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: Nếu hồ sơ không đạt thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại; Nếu hồ sơ đạt thì viết Giấy hẹn thời gian trả kết quả;

+ Bước 3: Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành kiểm tra xem xét tài liệu: Nếu không đạt thì trả lời tổ chức, cá nhân; Nếu đạt thì cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế theo quy định.

- Quy định rõ cách thức thực hiện như sau: Tổ chức, cá nhân có thể nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại trụ sở Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc qua hệ thống bưu chính.

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ

- Quy định cụ thể thành phần hồ sơ như sau:

+ 01 Giấy đề nghị chứng nhận (bản chính);

+ 03 Tài liệu kỹ thuật (bản chính).

- Quy định rõ số lượng hồ sơ: 01 bộ.

c) Quy định rõ thời hạn giải quyết là 03 ngày làm việc sau khi hoàn thành kiểm tra đạt kết quả theo quy định.

36. Thủ tục cấp giấy chứng nhận thợ hàn, nhân viên kiểm tra vật liệu và chất lượng đường hàn bằng phương pháp không phá hủy - B-BGT-046422-TT

a) Về trình tự, cách thức thực hiện

- Quy định cụ thể trình tự như sau:

+ Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện 01 bộ hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Cục Đăng kiểm Việt Nam;

+ Bước 2: Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: Nếu hồ sơ không đạt thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại; Nếu hồ sơ đạt thì viết giấy hẹn kiểm tra thực tế theo đề nghị của người nộp hồ sơ về thời gian và địa điểm kiểm tra thực tế;

+ Bước 3: Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành kiểm tra thực tế tại địa điểm do người nộp hồ sơ yêu cầu: Nếu không đạt thì trả lời tổ chức, cá nhân; Nếu đạt thì cấp giấy chứng nhận theo quy định.

- Quy định rõ cách thức thực hiện như sau: Tổ chức, cá nhân có thể nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại trụ sở Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc qua hệ thống bưu chính.

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ

- Quy định cụ thể thành phần hồ sơ như sau:

+ Giấy đề nghị cấp giấy chứng nhận (bản chính);

+ Danh sách kèm 02 ảnh của thợ hàn hoặc nhân viên đề nghị cấp giấy chứng nhận (bản chính).

- Quy định rõ số lượng hồ sơ: 01 bộ.

c) Quy định rõ thời hạn giải quyết là 03 ngày làm việc sau khi hoàn tất việc kiểm tra tay nghề đạt kết quả.

37. Thủ tục cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo do Sở Giao thông vận tải tỉnh/thành phố thực hiện - B-BGT-108570-TT

a) Đổi tên thủ tục hành chính này thành "Cấp giấy chứng nhận chất lượng xe cơ giới cải tạo do Sở Giao thông vận tải tỉnh/thành phố thực hiện";

b) Về trình tự, cách thức thực hiện

- Quy định cụ thể trình tự thực hiện như sau:

+ Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện 01 bộ hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Sở Giao thông vận tải tỉnh/thành phố;

+ Bước 2: Sở Giao thông vận tải tỉnh/thành phố tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: Nếu hồ sơ không đạt thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại; Nếu hồ sơ đạt thì viết giấy hẹn kiểm tra thực tế theo đề nghị của người nộp hồ sơ về thời gian và địa điểm kiểm tra thực tế;

+ Bước 3: Sở Giao thông vận tải tỉnh/thành phố tiến hành kiểm tra thực tế: Nếu không đạt thì trả lời tổ chức, cá nhân; Nếu đạt thì cấp giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định.

- Quy định rõ cách thức thực hiện như sau: Tổ chức, cá nhân có thể nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại trụ sở Sở Giao thông vận tải tỉnh/thành phố hoặc qua hệ thống bưu chính.

c) Quy định rõ thời hạn giải quyết là 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra đạt yêu cầu;

d) Pháp lý hóa mẫu "Biên bản nghiệm thu xuất xưởng xe cơ giới cải tạo" và xây dựng, ban hành mẫu "Đơn đề nghị Cấp giấy chứng nhận chất lượng xe cơ giới cải tạo";

đ) Thời hạn hiệu lực của kết quả thủ tục hành chính:

- Quy định thời hạn của giấy chứng nhận chất lượng xe cơ giới cải tạo là 12 tháng kể từ ngày ký đối với những xe đã có biển số đăng ký.

- Không áp dụng thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận chất lượng xe cơ giới cải tạo đối với những xe cơ giới đã qua sử dụng, được phép nhập khẩu chưa có biển số.

38. Thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo do Sở Giao thông vận tải tỉnh/thành phố thực hiện - B-BGT-108683-TT

a) Về trình tự, cách thức thực hiện

- Quy định cụ thể trình tự như sau:

+ Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện 04 bộ hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Sở Giao thông vận tải tỉnh/thành phố;

+ Bước 2: Sở Giao thông vận tải tỉnh/thành phố tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: Nếu hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại; Nếu hồ sơ đầy đủ thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả;

+ Bước 3: Sở Giao thông vận tải tỉnh/thành phố tiến hành thẩm định Hồ sơ thiết kế: Nếu không đạt thì trả lời tổ chức, cá nhân; Nếu đạt thì cấp giấy chứng nhận thẩm định thiết kế.

- Quy định rõ cách thức thực hiện như sau: Tổ chức, cá nhân có thể nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại trụ sở Sở Giao thông vận tải tỉnh/thành phố hoặc qua hệ thống bưu chính.

b) Quy định rõ thành phần và đặc tính từng loại giấy tờ trong thành phần hồ sơ như sau:

+ Văn bản đề nghị thẩm định thiết kế (bản chính);

+ Các bản vẽ kỹ thuật (bản chính);

+ Thuyết minh tính toán (bản chính);

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của cơ sở thiết kế đối với trường hợp thẩm định thiết kế lần đầu của cơ sở thiết kế (Bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp kèm bản chính để đối chiếu);

+ Chứng chỉ hành nghề kinh doanh dịch vụ thiết kế phương tiện vận tải (Bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp kèm bản chính để đối chiếu);

+ Hồ sơ phương tiện hoặc hệ thống, tổng thành (bản sao chụp).

c) Bỏ mẫu tờ trình thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo ban hành kèm theo Hướng dẫn số 231/ĐK ngày 23 tháng 3 năm 2005 của Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam;

d) Không quy định thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo.

39. Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho các loại phương tiện thủy nội địa hoạt động trên sông, kênh, rạch, hồ, đầm, vịnh do địa phương trực tiếp quản lý, bao gồm:

- Các tàu có sức chở dưới 50 người;

- Các tàu không động cơ có trọng tải toàn phần dưới 200 tấn;

- Các tàu có động cơ có tổng công suất dưới 135 mã lực;

- Các tàu chuyên dùng như: ụ nổi, bến nổi, thiết bị thi công nổi, nhà nổi, tàu cuốc, tàu hút… có chiều dài thiết kế nhỏ hơn 10 m.

(B-BGT-033487-TT)

a) Về hồ sơ, thành phần hồ sơ:

- Quy định rõ thành phần hồ sơ như sau:

+ Giấy đề nghị kiểm tra (bản chính);

+ Chứng từ nguồn gốc phương tiện (bản sao chụp kèm bản chính để đối chiếu);

+ Tài liệu tính năng kỹ thuật của phương tiện (bản sao chụp) hoặc bản Đăng ký thông số kỹ thuật phương tiện thủy nội địa (theo mẫu).

- Quy định rõ số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

b) Xây dựng và ban hành mẫu "Giấy đề nghị kiểm tra" và mẫu "Bản đăng ký thông số kỹ thuật phương tiện thủy nội địa".

B. TRÁCH NHIỆM THỰC THI PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA

Giao Bộ Giao thông vận tải xây dựng, ban hành thông tư để quy định mới hoặc sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại:

+ Quyết định số 45/2005/QĐ-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc quy định điều kiện thành lập và hoạt động của Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới;

+ Thông tư số 22/2009/TT-BGTVT ngày 06 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thủ tục kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;

+ Thông tư số 23/2009/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng;

+ Quyết định số 15/2005/QĐ-BGTVT ngày 15 tháng 02 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về việc cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;

+ Quyết định số 62/2007/QĐ-BGTVT ngày 28 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định tạm thời về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe mô tô, xe gắn máy ba bánh dùng cho người tàn tật đã sử dụng trước ngày 01 tháng 01 năm 2008;

+ Quyết định số 3165/2002/QĐ-BGTVT ngày 02/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về Tiêu chuẩn, nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ đăng kiểm tại các đơn vị đăng kiểm phương tiện cơ giới đường bộ được ban hành kèm theo Quyết định số 1643/1998/QĐ-BGTVT;

+ Quyết định số 35/2005/QĐ-BGTVT ngày 21 tháng 7 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu vào Việt Nam;

+ Quyết định số 57/2007/QĐ-BGTVT, ngày 21 tháng 11 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe mô tô, xe gắn máy nhập khẩu và động cơ nhập khẩu sử dụng để lắp ráp xe mô tô, xe gắn máy;

+ Quyết định số 34/2005/QĐ-BGTVT ngày 21 tháng 7 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp xe cơ giới;

+ Quyết định số 58/2007/QĐ-BGTVT ngày 21 tháng 11 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy định về kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp xe mô tô, xe gắn máy;

+ Quyết định số 25/2004/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 11 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa;

+ Thông tư số 02/2009/TT-BGTVT ngày 03 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt;

+ Quyết định số 51/2005/QĐ-BGTVT ngày 12 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành "Quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam";

Để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại Mục A Phần V của Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết này, ban hành trước ngày 31 tháng 3 năm 2011.

VI. NHÓM THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

A. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA

1. Thủ tục Công bố mở luồng, tuyến đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia; đường thủy nội địa chuyên dùng đi qua từ 2 tỉnh trở lên hoặc đường thủy nội địa chuyên dùng nối đường thủy nội địa quốc gia với đường thủy nội địa địa phương (B-BGT-032542 TT)

a) Quy định rõ trình tự, cách thức thực hiện TTHC như sau:

+ Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện 01 bộ hồ sơ nộp và nhận kết quả trực tiếp tại Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc qua đường bưu chính;

+ Bước 2: Đối với trường hợp nộp trực tiếp, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ: Nếu không đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện; Nếu đủ thì viết giấy hẹn lấy kết quả giải quyết;

+ Bước 3: Kiểm tra hồ sơ (kiểm tra nội dung): Nếu hồ sơ không đạt thì trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do để tổ chức, cá nhân xin công bố mở luồng, tuyến biết; đồng thời hướng dẫn tổ chức cá nhân bổ sung, chỉnh sửa; Nếu hồ sơ đạt thì Cục Đường thủy nội địa VN trình Bộ Giao thông vận tải có văn bản công bố mở luồng, tuyến (thời hạn cấp theo giấy hẹn).

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ:

- Sửa đổi thành phần hồ sơ và quy định rõ đặc tính từng loại giấy tờ trong thành phần hồ sơ đối với dự án mở luồng, tuyến đường thủy nội địa mới hoặc dự án cải tạo nâng cấp luồng, tuyến đường thủy nội địa như sau:

+ Tờ trình đề nghị công bố mở luồng, tuyến đường thủy nội địa (bản chính);

+ Quyết định phê duyệt dự án (bản sao chứng thực);

+ Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công luồng, tuyến chuyên dùng (bản sao chụp);

+ Hồ sơ hoàn công công trình luồng, tuyến chuyên dùng (bản sao chụp);

+ Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình luồng, tuyến chuyên dùng để đưa vào sử dụng của chủ đầu tư (bản chính).

- Quy định số lượng bộ hồ sơ là 01 bộ.

c) Rút ngắn thời hạn giải quyết từ 10 ngày xuống 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

2. Thủ tục Công bố đóng luồng, tuyến đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia; đường thủy nội địa chuyên dùng đi qua từ 2 tỉnh trở lên hoặc đường thủy nội địa chuyên dùng nối đường thủy nội địa quốc gia với đường thủy nội địa địa phương (B-BGT-032218-TT)

a) Quy định rõ trình tự thực hiện như sau:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân gửi văn bản đề nghị đóng tuyến, luồng nộp và nhận kết quả trực tiếp tại Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc qua đường bưu chính.

- Bước 2: Cục Đường thủy nội địa thẩm định trình Bộ Giao thông vận tải ra Quyết định công bố đóng tuyến luồng (nếu trường hợp không thỏa mãn các điều kiện quy định trả lại hồ sơ và trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do).

b) Quy định rõ số lượng hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

c) Rút ngắn thời hạn giải quyết từ 10 ngày xuống 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

3. Thủ tục Cho ý kiến đối với các công trình thuộc dự án trọng điểm quốc gia, dự án nhóm A có liên quan đến an toàn giao thông đường thủy nội địa (B-BGT-032577-TT)

a) Quy định rõ trình tự, cách thức thực hiện như sau:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện 01 bộ hồ sơ nộp và nhận kết quả trực tiếp tại Bộ Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu chính;

- Bước 2: Đối với trường hợp nộp trực tiếp, Bộ Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ: Nếu không đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện; Nếu đủ thì viết giấy hẹn lấy kết quả giải quyết;

- Bước 3: Kiểm tra hồ sơ (kiểm tra nội dung): Nếu hồ sơ không đạt thì trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do để tổ chức, cá nhân biết; đồng thời hướng dẫn tổ chức cá nhân bổ sung, chỉnh sửa; Nếu hồ sơ đạt thì có văn bản trả lời (thời hạn trả lời theo giấy hẹn).

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ:

- Số lượng hồ sơ quy định 01 bộ.

- Quy định rõ thành phần hồ sơ trong đó xác định rõ đặc tính từng loại giấy, tờ là bản chính, bản sao chụp, bản sao chứng thực, bản sao công chứng.

c) Rút ngắn thời hạn giải quyết thủ tục từ 10 ngày xuống 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

4. Thủ tục Cho ý kiến thỏa thuận đối với các công trình thuộc dự án nhóm B, C có liên quan đến an toàn giao thông đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng đi qua 2 tỉnh trở lên, đường thủy nội địa chuyên dùng nối đường thủy nội địa quốc gia với đường thủy nội địa địa phương (B-BGT-032604-TT)

a) Quy định rõ trình tự, cách thức thực hiện TTHC như sau:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện 01 bộ hồ sơ nộp và nhận kết quả trực tiếp tại Cục Đường thủy nội địa hoặc qua đường bưu chính.

- Bước 2: Đối với trường hợp nộp trực tiếp, Cục Đường thủy nội địa tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ:

+ Nếu không đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện;

+ Nếu đủ thì viết giấy hẹn lấy kết quả giải quyết.

- Bước 3: Kiểm tra hồ sơ (kiểm tra nội dung)

+ Nếu hồ sơ không đạt thì trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do để tổ chức, cá nhân biết; đồng thời hướng dẫn tổ chức cá nhân bổ sung, chỉnh sửa;

+ Nếu hồ sơ đạt thì có văn bản trả lời (thời hạn cấp theo giấy hẹn).

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ:

- Số lượng hồ sơ quy định 01 bộ.

- Quy định rõ thành phần hồ sơ trong đó xác định rõ đặc tính từng loại giấy, tờ là bản chính, bản sao chụp, bản sao chứng thực, bản sao công chứng.

c) Rút ngắn thời hạn giải quyết thủ tục từ 10 ngày xuống 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trường hợp phức tạp cần kéo dài thời gian xem xét, cơ quan có thẩm quyền phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do và thời gian cần kéo dài thêm.

5. Thủ tục Cho ý kiến chấp thuận phương án đảm bảo an toàn giao thông đối với các trường hợp thi công trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng đi qua 2 tỉnh trở lên, đường thủy nội địa chuyên dùng nối đường thủy nội địa quốc gia với đường thủy nội địa địa phương (B-BGT-032071-TT)

a) Quy định rõ trình tự, cách thức thực hiện TTHC như sau:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện 01 bộ hồ sơ nộp trực tiếp tại Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc qua đường bưu điện.

- Bước 2: Đối với trường hợp nộp trực tiếp, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ:

+ Nếu không đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện;

+ Nếu đủ thì viết giấy hẹn lấy kết quả giải quyết.

- Bước 3: Kiểm tra hồ sơ (kiểm tra nội dung):

+ Nếu hồ sơ không đạt thì trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do để tổ chức, cá nhân biết; đồng thời hướng dẫn tổ chức cá nhân bổ sung, chỉnh sửa;

+ Nếu hồ sơ đạt thì có văn bản chấp thuận (thời hạn cấp theo giấy hẹn).

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ:

- Số lượng hồ sơ quy định 01 bộ.

- Quy định rõ thành phần hồ sơ trong đó xác định rõ đặc tính từng loại giấy, tờ là bản chính, bản sao chụp, bản sao chứng thực, bản sao công chứng.

c) Quy định rõ thời gian giải quyết thủ tục là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

6. Thủ tục Cho ý kiến chấp thuận đối với các trường hợp thi công trong phạm vi hành lang bảo vệ luồng đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng đi qua 2 tỉnh trở lên, đường thủy nội địa chuyên dùng nối đường thủy nội địa quốc gia với đường thủy nội địa địa phương và thời gian thi công không quá 07 ngày (B-BGT-032200 -TT)

a) Quy định rõ trình tự, cách thức thực hiện TTHC như sau:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện 01 bộ hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến các Chi Cục đường thủy nội địa khu vực, các Đoạn Quản lý đường thủy nội địa khu vực.

- Bước 2: Đối với trường hợp nộp trực tiếp, các Chi Cục đường thủy nội địa khu vực, các Đoạn Quản lý đường thủy nội địa khu vực tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ:

+ Nếu không đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện.

+ Nếu đủ thì viết giấy hẹn lấy kết quả giải quyết.

- Bước 3: Kiểm tra hồ sơ (kiểm tra nội dung)

+ Nếu hồ sơ không đạt thì trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do để tổ chức, cá nhân biết. Đồng thời hướng dẫn tổ chức cá nhân bổ sung, chỉnh sửa.

+ Nếu hồ sơ đạt thì có văn bản chấp thuận (thời hạn cấp theo giấy hẹn)

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ:

- Số lượng hồ sơ quy định 01 bộ.

- Quy định rõ thành phần hồ sơ trong đó xác định rõ đặc tính từng loại giấy, tờ là bản chính, bản sao chụp, bản sao chứng thực, bản sao công chứng.

c) Quy định rõ thời gian giải quyết thủ tục là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

d) Về Cơ quan thực hiện: Quy định rõ các trường hợp thi công trong phạm vi hành lang bảo vệ luồng đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng đi qua 2 tỉnh trở lên, đường thủy nội địa chuyên dùng nối đường thủy nội địa quốc gia với đường thủy nội địa địa phương và thời gian thi công không quá 07 ngày thì phải xin ý kiến chấp thuận của các Chi Cục đường thủy nội địa khu vực, các Đoạn Quản lý đường thủy nội địa khu vực.

7. Thủ tục Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng đi qua 2 tỉnh trở lên, đường thủy nội địa chuyên dùng nối đường thủy nội địa quốc gia với đường thủy nội địa địa phương đối với trường hợp cấm hoàn toàn giao thông đường thủy trên luồng trong thời gian liên tục từ 24 giờ trở lên (trừ lý do an ninh quốc phòng) (B-BGT-032466-TT)

a) Quy định rõ trình tự, cách thức thực hiện TTHC như sau:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân gửi văn bản, hồ sơ đề nghị công bố hạn chế giao thông và nhận kết quả trực tiếp tại Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc qua đường bưu chính.

- Bước 2: Đối với trường hợp nộp trực tiếp, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ:

+ Nếu không đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện;

+ Nếu đủ thì viết giấy hẹn lấy kết quả giải quyết.

- Bước 3: Kiểm tra hồ sơ (kiểm tra nội dung)

+ Nếu hồ sơ không đạt thì trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do để tổ chức, cá nhân biết; đồng thời hướng dẫn tổ chức cá nhân bổ sung, chỉnh sửa;

+ Nếu hồ sơ đạt thì có văn bản chấp thuận (thời hạn cấp theo giấy hẹn).

- Bước 4: Cục Đường thủy nội địa Việt Nam ra văn bản công bố hạn chế giao thông ĐTNĐ.

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ:

- Số lượng hồ sơ quy định 01 bộ.

- Quy định rõ thành phần hồ sơ trong đó xác định rõ đặc tính từng loại giấy, tờ là bản chính, bản sao chụp, bản sao chứng thực, bản sao công chứng.

c) Quy định rõ thời gian giải quyết thủ tục là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

8. Thủ tục Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng đi qua 2 tỉnh trở lên, đường thủy nội địa chuyên dùng nối đường thủy nội địa quốc gia với đường thủy nội địa địa phương đối với trường hợp cấm hoàn toàn giao thông đường thủy trên luồng trong thời gian liên tục dưới 24 giờ (B-BGT-032481 -TT)

a) Về trình tự, cách thức thực hiện: Quy định rõ trình tự, cách thức thực hiện TTHC như sau:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân gửi văn bản, hồ sơ đề nghị công bố hạn chế giao thông trực tiếp tại đơn vị quản lý đường thủy nội địa hoặc qua đường bưu điện.

- Bước 2: Đối với trường hợp nộp trực tiếp, đơn vị quản lý đường thủy nội địa tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ:

+ Nếu không đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện;

+ Nếu đủ thì viết giấy hẹn lấy kết quả giải quyết.

- Bước 3: Kiểm tra hồ sơ (kiểm tra nội dung):

+ Nếu hồ sơ không đạt thì trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do để tổ chức, cá nhân biết; đồng thời hướng dẫn tổ chức cá nhân bổ sung, chỉnh sửa;

+ Nếu hồ sơ đạt thì có văn bản chấp thuận (thời hạn cấp theo giấy hẹn).

- Bước 4: Đơn vị quản lý đường thủy nội địa ra văn bản công bố hạn chế giao thông ĐTNĐ.

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ:

- Số lượng hồ sơ quy định 01 bộ.

- Quy định rõ thành phần hồ sơ trong đó xác định rõ đặc tính từng loại giấy, tờ là bản chính, bản sao chụp, bản sao chứng thực, bản sao công chứng.

c) Quy định rõ thời gian giải quyết thủ tục là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

9. Thủ tục Cho ý kiến chấp thuận xây dựng cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài (B-BGT-015258-TT)

a) Quy định rõ trình tự cách thức thực hiện như sau:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận xây dựng cảng và nhận kết quả tại Bộ Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu chính.

- Bước 2: Bộ Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ và xem xét nếu thỏa mãn các điều kiện quy định thì có văn bản chấp thuận; nếu không thỏa mãn theo quy định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ

- Quy định rõ số lượng hồ sơ tổ chức, cá nhân phải nộp 01 bộ.

- Quy định rõ thành phần hồ sơ chỉ bao gồm: "Văn bản đề nghị chấp thuận xây dựng cảng thủy nội địa".

c) Xây dựng, ban hành mẫu "Văn bản đề nghị chấp thuận xây dựng vị trí xây dựng cảng thủy nội địa".

d) Rút ngắn thời hạn giải quyết từ 15 ngày làm việc xuống 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

đ) Quy định rõ thời hạn hiệu lực của văn bản chấp thuận như sau: Trong thời hạn 24 tháng (đối với các dự án nhóm A), 12 tháng (đối với các dự án còn lại) kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền có văn bản chấp thuận xây dựng cảng, chủ đầu tư phải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư, nếu quá thời hạn quy định trên, văn bản chấp thuận không còn giá trị.

10. Thủ tục Công bố cảng thủy nội địa, vùng đón trả hoa tiêu đối với cảng hàng hóa, hành khách tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài (B-BGT-015163-TT)

a) Quy định rõ trình tự thực hiện, cách thức thực hiện như sau:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ qua đường bưu chính hoặc trực tiếp nộp hồ sơ tại Sở Giao thông vận tải (đối với cảng thuộc đường thủy nội địa phương) hoặc Cục Đường thủy nội địa Việt Nam (đối với cảng thuộc đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia).

- Bước 2: Sở Giao thông vận tải, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam tiếp nhận hồ sơ trình Bộ Giao thông vận tải xem xét, nếu thỏa mãn các điều kiện quy định thì có quyết định công bố cảng (nếu trường hợp không thỏa mãn các điều kiện quy định trả lại hồ sơ và trả lời bằng văn bản).

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ:

- Quy định rõ số lượng bộ hồ sơ tổ chức, cá nhân phải nộp là 03 bộ.

- Bỏ yêu cầu phải nộp các giấy tờ liên quan đến điều kiện xếp dỡ hàng hóa nguy hiểm theo quy định của pháp luật (nếu cảng bến chuyên xếp dỡ hàng hóa nguy hiểm).

- Quy định rõ thành phần hồ sơ và đặc tính của từng loại giấy tờ trong hồ sơ tổ chức, cá nhân phải nộp như sau:

+ Đơn đề nghị công bố cảng thủy nội địa (theo mẫu);

+ Bản sao có chứng thực hoặc công chứng quyết định đầu tư xây dựng cảng của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đầu tư;

+ Bản sao công chứng giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất;

+ Bản sao công chứng biên bản nghiệm thu đưa công trình cảng vào sử dụng kèm theo bản vẽ hoàn công mặt bằng, mặt cắt ngang công trình cầu cảng và bình đồ vùng nước cảng;

+ Bản chính văn bản của đơn vị quản lý đường thủy nội địa xác nhận việc hoàn thành lắp đặt báo hiệu đường thủy nội địa và hoàn thành việc thanh thải vật chướng ngại hình thành trong quá trình xây dựng cảng (nếu có);

+ Bản sao chụp (kèm bản chính để đối chiếu) giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện và giấy chứng nhận đăng ký phương tiện của phao nổi (nếu sử dụng phao nổi).

c) Rút ngắn thời hạn giải quyết thủ tục từ 15 ngày xuống 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ theo quy định.

d) Quy định về thời hạn hiệu lực của quyết định công bố lại cảng thủy nội địa như sau: "Cơ quan có thẩm quyền công bố cảng thủy nội địa căn cứ thời hạn sử dụng đất, quy hoạch giao thông vận tải để quy định thời hạn hiệu lực của Quyết định công bố cảng thủy nội địa".

đ) Bỏ quy định thu lệ phí công bố cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.

e) Pháp lý hóa một số nội dung hướng dẫn lập các giấy tờ trong hồ sơ đề nghị công bố cảng thủy nội địa quy định tại Văn bản số 52/CĐS-PCVT ngày 26 tháng 01 năm 2006 của Cục Đường sông Việt Nam bổ sung vào Quy chế quản lý hoạt động cảng, bến thủy nội địa ban hành theo Quyết định số 07/2005/QĐ-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải, bao gồm các nội dung:

- Yêu cầu của bình đồ vùng nước cảng thủy nội địa;

- Thống nhất cách hiểu giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất.

11. Thủ tục Công bố lại cảng thủy nội địa, vùng đón trả hoa tiêu đối với cảng hàng hóa, hành khách tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài trong trường hợp quyết định công bố cảng TNĐ hết hạn (B-BGT-020212-TT)

a) Quy định rõ trình tự, cách thức thực hiện như sau:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có thể gửi hồ sơ và nhận kết quả qua đường bưu chính hoặc trực tiếp nộp hồ sơ và nhận kết quả tại Sở Giao thông vận tải (đối với cảng thuộc đường thủy nội địa địa phương) hoặc Cục Đường thủy nội địa Việt Nam (đối với cảng thuộc đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia);

- Bước 2: Sở Giao thông vận tải, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam tiếp nhận hồ sơ trình Bộ Giao thông vận tải xem xét, nếu thỏa mãn các điều kiện quy định thì có quyết định công bố cảng (nếu trường hợp không thỏa mãn các điều kiện quy định trả lại hồ sơ và trả lời bằng văn bản).

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ:

- Quy định rõ thành phần hồ sơ chỉ bao gồm "Đơn đề nghị công bố lại cảng thủy nội địa, vùng đón trả hoa tiêu đối với cảng hàng hóa, hành khách tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài trong trường hợp quyết định công bố cảng thủy nội địa hết hạn".

- Quy định số lượng hồ sơ: 03 bộ.

c) Xây dựng, ban hành mẫu "Đơn đề nghị công bố lại cảng thủy nội địa, vùng đón trả hoa tiêu đối với cảng hàng hóa, hành khách tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài trong trường hợp quyết định công bố cảng thủy nội địa hết hạn";

d) Rút ngắn thời hạn giải quyết thủ tục từ 10 ngày xuống 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ theo quy định;

đ) Quy định về thời hạn hiệu lực của quyết định công bố lại cảng thủy nội địa như sau: "Cơ quan có thẩm quyền công bố cảng thủy nội địa căn cứ thời hạn sử dụng đất, quy hoạch giao thông vận tải để quy định thời hạn hiệu lực của Quyết định công bố cảng thủy nội địa";

e) Bỏ quy định thu lệ phí công bố cảng lại thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.

12. Thủ tục Công bố lại cảng thủy nội địa, vùng đón trả hoa tiêu đối với cảng hàng hóa, hành khách tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài trong trường hợp đầu tư xây dựng bổ sung để nâng cao khả năng thông qua hoặc tiếp nhận được loại phương tiện lớn hơn (B-BGT-019965-TT)

a) Quy định rõ trình tự thực hiện, cách thức thực hiện như sau:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có thể gửi hồ sơ qua đường bưu chính hoặc trực tiếp nộp hồ sơ tại Sở Giao thông vận tải (đối với cảng thuộc đường thủy nội địa phương) hoặc Cục Đường thủy nội địa Việt Nam (đối với cảng thuộc đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia).

- Bước 2: Sở Giao thông vận tải, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam tiếp nhận hồ sơ trình Bộ Giao thông vận tải xem xét, nếu thỏa mãn các điều kiện quy định thì có quyết định công bố cảng (nếu trường hợp không thỏa mãn các điều kiện quy định trả lại hồ sơ và trả lời bằng văn bản).

b) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Quy định rõ số lượng bộ hồ sơ phải nộp là 03 bộ;

- Bỏ yêu cầu nộp các giấy tờ liên quan đến điều kiện xếp dỡ hàng hóa nguy hiểm theo quy định của pháp luật (nếu cảng bến chuyên xếp dỡ hàng hóa nguy hiểm);

- Quy định rõ thành phần hồ sơ và đặc tính của từng loại giấy tờ trong hồ sơ tổ chức, cá nhân phải nộp như sau:

+ Đơn đề nghị công bố cảng thủy nội địa (theo mẫu);

+ Bản sao có chứng thực hoặc công chứng quyết định đầu tư xây dựng cảng của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đầu tư;

+ Bản sao công chứng giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất;

+ Bản sao công chứng biên bản nghiệm thu đưa công trình cảng vào sử dụng kèm theo bản vẽ hoàn công mặt bằng, mặt cắt ngang công trình cầu cảng và bình đồ vùng nước cảng;

+ Bản chính văn bản của đơn vị quản lý đường thủy nội địa xác nhận việc hoàn thành lắp đặt báo hiệu đường thủy nội địa và hoàn thành việc thanh thải vật chướng ngại hình thành trong quá trình xây dựng cảng (nếu có);

+ Bản sao chụp (kèm bản chính để đối chiếu) giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện và giấy chứng nhận đăng ký phương tiện của phao nổi (nếu sử dụng phao nổi).

c) Xây dựng, ban hành mẫu "Đơn đề nghị công bố lại cảng thủy nội địa, vùng đón trả hoa tiêu đối với cảng hàng hóa, hành khách tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài trong trường hợp đầu tư xây dựng bổ sung để nâng cao khả năng thông qua hoặc tiếp nhận được loại phương tiện lớn hơn";

d) Thời hạn giải quyết TTHC: Rút ngắn thời hạn giải quyết từ 15 ngày xuống còn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ theo quy định;

đ) Quy định về thời hạn hiệu lực của quyết định công bố lại cảng thủy nội địa như sau: "Cơ quan có thẩm quyền công bố cảng thủy nội địa căn cứ thời hạn sử dụng đất, quy hoạch giao thông vận tải để quy định thời hạn hiệu lực của Quyết định công bố cảng thủy nội địa";

e) Bỏ quy định thu lệ phí công bố cảng lại thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài;

g) Pháp lý hóa một số nội dung hướng dẫn lập các giấy tờ trong hồ sơ đề nghị công bố cảng thủy nội địa quy định tại Văn bản số 52/CĐS-PCVT ngày 26 tháng 01 năm 2006 của Cục Đường sông Việt Nam bổ sung vào Quy chế quản lý hoạt động cảng, bến thủy nội địa ban hành theo Quyết định số 07/2005/QĐ-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải, bao gồm các nội dung:

- Yêu cầu của bình đồ vùng nước cảng thủy nội địa;

- Thống nhất cách hiểu giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất.

13. Thủ tục Công bố lại cảng thủy nội địa, vùng đón trả hoa tiêu đối với cảng hàng hóa, hành khách tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài trong trường hợp phân chia, sáp nhập cảng thủy nội địa (B-BGT-020164-TT)

a) Quy định rõ trình tự thực hiện, cách thức thực hiện như sau:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có thể gửi hồ sơ qua đường bưu chính hoặc trực tiếp nộp hồ sơ tại Sở Giao thông vận tải (đối với cảng thuộc đường thủy nội địa phương) hoặc Cục Đường thủy nội địa Việt Nam (đối với cảng thuộc đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia);

- Bước 2: Sở Giao thông vận tải/Cục Đường thủy nội địa Việt Nam tiếp nhận hồ sơ trình Bộ Giao thông vận tải xem xét, nếu thỏa mãn các điều kiện quy định thì có quyết định công bố cảng (nếu trường hợp không thỏa mãn các điều kiện quy định trả lại hồ sơ và trả lời bằng văn bản).

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thay thế quyết định của cơ quan có thẩm quyền cho phép phân chia, sáp nhập cảng thủy nội địa bằng văn bản hợp pháp về phân chia, sáp nhập cảng thủy nội địa.

- Quy định rõ số lượng bộ hồ sơ tổ chức, cá nhân phải nộp là 03 bộ;

- Quy định rõ các thành phần hồ sơ là bản chính hay bản sao hay bản sao chứng thực, bản sao công chứng....

c) Xây dựng, ban hành mẫu "Đơn đề nghị công bố lại cảng thủy nội địa trong trường hợp phân chia, sát nhập cảng thủy nội địa";

d) Rút ngắn thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 10 ngày xuống còn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định;

đ) Bỏ quy định thu lệ phí công bố lại cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài;

e) Quy định về thời hạn hiệu lực của quyết định công bố lại cảng thủy nội địa như sau: "Cơ quan có thẩm quyền công bố cảng thủy nội địa căn cứ thời hạn sử dụng đất, quy hoạch giao thông vận tải để quy định thời hạn hiệu lực của Quyết định công bố cảng thủy nội địa".

14. Thủ tục Công bố lại cảng thủy nội địa, vùng đón trả hoa tiêu đối với cảng hàng hóa, hành khách tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài trong trường hợp chuyển quyền sở hữu cảng thủy nội địa (B-BGT-019888-TT)

a) Quy định rõ trình tự thực hiện, cách thức thực hiện như sau:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có thể gửi hồ sơ qua đường bưu chính hoặc trực tiếp nộp hồ sơ tại Sở Giao thông vận tải (đối với cảng thuộc đường thủy nội địa phương)

hoặc Cục Đường thủy nội địa Việt Nam (đối với cảng thuộc đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia);

- Bước 2: Sở Giao thông vận tải/Cục Đường thủy nội địa Việt Nam tiếp nhận hồ sơ trình Bộ Giao thông vận tải xem xét, nếu thỏa mãn các điều kiện quy định thì có quyết định công bố cảng (nếu trường hợp không thỏa mãn các điều kiện quy định trả lại hồ sơ và trả lời bằng văn bản).

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ

- Quy định rõ số lượng bộ hồ sơ tổ chức, cá nhân phải nộp là 03 bộ;

- Quy định rõ thành phần hồ sơ trong đó xác định rõ đặc tính từng loại giấy, tờ là bản chính, bản sao chụp, bản sao chứng thực, bản sao công chứng;

c) Xây dựng, ban hành mẫu "Đơn đề nghị công bố lại cảng thủy nội địa trong trường chuyển quyền sở hữu cảng thủy nội địa";

d) Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 10 ngày xuống 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định;

đ) Bỏ quy định thu lệ phí công bố lại cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài;

e) Quy định về thời hạn hiệu lực của quyết định công bố lại cảng thủy nội địa như sau: "Cơ quan có thẩm quyền công bố cảng thủy nội địa căn cứ thời hạn sử dụng đất, quy hoạch giao thông vận tải để quy định thời hạn hiệu lực của Quyết định công bố cảng thủy nội địa".

15. Thủ tục Cho ý kiến chấp thuận xây dựng cảng thủy nội địa đối với cảng hàng hóa, hành khách thuộc đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài (B-BGT-015583-TT)

a) Quy định rõ trình tự, cách thức thực hiện như sau:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân gửi và nhận kết quả qua đường bưu chính hoặc nộp và nhận kết quả trực tiếp hồ sơ đề nghị chấp thuận xây dựng cảng tại Chi Cục Đường thủy nội địa khu vực;

- Bước 2: Chi Cục Đường thủy nội địa khu vực tiếp nhận hồ sơ trình Cục Đường thủy nội địa Việt Nam;

- Bước 3: Cục Đường thủy nội địa Việt Nam xem xét, nếu thỏa mãn các điều kiện quy định thì có văn bản chấp thuận. Nếu không chấp thuận thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Thành phần hồ sơ:

- Quy định rõ thành phần hồ sơ chỉ gồm "Đơn đề nghị chấp thuận xây dựng cảng thủy nội địa";

- Quy định số lượng hồ sơ phải nộp là 02 bộ.

c) Xây dựng, ban hành mẫu "Đơn đề nghị chấp thuận xây dựng cảng thủy nội địa";

d) Rút ngắn thời hạn giải quyết thủ tục từ 15 ngày làm việc xuống 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định;

đ) Quy định rõ thời hạn hiệu lực của văn bản chấp thuận: Trong thời hạn 24 tháng (đối với các dự án nhóm A), 12 tháng (đối với các dự án còn lại) kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền có văn bản chấp thuận xây dựng cảng, chủ đầu tư phải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư, nếu quá thời hạn quy định trên, văn bản chấp thuận không còn giá trị.

16. Thủ tục Công bố cảng thủy nội địa đối với cảng hàng hóa, hành khách thuộc đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài (B-BGT-014097-TT)

a) Quy định rõ trình tự, cách thức thực hiện TTHC như sau:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ qua đường bưu chính hoặc trực tiếp nộp tại trụ sở Chi Cục Đường thủy nội địa khu vực;

- Bước 2: Chi Cục Đường thủy nội địa khu vực tiếp nhận hồ sơ trình Cục Đường thủy nội địa Việt Nam xem xét, nếu thỏa mãn các điều kiện quy định thì ra quyết định công bố cảng, (nếu trường hợp không thỏa mãn các điều kiện quy định trả lại hồ sơ và trả lời bằng văn bản).

b) Thành phần hồ sơ:

- Quy định số lượng hồ sơ tổ chức, cá nhân phải nộp là 02 bộ;

- Bỏ yêu cầu nộp các giấy tờ liên quan đến điều kiện xếp dỡ hàng nguy hiểm;

- Quy định rõ thành phần hồ sơ và đặc tính từng loại giấy tờ trong hồ sơ tổ chức, cá nhân phải nộp như sau:

+ Đơn đề nghị công bố cảng thủy nội địa (theo mẫu);

+ Bản sao có chứng thực hoặc công chứng quyết định đầu tư xây dựng cảng của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đầu tư;

+ Bản sao công chứng giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất;

+ Bản sao công chứng biên bản nghiệm thu đưa công trình cảng vào sử dụng kèm theo bản vẽ hoàn công mặt bằng, mặt cắt ngang công trình cầu cảng và bình đồ vùng nước cảng;

+ Bản chính văn bản của đơn vị quản lý đường thủy nội địa xác nhận việc hoàn thành lắp đặt báo hiệu đường thủy nội địa và hoàn thành việc thanh thải vật chướng ngại hình thành trong quá trình xây dựng cảng (nếu có);

+ Bản sao chụp (kèm bản chính để đối chiếu) giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện và giấy chứng nhận đăng ký phương tiện của phao nổi (nếu sử dụng phao nổi).

c) Quy định rõ thời gian giải quyết thủ tục là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;

d) Rút ngắn thời hạn giải quyết thủ tục từ 10 xuống 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ theo quy định;

đ) Quy định nguyên tắc để cơ quan có thẩm quyền quy định thời hạn hiệu lực của quyết định công bố cảng như sau: "Cơ quan có thẩm quyền công bố cảng thủy nội địa căn cứ thời hạn sử dụng đất, quy hoạch giao thông vận tải để quy định thời hạn hiệu lực của Quyết định công bố cảng thủy nội địa";

e) Bỏ quy định thu lệ phí công bố cảng thủy nội địa do Cục Đường thủy nội địa Việt Nam công bố;

g) Pháp lý hóa một số nội dung hướng dẫn lập các giấy tờ trong hồ sơ đề nghị công bố cảng thủy nội địa quy định tại Văn bản số 52/CĐS-PCVT ngày 26 tháng 01 năm 2006 của Cục Đường sông Việt Nam bổ sung vào Quy chế quản lý hoạt động cảng, bến thủy nội địa ban hành theo Quyết định số 07/2005/QĐ-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải, bao gồm các nội dung:

- Yêu cầu của bình đồ vùng nước cảng thủy nội địa;

- Thống nhất cách hiểu giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất.

17. Thủ tục Công bố lại cảng thủy nội địa đối với cảng hàng hóa, hành khách thuộc đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài trong trường hợp quyết định công bố cảng thủy nội địa hết hạn (B-BGT-020475-TT)

a) Trình tự thực hiện: Quy định rõ trình tự thực hiện, cách thức thực hiện TTHC như sau:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ qua đường bưu chính hoặc trực tiếp nộp tại trụ sở Chi Cục Đường thủy nội địa khu vực;

- Bước 2: Chi Cục Đường thủy nội địa khu vực tiếp nhận hồ sơ trình Cục Đường thủy nội địa Việt Nam xem xét, nếu thỏa mãn các điều kiện quy định thì ra quyết định công bố cảng (nếu trường hợp không thỏa mãn các điều kiện quy định trả lại hồ sơ và trả lời bằng văn bản).

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ:

- Quy định rõ số lượng bộ hồ sơ tổ chức, cá nhân phải nộp là 02 bộ;

- Quy định rõ thành phần hồ sơ trong đó xác định rõ đặc tính từng loại giấy, tờ là bản chính, bản sao chụp, bản sao chứng thực, bản sao công chứng.

c) Xây dựng, ban hành mẫu "Đơn đề nghị công bố lại cảng thủy nội địa trong trường hợp quyết định công bố cảng hết hạn";

d) Thời gian giải quyết TTHC: Thời hạn giải quyết giảm thời hạn giải quyết từ 10 xuống còn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định;

đ) Bỏ quy định thu lệ phí công bố lại cảng thủy nội địa do Cục Đường thủy nội địa Việt Nam công bố;

e) Hiệu lực của quyết định công bố lại: Bổ sung quy định về thời hạn hiệu lực của quyết định công bố lại cảng thủy nội địa theo hướng: "Cơ quan có thẩm quyền công bố cảng thủy nội địa căn cứ thời hạn sử dụng đất, quy hoạch giao thông vận tải để quy định thời hạn hiệu lực của Quyết định công bố cảng thủy nội địa."

18. Thủ tục Công bố lại cảng thủy nội địa đối với cảng hàng hóa, hành khách thuộc đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài trong trường hợp đầu tư xây dựng bổ sung để nâng cao khả năng thông qua hoặc tiếp nhận được loại phương tiện lớn hơn (B-BGT-020401-TT)

a) Quy định rõ trình tự thực hiện, cách thức thực hiện TTHC như sau:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ qua đường bưu chính hoặc trực tiếp nộp tại trụ sở Chi Cục Đường thủy nội địa khu vực.

- Bước 2: Chi Cục Đường thủy nội địa khu vực tiếp nhận hồ sơ trình Cục Đường thủy nội địa Việt Nam xem xét, nếu thỏa mãn các điều kiện quy định thì ra quyết định công bố cảng (nếu trường hợp không thỏa mãn các điều kiện quy định trả lại hồ sơ và trả lời bằng văn bản).

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ:

- Quy định số lượng hồ sơ tổ chức, cá nhân phải nộp là 02 bộ.

- Bỏ yêu cầu nộp các giấy tờ liên quan đến điều kiện xếp dỡ hàng nguy hiểm.

- Quy định rõ thành phần hồ sơ và đặc tính từng loại giấy tờ trong hồ sơ tổ chức, cá nhân phải nộp như sau:

+ Đơn đề nghị công bố cảng thủy nội địa (theo mẫu);

+ Bản sao công chứng quyết định đầu tư xây dựng cảng của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đầu tư;

+ Bản sao có chứng thực hoặc công chứng giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất;

+ Bản sao công chứng biên bản nghiệm thu đưa công trình cảng vào sử dụng kèm theo bản vẽ hoàn công mặt bằng, mặt cắt ngang công trình cầu cảng và bình đồ vùng nước cảng;

+ Bản chính văn bản của đơn vị quản lý đường thủy nội địa xác nhận việc hoàn thành lắp đặt báo hiệu đường thủy nội địa và hoàn thành việc thanh thải vật chướng ngại hình thành trong quá trình xây dựng cảng (nếu có);

+ Bản sao chụp (kèm bản chính để đối chiếu) giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện và giấy chứng nhận đăng ký phương tiện của phao nổi (nếu sử dụng phao nổi).

c) Rút ngắn thời hạn giải quyết thủ tục từ 10 ngày xuống 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ theo quy định;

d) Quy định nguyên tắc để cơ quan có thẩm quyền quy định thời hạn hiệu lực của quyết định công bố cảng như sau: "Cơ quan có thẩm quyền công bố cảng thủy nội địa căn cứ thời hạn sử dụng đất, quy hoạch giao thông vận tải để quy định thời hạn hiệu lực của Quyết định công bố cảng thủy nội địa";

e) Bỏ quy định thu lệ phí công bố cảng thủy nội địa do Cục Đường thủy nội địa Việt Nam công bố;

g) Pháp lý hóa một số nội dung hướng dẫn lập các giấy tờ trong hồ sơ đề nghị công bố cảng thủy nội địa quy định tại Văn bản số 52/CĐS-PCVT ngày 26 tháng 01 năm 2006 của Cục Đường sông Việt Nam bổ sung vào Quy chế quản lý hoạt động cảng, bến thủy nội địa ban hành theo Quyết định số 07/2005/QĐ-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải, bao gồm các nội dung:

- Yêu cầu của bình đồ vùng nước cảng thủy nội địa;

- Thống nhất cách hiểu giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất.

19. Thủ tục Công bố lại cảng thủy nội địa đối với cảng hàng hóa, hành khách thuộc đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài trong trường hợp phân chia, sáp nhập cảng thủy nội địa (B-BGT-020435-TT)

a) Quy định rõ trình tự thực hiện, cách thức thực hiện TTHC như sau:

+ Bước 1: Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ qua đường bưu chính hoặc trực tiếp nộp tại trụ sở Chi Cục Đường thủy nội địa khu vực;

+ Bước 2: Chi Cục Đường thủy nội địa khu vực tiếp nhận hồ sơ trình Cục Đường thủy nội địa Việt Nam xem xét, nếu thỏa mãn các điều kiện quy định thì ra quyết định công bố cảng (nếu trường hợp không thỏa mãn các điều kiện quy định trả lại hồ sơ và trả lời bằng văn bản).

b) Thành phần hồ sơ:

- Quy định rõ số lượng bộ hồ sơ tổ chức, cá nhân phải nộp là 02 bộ;

- Thay yêu cầu nộp "Quyết định của cơ quan có thẩm quyền cho phép phân chia, sáp nhập cảng thủy nội địa" bằng "Văn bản hợp pháp về phân chia, sáp nhập cảng thủy nội địa";

- Quy định rõ thành phần hồ sơ trong đó xác định rõ đặc tính từng loại giấy, tờ là bản chính, bản sao chụp, bản sao chứng thực, bản sao công chứng.

c) Xây dựng, ban hành mẫu đơn đề nghị công bố lại cảng thủy nội địa trong trường hợp phân chia, sáp nhập cảng thủy nội địa;

d) Quy định rõ thời hạn giải quyết thủ tục là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;

đ) Bỏ quy định thu lệ phí công bố lại cảng thủy nội địa do Cục Đường thủy nội địa Việt Nam công bố;

e) Bổ sung quy định về thời hạn hiệu lực của quyết định công bố lại cảng thủy nội địa theo hướng: "Cơ quan có thẩm quyền công bố cảng thủy nội địa căn cứ thời hạn sử dụng đất, quy hoạch giao thông vận tải để quy định thời hạn hiệu lực của Quyết định công bố cảng thủy nội địa."

20. Thủ tục Công bố lại cảng thủy nội địa đối với cảng hàng hóa, hành khách thuộc đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài trong trường hợp chuyển quyền sở hữu cảng thủy nội địa (B-BGT-020306-TT)

a) Quy định rõ trình tự thực hiện, cách thức thực hiện TTHC như sau:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ qua đường bưu chính hoặc trực tiếp nộp tại trụ sở Chi Cục Đường thủy nội địa khu vực.

- Bước 2: Chi Cục Đường thủy nội địa khu vực tiếp nhận hồ sơ trình Cục Đường thủy nội địa Việt Nam xem xét, nếu thỏa mãn các điều kiện quy định thì ra quyết định công bố cảng (nếu trường hợp không thỏa mãn các điều kiện quy định trả lại hồ sơ và trả lời bằng văn bản).

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ:

- Quy định rõ số lượng bộ hồ sơ tổ chức, cá nhân phải nộp là 02 bộ;

- Quy định rõ thành phần hồ sơ trong đó xác định rõ đặc tính từng loại giấy, tờ là bản chính, bản sao chụp, bản sao chứng thực, bản sao công chứng.

c) Xây dựng, ban hành mẫu đơn đề nghị công bố lại cảng thủy nội địa trong trường hợp chuyển quyền sở hữu cảng thủy nội địa;

d) Rút ngắn thời hạn giải quyết thủ tục từ 10 ngày xuống 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định;

đ) Bỏ quy định thu lệ phí công bố lại cảng thủy nội địa do Cục Đường thủy nội địa Việt Nam công bố;

e) Bổ sung quy định về thời hạn hiệu lực của quyết định công bố lại cảng thủy nội địa theo hướng: "Cơ quan có thẩm quyền công bố cảng thủy nội địa căn cứ thời hạn sử dụng đất, quy hoạch giao thông vận tải để quy định thời hạn hiệu lực của Quyết định công bố cảng thủy nội địa".

21. Thủ tục cho ý kiến chấp thuận mở bến thủy nội địa thuộc đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội quốc gia (B-BGT-107820-TT)

a) Quy định rõ trình tự thực hiện, cách thức thực hiện như sau:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có thể gửi hồ sơ qua đường bưu chính hoặc trực tiếp nộp hồ sơ tại trụ sở Chi Cục Đường thủy nội địa khu vực;

- Bước 2: Chi Cục Đường thủy nội địa khu vực tiếp nhận hồ sơ và xem xét, nếu đủ điều kiện theo quy định thì có văn bản chấp thuận mở bến thủy nội địa, nếu không chấp thuận thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ:

- Quy định rõ số lượng bộ hồ sơ tổ chức, cá nhân phải nộp là 01 bộ;

- Quy định rõ thành phần hồ sơ chỉ bao gồm "Đơn đề nghị chấp thuận mở bến thủy nội địa".

c) Xây dựng, ban hành mẫu "Đơn đề nghị chấp thuận mở bến thủy nội địa";

d) Nghiên cứu xây dựng, ban hành tiêu chí phân loại bến thủy nội địa để trên cơ sở đó giao cho Sở Giao thông vận tải chấp thuận mở các bến thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia có quy mô nhỏ lẻ, sản lượng thấp thuộc địa bàn của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

đ) Quy định thời hạn hiệu lực của văn bản chấp thuận mở bến thủy nội địa như sau: "Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền có văn bản chấp thuận xây dựng bến thủy nội địa, chủ đầu tư phải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư (đối với dự án phải phê duyệt theo quy định) hoặc phải triển khai xây dựng, nếu quá thời hạn quy định trên, văn bản chấp thuận không còn giá trị".

22. Thủ tục cấp Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa thuộc đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia (B-BGT-016079-TT)

a) Quy định rõ trình tự thực hiện và cách thức thực hiện TTHC:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ qua đường bưu chính hoặc trực tiếp nộp hồ sơ tại trụ sở Chi Cục Đường thủy nội địa khu vực.

- Bước 2: Chi Cục Đường thủy nội địa khu vực tiếp nhận hồ sơ và xem xét, nếu thỏa mãn các điều kiện quy định thì cấp giấy phép hoạt động (nếu trường hợp không thỏa mãn các điều kiện quy định trả lại hồ sơ và trả lời bằng văn bản).

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ

- Quy định rõ số lượng hồ sơ tổ chức, cá nhân phải nộp là 01 bộ.

- Bỏ yêu cầu nộp "các giấy tờ liên quan đến điều kiện xếp dỡ hàng hóa nguy hiểm theo quy định của pháp luật (nếu cảng chuyên xếp dỡ hàng hóa nguy hiểm)".

- Quy định rõ thành phần và đặc tính của thành phần hồ sơ tổ chức, cá nhân phải nộp như sau:

+ Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa (theo mẫu).

+ Bản sao có chứng thực hoặc công chứng giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất.

+ Bản chính sơ đồ vùng nước bến và luồng vào bến (nếu có) có xác nhận của đơn vị quản lý đường thủy nội địa về việc hoàn thành lắp đặt báo hiệu đường thủy nội địa.

+ Bản sao chụp (kèm bản chính để đối chiếu) giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện và giấy chứng nhận đăng ký phương tiện đối với phao nổi (nếu sử dụng phao nổi).

c) Bổ sung vào mẫu "Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa" các nội dung sau:

+ Phạm vi vùng đất sử dụng;

+ Kết cấu, quy mô công trình bến;

+ Phương án khai thác.

d) Nghiên cứu xây dựng, ban hành tiêu chí phân loại bến thủy nội địa để trên cơ sở đó giao cho Sở Giao thông vận tải cấp giấy phép hoạt động các bến thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia có quy mô nhỏ lẻ, sản lượng thấp thuộc địa bàn của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

đ) Về thời hạn hiệu lực của giấy phép

- Quy định nguyên tắc về thời hạn hiệu lực của giấy phép như sau: "Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa căn cứ thời hạn sử dụng đất, mục đích sử dụng thời vụ hay thường xuyên để quy định thời hạn của giấy phép hoạt động bến thủy nội địa, nhưng không vượt quá 05 năm".

- Nghiên cứu xây dựng, ban hành tiêu chí phân loại bến thủy nội địa trong đó có quy định thời hạn sử dụng của từng loại bến thủy nội địa.

e) Pháp lý hóa một số nội dung hướng dẫn lập các giấy tờ trong hồ sơ đề nghị công bố cảng thủy nội địa quy định tại Văn bản số 52/CĐS-PCVT ngày 26 tháng 01 năm 2006 của Cục Đường sông Việt Nam bổ sung vào Quy chế quản lý hoạt động cảng, bến thủy nội địa ban hành theo Quyết định số 07/2005/QĐ-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải, bao gồm các nội dung:

- Yêu cầu của bình đồ vùng nước cảng thủy nội địa.

- Thống nhất cách hiểu giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất.

23. Thủ tục cấp lại Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa thuộc đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia trong trường hợp Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa hết hạn (B-BGT-017633-TT)

a) Quy định rõ trình tự thực hiện và cách thức thực hiện TTHC:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ qua đường bưu chính hoặc trực tiếp nộp hồ sơ tại trụ sở Chi Cục Đường thủy nội địa khu vực.

- Bước 2: Chi Cục Đường thủy nội địa khu vực tiếp nhận hồ sơ và xem xét, nếu thỏa mãn các điều kiện quy định thì cấp giấy phép hoạt động (nếu trường hợp không thỏa mãn các điều kiện quy định trả lại hồ sơ và trả lời bằng văn bản).

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ

- Quy định rõ số lượng bộ hồ sơ tổ chức, cá nhân phải nộp là 01 bộ.

- Quy định rõ các thành phần hồ sơ là bản chính hay bản sao hay bản sao chứng thực, bản sao công chứng....

c) Xây dựng, ban hành mẫu "Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa";

d) Nghiên cứu xây dựng, ban hành tiêu chí phân loại bến thủy nội địa để trên cơ sở đó giao cho Sở Giao thông vận tải chấp thuận mở các bến thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia có quy mô nhỏ lẻ, sản lượng thấp thuộc địa bàn của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

đ) Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 10 ngày xuống 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;

e) Về thời hạn hiệu lực của giấy phép:

- Quy định nguyên tắc về thời hạn hiệu lực của giấy phép như sau: "Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa căn cứ thời hạn sử dụng đất, mục đích sử dụng thời vụ hay thường xuyên để quy định thời hạn của giấy phép hoạt động bến thủy nội địa, nhưng không vượt quá 05 năm".

- Nghiên cứu xây dựng, ban hành tiêu chí phân loại bến thủy nội địa trong đó có quy định thời hạn sử dụng của từng loại bến thủy nội địa.

24. Thủ tục cấp lại Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa thuộc đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia trong trường hợp đầu tư xây dựng bổ sung để nâng cao khả năng thông qua hoặc tiếp nhận được loại phương tiện lớn hơn (B-BGT-017566-TT)

a) Quy định rõ trình tự thực hiện và cách thức thực hiện TTHC:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ qua đường bưu chính hoặc trực tiếp nộp hồ sơ tại trụ sở Chi Cục Đường thủy nội địa khu vực.

- Bước 2: Chi Cục Đường thủy nội địa khu vực tiếp nhận hồ sơ và xem xét, nếu thỏa mãn các điều kiện quy định thì cấp giấy phép hoạt động (nếu trường hợp không thỏa mãn các điều kiện quy định trả lại hồ sơ và trả lời bằng văn bản).

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ:

- Bỏ yêu cầu nộp "các giấy tờ liên quan đến điều kiện xếp dỡ hàng hóa nguy hiểm theo quy định của pháp luật (nếu cảng chuyên xếp dỡ hàng hóa nguy hiểm)".

- Quy định rõ thành phần hồ sơ và đặc tính của thành phần hồ sơ tổ chức, cá nhân phải nộp như sau:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa (theo mẫu);

+ Bản sao có chứng thực hoặc công chứng giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất;

+ Bản chính sơ đồ vùng nước bến và luồng vào bến (nếu có) có xác nhận của đơn vị quản lý đường thủy nội địa về việc hoàn thành lắp đặt báo hiệu đường thủy nội địa;

+ Bản sao chụp (kèm bản chính để đối chiếu) giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện và giấy chứng nhận đăng ký phương tiện đối với phao nổi (nếu sử dụng phao nổi).

- Quy định rõ số lượng bộ hồ sơ tổ chức, cá nhân phải nộp là 01 bộ.

c) Xây dựng, ban hành mẫu đơn đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa trong trường hợp đầu tư xây dựng bổ sung để nâng cao khả năng thông qua hoặc tiếp nhận được loại phương tiện lớn hơn;

d) Nghiên cứu xây dựng, ban hành tiêu chí phân loại bến thủy nội địa, trên cơ sở đó giao cho Sở Giao thông vận tải chấp thuận mở các bến thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia có quy mô nhỏ lẻ, sản lượng thấp thuộc địa bàn của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

đ) Rút ngắn thời gian giải quyết từ 10 ngày làm việc xuống 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;

e) Về thời hạn hiệu lực của giấy phép:

- Quy định nguyên tắc về thời hạn hiệu lực của giấy phép như sau: "Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa căn cứ thời hạn sử dụng đất, mục đích sử dụng thời vụ hay thường xuyên để quy định thời hạn của giấy phép hoạt động bến thủy nội địa, nhưng không vượt quá 05 năm".

- Nghiên cứu xây dựng, ban hành tiêu chí phân loại bến thủy nội địa trong đó có quy định thời hạn sử dụng của từng loại bến thủy nội địa.

f) Pháp lý hóa một số nội dung hướng dẫn lập các giấy tờ trong hồ sơ đề nghị công bố cảng thủy nội địa quy định tại Văn bản số 52/CĐS-PCVT ngày 26 tháng 01 năm 2006 của Cục Đường sông Việt Nam bổ sung vào Quy chế quản lý hoạt động cảng, bến thủy nội địa ban hành theo Quyết định số 07/2005/QĐ-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải, bao gồm các nội dung:

- Yêu cầu của bình đồ vùng nước cảng thủy nội địa.

- Thống nhất cách hiểu giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất.

25. Thủ tục cấp lại Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa thuộc đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia trong trường hợp phân chia, sáp nhập bến thủy nội địa (B-BGT-017600-TT)

a) Quy định rõ trình tự thực hiện, cách thức thực hiện như sau:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ qua đường bưu chính hoặc trực tiếp nộp hồ sơ tại trụ sở Chi Cục Đường thủy nội địa khu vực.

- Bước 2: Chi Cục Đường thủy nội địa khu vực tiếp nhận hồ sơ và xem xét, nếu thỏa mãn các điều kiện quy định thì cấp giấy phép hoạt động (nếu trường hợp không thỏa mãn các điều kiện quy định trả lại hồ sơ và trả lời bằng văn bản).

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ:

- Quy định rõ số lượng bộ hồ sơ tổ chức, cá nhân phải nộp là 01 bộ.

- Thay yêu cầu nộp "Văn bản của cơ quan có thẩm quyền cho phép phân chia, sáp nhập bến thủy nội địa" bằng "Văn bản hợp pháp về phân chia, sáp nhập bến thủy nội địa".

- Quy định rõ thành phần hồ sơ trong đó xác định rõ đặc tính từng loại giấy, tờ là bản chính, bản sao chụp, bản sao chứng thực, bản sao công chứng.

c) Xây dựng, ban hành mẫu "Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa trong trường hợp phân chia, sáp nhập";

d) Nghiên cứu xây dựng, ban hành tiêu chí phân loại bến thủy nội địa để trên cơ sở đó giao cho Sở Giao thông vận tải chấp thuận mở các bến thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia có quy mô nhỏ lẻ, sản lượng thấp thuộc địa bàn của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

đ) Rút ngắn thời gian giải quyết từ 10 ngày xuống 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;

e) Về thời hạn hiệu lực của giấy phép

- Quy định nguyên tắc về thời hạn hiệu lực của giấy phép như sau: "Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa căn cứ thời hạn sử dụng đất, mục đích sử dụng thời vụ hay thường xuyên để quy định thời hạn của giấy phép hoạt động bến thủy nội địa, nhưng không vượt quá 05 năm".

- Nghiên cứu xây dựng, ban hành tiêu chí phân loại bến thủy nội địa trong đó có quy định thời hạn sử dụng của từng loại bến thủy nội địa.

26. Thủ tục cấp lại Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa thuộc đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia trong trường hợp chuyển quyền sở hữu bến thủy nội địa (B-BGT-017461-TT)

a) Quy định rõ trình tự thực hiện và cách thức thực hiện TTHC:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ qua đường bưu chính hoặc trực tiếp nộp hồ sơ tại trụ sở Chi Cục Đường thủy nội địa khu vực.

- Bước 2: Chi Cục Đường thủy nội địa khu vực tiếp nhận hồ sơ và xem xét, nếu thỏa mãn các điều kiện quy định thì cấp giấy phép hoạt động (nếu trường hợp không thỏa mãn các điều kiện quy định trả lại hồ sơ và trả lời bằng văn bản).

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ

- Quy định rõ số lượng bộ hồ sơ tổ chức, cá nhân phải nộp là 01 bộ.

- Quy định rõ thành phần hồ sơ trong đó xác định rõ đặc tính từng loại giấy, tờ là bản chính, bản sao chụp, bản sao chứng thực, bản sao công chứng.

c) Xây dựng, ban hành mẫu "Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa trong trường hợp chuyển quyền sở hữu";

d) Nghiên cứu xây dựng, ban hành tiêu chí phân loại bến thủy nội địa để trên cơ sở đó giao cho Sở Giao thông vận tải chấp thuận mở các bến thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia có quy mô nhỏ lẻ, sản lượng thấp thuộc địa bàn của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

đ) Rút ngắn thời gian giải quyết từ 10 ngày xuống 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;

e) Về thời hạn hiệu lực của giấy phép

- Quy định nguyên tắc về thời hạn hiệu lực của giấy phép như sau: "Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa căn cứ thời hạn sử dụng đất, mục đích sử dụng thời vụ hay thường xuyên để quy định thời hạn của giấy phép hoạt động bến thủy nội địa, nhưng không vượt quá 05 năm".

- Nghiên cứu xây dựng, ban hành tiêu chí phân loại bến thủy nội địa trong đó có quy định thời hạn sử dụng của từng loại bến thủy nội địa.

27. Thủ tục cấp Giấy phép phương tiện vào cảng, bến thủy nội địa thuộc đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia (B-BGT-023190-TT)

a) Sửa tên thủ tục hành chính thành "Thủ tục cấp giấy phép vào cảng, bến thủy nội địa thuộc đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với

đường thủy nội địa quốc gia đối với phương tiện không phải là phương tiện thủy nước ngoài hoặc tàu biển";

b) Quy định rõ giấy tờ liên quan đến hàng hóa hoặc hành khách bao gồm: Hợp đồng vận chuyển hoặc hóa đơn xuất kho hoặc giấy vận chuyển (đối với phương tiện chở hàng hóa) hoặc danh sách hành khách (đối với trường hợp phương tiện vận chuyển hành khách);

c) Nghiên cứu đưa ra mô hình quản lý riêng đối với loại hình vận tải chuyên tuyến, có tần suất hoạt động ra vào cảng cao, để giảm bớt đi một số giấy tờ phải nộp và xuất trình: Giấy Chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường và Giấy đăng ký phương tiện…

28. Thủ tục cấp giấy phép phương tiện rời cảng, bến thủy nội địa thuộc đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia (B-BGT - - TT)

a) Sửa tên thủ tục thành "Thủ tục cấp giấy phép rời cảng, bến thủy nội địa thuộc đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia đối với phương tiện không phải là phương tiện thủy nước ngoài hoặc tàu biển";

b) Quy định rõ giấy tờ liên quan đến hàng hóa hoặc hành khách bao gồm: Hợp đồng vận chuyển hoặc hóa đơn xuất kho hoặc giấy vận chuyển (đối với phương tiện chở hàng hóa) hoặc danh sách hành khách (đối với trường hợp phương tiện vận chuyển hành khách);

c) Nghiên cứu đưa ra mô hình quản lý riêng đối với loại hình vận tải chuyên tuyến, có tần suất hoạt động ra vào cảng cao, nhằm giảm bớt đi một số giấy tờ phải nộp và xuất trình: Giấy Chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường và Giấy đăng ký phương tiện…

29. Thủ tục đăng ký vận tải hành khách theo tuyến cố định đối với tổ chức, cá nhân có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và vận tải hành khách đường thủy nội địa qua biên giới (B-BGT-023933-TT)

a) Sửa tên thủ tục hành chính thành "Thủ tục chấp thuận vận tải hành khách theo tuyến cố định đối với tổ chức, cá nhân có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và vận tải hành khách đường thủy nội địa qua biên giới";

b) Quy định rõ trình tự, cách thức thực hiện như sau:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân gửi qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp hồ sơ tại Chi Cục Đường thủy nội địa khu vực.

- Bước 2: Chi Cục đường thủy nội địa khu vực tiếp nhận hồ sơ và xem xét nếu hồ sơ đầy đủ các giấy tờ theo quy định thì có văn bản chấp thuận cho các tổ chức cá nhân có vốn đầu tư nước ngoài vận tải hành khách đường thủy theo tuyến cố định. Trường hợp vận tải hành khách đường thủy nội địa qua biên giới Chi Cục Đường thủy nội địa khu vực trình Cục Đường thủy nội địa Việt Nam xem xét chấp thuận (nếu trường hợp không thỏa mãn các điều kiện quy định trả lại hồ sơ và trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do).

c) Về thành phần hồ sơ

- Bỏ yêu cầu nộp "Danh bạ thuyền viên, bằng chứng chỉ chuyên môn của thuyền trưởng, máy trưởng phù hợp với loại phương tiện và tuyến đường thủy nội địa mà phương tiện hoạt động".

- Quy định rõ thành phần hồ sơ phải nộp như sau:

+ Bản đăng ký hoạt động vận tải hành khách đường thủy nội địa theo tuyến cố định;

+ Bản sao chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có ngành nghề vận tải hành khách đường thủy nội địa;

+ Bản sao chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa; Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật phương tiện thủy nội địa còn giá trị sử dụng và phù hợp với cấp tuyến đường hoạt động.

e) Bỏ phần xác nhận của cơ quan đăng ký trong mẫu "Bản đăng ký hoạt động vận tải hành khách đường thủy nội địa theo tuyến cố định".

30. Thủ tục Chấp thuận cho phương tiện vận tải hành khách chạy thử trên tuyến đường thủy nội địa (B-BGT-025989-TT)

a) Đề nghị tách thành hai TTHC như sau:

- Thủ tục Chấp thuận cho phương tiện vận tải hành khách chạy khảo sát trên tuyến đường thủy nội địa;

- Thủ tục Chấp thuận cho phương tiện vận tải hành khách chạy thử trên tuyến đường thủy nội địa.

b) Quy định rõ trình tự, cách thức thực hiện của hai thủ tục trên như sau:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân gửi qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp hồ sơ tại Chi Cục Đường thủy nội địa khu vực.

- Bước 2: Chi Cục đường thủy nội địa khu vực tiếp nhận hồ sơ và xem xét nếu hồ sơ đầy đủ các giấy tờ theo quy định thì có văn bản chấp thuận cho phương tiện của các tổ chức cá nhân có vốn đầu tư nước ngoài vận tải thử trên tuyến. Trường hợp

vận tải thử qua biên giới, Chi Cục Đường thủy nội địa khu vực trình Cục Đường thủy nội địa Việt Nam chấp thuận (nếu trường hợp nếu hồ sơ không đúng quy định thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do).

c) Xây dựng và ban hành mẫu "Đơn đề nghị chấp thuận cho phương tiện vận tải chạy khảo sát/thử trên tuyến đường thủy nội địa" và mẫu "Biên bản chạy khảo sát".

31. Thủ tục dự thi lấy bằng thuyền trưởng, máy trưởng phương tiện thủy nội địa hạng nhì trở lên trong phạm vi toàn quốc và bằng thuyền máy trưởng từ hạng 3 trở lên đối với các cơ sở dạy nghề trực thuộc Cục đường thủy nội địa Việt Nam (B-BGT-038023-TT)

a) Quy định rõ trình tự, cách thức thực hiện như sau:

- Bước 1: cá nhân hoàn thiện 01 bộ hồ sơ nộp trực tiếp tại cơ sở đào tạo trực thuộc Cục ĐTNĐ Việt Nam hoặc qua đường bưu điện.

- Bước 2: Đối với trường hợp nộp trực tiếp, cơ sở đào tạo trực thuộc Cục ĐTNĐ Việt Nam tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ:

+ Nếu không đủ thì hướng dẫn cá nhân hoàn thiện;

+ Nếu đủ thì viết giấy hẹn ngày dự thi.

- Bước 3: Kiểm tra hồ sơ (kiểm tra nội dung):

+ Nếu hồ sơ không đạt thì trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do để cá nhân xin dự thi biết. Đồng thời hướng dẫn cá nhân bổ sung, chỉnh sửa;

+ Nếu hồ sơ đạt thì làm thủ tục dự thi, cấp bằng (thời hạn cấp theo giấy hẹn).

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ

- Quy định rõ số lượng bộ hồ sơ cá nhân phải nộp là 01 bộ.

- Bỏ yêu cầu nộp "Bản sao chứng minh thư nhân dân hoặc hộ chiếu".

- Quy định rõ nộp "Bản sao có chứng thực bằng chứng chỉ chuyên môn hoặc bản sao chụp bằng chứng chỉ chuyên môn kèm bản chính để đối chiếu".

- Quy định rõ nộp 02 ảnh cỡ 3 x 4.

c) Quy định rõ khi đi thi và nhận bằng thí sinh phải mang hộ chiếu hoặc chứng minh thư nhân dân đi để đối chiếu;

d) Bổ sung phần "Điện thoại:..... Email:....." vào mẫu "Đơn đề nghị Dự thi, kiểm tra lấy bằng, CCCM phương tiện thủy nội địa";

đ) Về yêu cầu, điều kiện: Quy định biện pháp phù hợp nhằm đảm bảo sự chính xác khi người dự thi chứng minh thời gian nghiệp vụ của mình;

e) Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 20 ngày xuống 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ theo quy định.

32. Thủ tục Cấp bằng thuyền trưởng, máy trưởng phương tiện thủy nội địa hạng nhì trở lên trong phạm vi toàn quốc và bằng thuyền máy trưởng từ hạng 3 trở lên đối với các cơ sở dạy nghề trực thuộc Cục đường thủy nội địa Việt Nam (B-BGTVT-034765-TT)

a) Quy định rõ trình tự, cách thức thực hiện như sau:

- Bước 1: Cá nhân hoàn thiện 01 bộ hồ sơ nộp trực tiếp tại Cục đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Chi cục đường thủy nội địa hoặc qua đường bưu điện.

- Bước 2: Đối với trường hợp nộp trực tiếp, Cục đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Chi cục đường thủy nội địa tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ:

+ Nếu không đủ thì hướng dẫn cá nhân hoàn thiện;

+ Nếu đủ thì viết giấy hẹn lấy kết quả giải quyết.

- Bước 3: Kiểm tra hồ sơ (kiểm tra nội dung):

+ Nếu hồ sơ không đạt thì trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do để cá nhân xin dự thi biết; đồng thời hướng dẫn cá nhân bổ sung, chỉnh sửa;

+ Nếu hồ sơ đạt thì làm thủ tục cấp bằng (thời hạn cấp theo giấy hẹn).

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ:

- Quy định rõ số lượng bộ hồ sơ cá nhân phải nộp là 01 bộ.

- Bỏ yêu cầu nộp "Bản sao chứng minh thư nhân dân hoặc hộ chiếu".

- Quy định rõ nộp "Bản sao có chứng thực bằng chứng chỉ chuyên môn hoặc bản sao chụp bằng chứng chỉ chuyên môn kèm bản chính để đối chiếu".

- Quy định rõ nộp 02 ảnh cỡ 3 x 4.

c) Quy định rõ khi đi thi và nhận bằng thí sinh phải mang hộ chiếu hoặc chứng minh thư nhân dân đi để đối chiếu;

d) Bổ sung phần "Điện thoại:..... Email:....." vào mẫu "Bản kiểm điểm tập sự đề nghị cấp bằng thuyền trưởng, máy trưởng phương tiện thủy nội địa";

đ) Về yêu cầu, điều kiện: Quy định biện pháp phù hợp nhằm đảm bảo sự chính xác khi người dự thi chứng minh thời gian nghiệp vụ của mình;

e) Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 20 ngày xuống 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ theo quy định.

33. Thủ tục cấp lại Bằng thuyền trưởng, máy trưởng phương tiện thủy nội địa từ hạng ba trở lên do Cục Đường thủy nội địa Việt Nam cấp (B-BGT-034266-TT)

a) Về trình tự, cách thức thực hiện: Quy định rõ trình tự, cách thức thực hiện TTHC như sau:

- Bước 1: Cá nhân hoàn thiện 01 bộ hồ sơ nộp trực tiếp tại Cục Đường thủy nội địa hoặc Chi Cục đường thủy nội địa hoặc qua đường bưu điện.

- Bước 2: Đối với trường hợp nộp trực tiếp, Cục Đường thủy nội địa, Chi Cục đường thủy nội địa tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ:

+ Nếu không đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện;

+ Nếu đủ thì viết giấy hẹn lấy kết quả giải quyết.

- Bước 3: Kiểm tra hồ sơ (kiểm tra nội dung):

+ Nếu hồ sơ không đạt thì trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do để tổ chức, cá nhân xin cấp lại bằng thuyền trưởng, máy trưởng biết; đồng thời hướng dẫn tổ chức cá nhân bổ sung, chỉnh sửa.

+ Nếu hồ sơ đạt thì cấp lại bằng (thời hạn cấp theo giấy hẹn).

b) Thành phần hồ sơ:

- Quy định rõ số lượng bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

- Bỏ yêu cầu nộp "Xác nhận mất bằng (đối với trường hợp mất bằng)".

- Quy định rõ nộp 02 ảnh cỡ 3 x 4.

c) Về yêu cầu, điều kiện: Bỏ quy định phải dự thi lại lý thuyết để được cấp bằng chứng chỉ chuyên môn đối với trường hợp bằng chứng chỉ chuyên môn bị mất, còn thời hạn sử dụng, có tên trong sổ cấp bằng của cơ quan cấp bằng, chứng chỉ chuyên môn, nếu bị mất ngoài các trường hợp thiên tai như bão lụt, động đất hoặc bị hỏa hoạn, có xác nhận của chính quyền địa phương; bị cướp, trấn lột, mất trộm, phương tiện bị chìm, đắm, có xác nhận vụ việc của cơ quan công an, không phát hiện đang bị các cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý, sau 2 tháng kể từ ngày nộp hồ sơ đầy đủ theo quy định;

d) Bổ sung trong phần nội dung mẫu "Đơn đề nghị đổi, cấp lại bằng, CCCM phương tiện thủy nội địa" như sau:

- Điện thoại:..... Email:.....

- Lý do của việc xin cấp lại bằng.

đ) Rút ngắn thời hạn giải quyết thủ tục từ 10 ngày xuống 05 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

34. Thủ tục đổi bằng thuyền trưởng, máy trưởng phương tiện thủy nội địa từ hạng ba trở lên do Cục Đường thủy nội địa Việt Nam cấp (B-BGT-035822-TT)

a) Quy định rõ trình tự, cách thức thực hiện TTHC như sau:

+ Bước 1: cá nhân hoàn thiện 01 bộ hồ sơ nộp trực tiếp tại Cục Đường thủy nội địa hoặc qua đường bưu điện;

+ Bước 2: Đối với trường hợp nộp trực tiếp, Cục Đường thủy nội địa tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ: Nếu không đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện; Nếu đủ thì viết giấy hẹn lấy kết quả giải quyết;

+ Bước 3: Kiểm tra hồ sơ (kiểm tra nội dung): Nếu hồ sơ không đạt thì trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do để tổ chức, cá nhân xin đổi bằng thuyền trưởng, máy trưởng biết. Đồng thời hướng dẫn tổ chức cá nhân bổ sung, chỉnh sửa; Nếu hồ sơ đạt thì cấp đổi bằng (thời hạn cấp theo giấy hẹn).

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ

- Quy định rõ số lượng bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

- Bỏ yêu cầu nộp bản sao chứng minh thư nhân dân hoặc hộ chiếu.

- Quy định rõ nộp 02 ảnh cỡ 3 x 4.

c) Quy định rõ khi đi thi và nhận bằng thí sinh phải mang hộ chiếu hoặc chứng minh thư nhân dân đi để đối chiếu;

d) Bổ sung phần "Điện thoại:..... Email:....." vào mẫu Đơn đề nghị;

đ) Rút ngắn thời hạn giải quyết thủ tục từ 10 ngày xuống 05 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

35. Thủ tục chuyển đổi bằng thuyền trưởng, máy trưởng phương tiện thủy nội địa từ hạng nhì trở lên (B-BGT-035637-TT)

a) Quy định rõ trình tự, cách thức thực hiện như sau:

- Bước 1: cá nhân hoàn thiện 01 bộ hồ sơ nộp trực tiếp tại Cục Đường thủy nội địa hoặc Chi Cục Đường thủy nội địa hoặc qua đường bưu điện;

- Bước 2: Đối với trường hợp nộp trực tiếp, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Chi Cục Đường thủy nội địa tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ: Nếu không đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện; Nếu đủ thì viết giấy hẹn lấy kết quả giải quyết;

- Bước 3: Kiểm tra hồ sơ (kiểm tra nội dung): Nếu hồ sơ không đạt thì trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do để tổ chức, cá nhân xin chuyển đổi bằng thuyền trưởng, máy trưởng biết đồng thời hướng dẫn tổ chức cá nhân bổ sung, chỉnh sửa; Nếu hồ sơ

đạt thì làm thủ tục cấp bằng hoặc giới thiệu đến Hội đồng thi để thí sinh tham gia dự sát hạch môn pháp luật giao thông đường thủy nội địa (thời hạn cấp theo giấy hẹn).

b) Thành phần hồ sơ:

- Quy định rõ số lượng bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

- Bỏ yêu cầu nộp bản sao chứng minh thư nhân dân hoặc hộ chiếu.

- Quy định rõ nộp 02 ảnh cỡ 3 x 4.

c) Quy định rõ khi đi thi và nhận bằng thí sinh phải mang hộ chiếu hoặc chứng minh thư nhân dân đi để đối chiếu;

d) Bổ sung phần "Điện thoại:..... Email:....." vào mẫu Đơn đề nghị;

đ) Rút ngắn thời hạn giải quyết thủ tục từ 20 ngày xuống 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ theo quy định. Quy định rõ trong thời hạn này, Cục Đường thủy nội địa hoặc Chi Cục Đường thủy nội địa làm thủ tục cấp bằng hoặc giới thiệu đến Hội đồng thi để thí sinh tham gia dự sát hạch môn pháp luật giao thông đường thủy nội địa.

36. Thủ tục cấp giấy chứng nhận cơ sở dạy nghề đủ điều kiện đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa từ hạng 3 trở lên (B-BGT-039221-TT)

a) Quy định rõ trình tự, cách thức thực hiện như sau:

- Bước 1: Tổ chức hoàn thiện 01 bộ hồ sơ nộp trực tiếp tại Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc chi Cục Đường thủy nội địa; hoặc qua đường bưu điện;

- Bước 2: Đối với trường hợp nộp trực tiếp, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Chi Cục Đường thủy nội địa tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ: Nếu không đủ thì hướng dẫn tổ chức hoàn thiện; Nếu đủ thì viết giấy hẹn lấy kết quả giải quyết;

- Bước 3: Kiểm tra hồ sơ và kiểm tra thực tế: Nếu hồ sơ không đạt thì trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do để tổ chức xin cấp Giấy chứng nhận biết. Đồng thời hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, chỉnh sửa; Nếu hồ sơ đạt, Cục đường thủy nội địa Việt Nam tổ chức đi kiểm tra thực tế, cơ sở đào tạo đáp ứng đủ các yêu cầu thì cấp Giấy chứng nhận.

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ:

- Sửa đổi 2 loại giấy tờ trong thành phần hồ sơ như sau:

+ Bản tự khai và chấm điểm theo các tiêu chí về cơ sở vật chất, phòng học, xưởng và khu vực dạy thực hành, các trang thiết bị, phương tiện học liệu và đội ngũ giáo viên.

+ Danh sách trích ngang đội ngũ giáo viên trực tiếp tham gia giảng dạy bao gồm giáo viên cơ hữu và giáo viên thỉnh giảng.

- Quy định rõ số lượng bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

c) Rút ngắn thời hạn giải quyết thủ tục từ 30 ngày xuống còn 20 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định;

d) Không quy định thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận.

37. Thủ tục Cấp gia hạn giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa từ hạng ba trở lên (B-BGT-040138-TT)

Bãi bỏ thủ tục này.

38. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác (B-BGT-031848-TT)

a) Quy định rõ trình tự, cách thức thực hiện như sau:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện 01 bộ hồ sơ nộp trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu điện;

- Bước 2: Đối với trường hợp nộp trực tiếp, Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ: Nếu không đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện; Nếu đủ thì viết giấy hẹn lấy kết quả giải quyết;

- Bước 3: Kiểm tra hồ sơ (kiểm tra nội dung): Nếu hồ sơ không đạt thì trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do để tổ chức, cá nhân xin cấp đăng ký biết đồng thời hướng dẫn tổ chức cá nhân bổ sung, chỉnh sửa; Nếu hồ sơ đạt thì cấp đăng ký phương tiện (thời hạn cấp theo giấy hẹn).

b) Quy định rõ người đi nhận kết quả phải mang theo giấy hẹn, chứng minh thư nhân dân, giấy giới thiệu hoặc giấy ủy quyền;

c) Về thành phần, số lượng hồ sơ

- Quy định rõ yêu cầu nộp bản chính hóa đơn nộp lệ phí trước bạ với phương tiện thuộc diện phải nộp thuế trước bạ.

- Quy định rõ số lượng bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

d) Về mẫu đơn, tờ khai hành chính

- Bổ sung thêm vào mẫu "Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa" các nội dung sau:

+ Tổ chức/cá nhân đăng ký:..... đại diện cho các đồng sở hữu:.....;

+ Trụ sở chính (hoặc địa chỉ thường trú):.....;

+ Điện thoại:.....Email: .....

- Bỏ yêu cầu xác nhận của UBND của xã phường vào mẫu "Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm".

39. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa lần đầu đối với phương tiện đang khai thác (B-BGT-031882-TT)

a) Quy định rõ trình tự, cách thức thực hiện như sau:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện 01 bộ hồ sơ nộp trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu điện.

- Bước 2: Đối với trường hợp nộp trực tiếp, Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ

+ Nếu không đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện;

+ Nếu đủ thì viết giấy hẹn lấy kết quả giải quyết.

- Bước 3: Kiểm tra hồ sơ (kiểm tra nội dung)

+ Nếu hồ sơ không đạt thì trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do để tổ chức, cá nhân xin cấp đăng ký biết đồng thời hướng dẫn tổ chức cá nhân bổ sung, chỉnh sửa;

+ Nếu hồ sơ đạt thì cấp đăng ký phương tiện (thời hạn cấp theo giấy hẹn).

b)Về thành phần, số lượng hồ sơ:

- Số lượng hồ sơ: Quy định rõ 01 bộ.

- Bổ sung vào mẫu đơn những nội dung sau:

+ Tổ chức//cá nhân đăng ký:..... đại diện cho các đồng sở hữu: .....;

+ Trụ sở chính (hoặc Địa chỉ thường trú):.....;

+ Điện thoại:..... Email: .....

- Bỏ phần xác nhận của UBND của xã phường vào bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm.

40. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký lại phương tiện thủy nội địa đối với phương tiện thay đổi tính năng kỹ thuật (B-BGT-028484-TT)

a) Về trình tự, cách thức thực hiện: Quy định rõ trình tự, cách thức thực hiện TTHC như sau:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện 01 bộ hồ sơ nộp trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu điện.

- Bước 2: Đối với trường hợp nộp trực tiếp, Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ:

+ Nếu không đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện;

+ Nếu đủ thì viết giấy hẹn lấy kết quả giải quyết.

- Bước 3: Kiểm tra hồ sơ (kiểm tra nội dung)

+ Nếu hồ sơ không đạt thì trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do để tổ chức, cá nhân xin cấp đăng ký biết. Đồng thời hướng dẫn tổ chức cá nhân bổ sung, chỉnh sửa;

+ Nếu hồ sơ đạt thì cấp đăng ký phương tiện (thời hạn cấp theo giấy hẹn).

b) Quy định rõ số lượng bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ;

c) Về mẫu đơn, tờ khai hành chính

- Bổ sung thêm vào mẫu đơn đề nghị các nội dung sau:

+ Tổ chức/cá nhân đăng ký:..... đại diện cho các đồng sở hữu:.....;

+ Trụ sở chính (hoặc địa chỉ thường trú):.....;

+ Điện thoại:..... Email: .....

- Bỏ yêu cầu xác nhận của UBND của xã phường vào mẫu "Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm".

41. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện (B-BGT-026867-TT)

a) Quy định rõ trình tự, cách thức thực hiện như sau:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện 01 bộ hồ sơ nộp trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu điện.

- Bước 2: Đối với trường hợp nộp trực tiếp, Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ:

+ Nếu không đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện;

+ Nếu đủ thì viết giấy hẹn lấy kết quả giải quyết.

- Bước 3: Kiểm tra hồ sơ (kiểm tra nội dung):

+ Nếu hồ sơ không đạt thì trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do để tổ chức, cá nhân xin cấp đăng ký biết. Đồng thời hướng dẫn tổ chức cá nhân bổ sung, chỉnh sửa;

+ Nếu hồ sơ đạt thì cấp lại đăng ký phương tiện (thời hạn cấp theo giấy hẹn).

b) Quy định rõ số lượng bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ;

c) Bổ sung thêm vào mẫu đơn đề nghị các nội dung sau:

+ Tổ chức//cá nhân đăng ký:..... đại diện cho các đồng sở hữu: .....;

+ Trụ sở chính (hoặc Địa chỉ thường trú):.....;

+ Điện thoại:..... Email: .....

42. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký lại phương tiện thủy nội địa trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện, nhưng thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện (B-BGT-028390-TT)

a) Quy định rõ trình tự, cách thức thực hiện như sau:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện 01 bộ hồ sơ nộp trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu điện.

- Bước 2: Đối với trường hợp nộp trực tiếp, Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ

+ Nếu không đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện;

+ Nếu đủ thì viết giấy hẹn lấy kết quả giải quyết.

- Bước 3: Kiểm tra hồ sơ (kiểm tra nội dung)

+ Nếu hồ sơ không đạt thì trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do để tổ chức, cá nhân xin cấp đăng ký biết; đồng thời hướng dẫn tổ chức cá nhân bổ sung, chỉnh sửa;

+ Nếu hồ sơ đạt thì cấp lại đăng ký phương tiện (thời hạn cấp theo giấy hẹn).

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ:

- Quy định rõ số lượng bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

- Quy định rõ yêu cầu nộp bản chính giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước hoặc hóa đơn nộp lệ phí trước bạ với phương tiện thuộc diện phải nộp thuế trước bạ.

c) Về mẫu đơn, tờ khai hành chính

- Bổ sung thêm vào mẫu đơn đề nghị các nội dung sau:

+Tổ chức//cá nhân đăng ký:..... đại diện cho các đồng sở hữu: .....

+ Trụ sở chính (hoặc Địa chỉ thường trú):.....

+ Điện thoại:..... Email: .....

- Bỏ phần xác nhận của UBND của xã phường vào bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm

43. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đăng ký lại phương tiện thủy nội địa trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc chuyển nơi đăng ký hộ khẩu (B-BGT-028445-TT)

a) Quy định rõ trình tự, cách thức thực hiện như sau:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện 01 bộ hồ sơ nộp trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu điện.

- Bước 2: Đối với trường hợp nộp trực tiếp, Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ

+ Nếu không đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện.

+ Nếu đủ thì viết giấy hẹn lấy kết quả giải quyết.

- Bước 3: Kiểm tra hồ sơ (kiểm tra nội dung)

+ Nếu hồ sơ không đạt thì trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do để tổ chức, cá nhân xin cấp đăng ký biết, đồng thời hướng dẫn tổ chức cá nhân bổ sung, chỉnh sửa.

+ Nếu hồ sơ đạt thì cấp lại đăng ký phương tiện (thời hạn cấp theo giấy hẹn).

b) Quy định rõ số lượng bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ;

c) Bổ sung thêm vào mẫu đơn đề nghị các nội dung sau:

+ Tổ chức/cá nhân đăng ký:..... đại diện cho các đồng sở hữu:.....

+ Trụ sở chính (hoặc Địa chỉ thường trú):.....

+ Điện thoại:..... Email: .....

44. Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa trong trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện bị mất do phương tiện bị chìm đắm, hoặc bị cháy hồ sơ (B-BGT-026140-TT)

45. Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa trong trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện bị mất vì các lý do khác (B-BGT-026747-TT)

a) Gộp 2 thủ tục này thành một thủ tục "cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa bị mất".

b) Quy định rõ trình tự, cách thức thực hiện TTHC như sau:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện 01 bộ hồ sơ nộp trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu điện.

- Bước 2: Đối với trường hợp nộp trực tiếp, Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ:

+ Nếu không đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện.

+ Nếu đủ thì viết giấy hẹn lấy kết quả giải quyết.

- Bước 3: Kiểm tra hồ sơ (kiểm tra nội dung):

+ Nếu hồ sơ không đạt thì trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do để tổ chức, cá nhân xin cấp đăng ký biết. Đồng thời hướng dẫn tổ chức cá nhân bổ sung, chỉnh sửa.

+ Nếu hồ sơ đạt thì cấp lại đăng ký phương tiện (thời hạn cấp theo giấy hẹn).

c) Về thành phần, số lượng hồ sơ:

- Quy định rõ Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa do chủ phương tiện khai, ký và cam đoan chịu trách nhiệm về những nội dung đã khai.

- Quy định rõ số lượng bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

d) Bổ sung thêm trong phần nội dung mẫu đơn đề nghị cấp lại như sau:

+ Tổ chức/cá nhân đăng ký:..... đại diện cho các đồng sở hữu:.....

+ Trụ sở chính (hoặc Địa chỉ thường trú):.....

+ Điện thoại:..... Email: .....

- Bỏ xác nhận của UBND của xã phường vào bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm.

đ) Bỏ nội dung quy định đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện bị mất vì các lý do khác thì phải có văn bản đề nghị Cục Cảnh sát Giao thông đường thủy xác nhận Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện bị mất (quy định tại Khoản 3 Điều 13 Quyết định số 15/2008/QĐ-BGTVT ngày 29 tháng 8 năm 2008).

46. Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa (B-BGT-031925-TT)

a) Quy định rõ trình tự, cách thức thực hiện như sau:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện 01 bộ hồ sơ nộp trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu điện.

- Bước 2: Đối với trường hợp nộp trực tiếp, Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ:

+ Nếu không đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện.

+ Nếu đủ thì viết giấy hẹn lấy kết quả giải quyết.

- Bước 3: Kiểm tra hồ sơ (kiểm tra nội dung):

+ Nếu hồ sơ không đạt thì trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do để tổ chức, cá nhân xin cấp đăng ký biết. Đồng thời hướng dẫn tổ chức cá nhân bổ sung, chỉnh sửa.

+ Nếu hồ sơ đạt thì cấp đổi đăng ký phương tiện (thời hạn cấp theo giấy hẹn).

b) Quy định rõ số lượng bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

c) Bổ sung thêm vào mẫu đơn đề nghị các nội dung sau:

- Tổ chức/cá nhân đăng ký:..... đại diện cho các đồng sở hữu: .....

- Trụ sở chính (hoặc Địa chỉ thường trú):.....

- Điện thoại:..... Email: .....

47. Thủ tục xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa (B-BGT-031985-TT)

a) Quy định rõ thủ tục hành chính này chỉ áp dụng đối với các trường hợp sau:

- Xóa đăng ký vĩnh viễn:

+ Phương tiện bị mất tích;

+ Phương tiện bị phá hủy;

+ Phương tiện không còn khả năng phục hồi;

+ Phương tiện chuyển nhượng ra nước ngoài;

+ Theo đề nghị của chủ phương tiện.

- Xóa đăng ký để đăng ký lại:

+ Thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện (không thay đổi chủ sở hữu);

+ Chuyển quyền sở hữu phương tiện có thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện.

Đối với trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký thì cơ quan đăng ký thực hiện việc xóa đăng ký cũ khi chủ sở hữu mới thực hiện thủ tục chuyển quyền sở hữu phương tiện (thủ tục số B-BGT-026867-TT).

b) Quy định rõ trình tự, cách thức thực hiện như sau:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện 01 bộ hồ sơ nộp trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu điện.

- Bước 2: Đối với trường hợp nộp trực tiếp, Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ:

+ Nếu không đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện.

+ Nếu đủ thì viết giấy hẹn lấy kết quả giải quyết.

- Bước 3: Kiểm tra hồ sơ (kiểm tra nội dung):

+ Nếu hồ sơ không đạt thì trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do để tổ chức, cá nhân xin xóa đăng ký biết; đồng thời hướng dẫn tổ chức cá nhân bổ sung, chỉnh sửa;

+ Nếu hồ sơ đạt thì xóa đăng ký phương tiện.

c) Quy định rõ số lượng bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

d) Bổ sung thêm vào mẫu đơn đề nghị các nội dung sau:

+ Tổ chức/cá nhân đăng ký:..... đại diện cho các đồng sở hữu:.....

+ Trụ sở chính (hoặc Địa chỉ thường trú):.....

+ Điện thoại:..... Email: .....

48. Thủ tục công bố mở luồng, tuyến đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương (B-BGT-032573-TT)

a) Quy định rõ trình tự, cách thức thực hiện như sau:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện 01 bộ hồ sơ nộp trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu điện.

- Bước 2: Đối với trường hợp nộp trực tiếp, Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ:

+ Nếu không đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện;

+ Nếu đủ thì viết giấy hẹn lấy kết quả giải quyết.

- Bước 3: Kiểm tra hồ sơ (kiểm tra nội dung)

+ Nếu hồ sơ không đạt thì trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do để tổ chức, cá nhân xin công bố mở luồng, tuyến biết; đồng thời hướng dẫn tổ chức cá nhân bổ sung, chỉnh sửa;

+ Nếu hồ sơ đạt thì trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ra quyết định công bố có văn bản công bố mở luồng, tuyến (thời hạn cấp theo giấy hẹn).

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ:

- Sửa đổi thành phần hồ sơ và quy định rõ đặc tính từng loại giấy tờ trong thành phần hồ sơ như sau:

+ Tờ trình đề nghị công bố mở luồng, tuyến đường thủy nội địa (bản chính);

+ Quyết định phê duyệt dự án (bản sao chứng thực);

+ Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công luồng, tuyến chuyên dùng (bản sao chụp);

+ Hồ sơ hoàn công công trình luồng, tuyến chuyên dùng (bản sao chụp);

+ Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình luồng, tuyến chuyên dùng để đưa vào sử dụng của chủ đầu tư (bản chính).

- Số lượng hồ sơ: Quy định 01 bộ.

c) Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 10 ngày xuống 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

49. Công bố đóng luồng, tuyến đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương (B-BGT-032336-TT)

a) Quy định rõ trình tự, cách thức thực hiện như sau:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân gửi văn bản đề nghị đóng tuyến, luồng nộp trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu điện.

- Bước 2: Sở Giao thông vận tải thẩm định trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ra quyết định công bố đóng tuyến luồng đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương.

b) Quy định rõ số lượng bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ;

c) Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 10 ngày xuống 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

50. Thủ tục cho ý kiến đối với các công trình thuộc dự án nhóm B, C có liên quan đến an toàn giao thông đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương (B-BGT- 032770-TT)

a) Quy định rõ trình tự, cách thức thực hiện TTHC như sau:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện 01 bộ hồ sơ nộp trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu điện.

- Bước 2: Đối với trường hợp nộp trực tiếp, Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ

+ Nếu không đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện;

+ Nếu đủ thì viết giấy hẹn lấy kết quả giải quyết.

- Bước 3: Kiểm tra hồ sơ (kiểm tra nội dung)

+ Nếu hồ sơ không đạt thì trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do để tổ chức, cá nhân biết; đồng thời hướng dẫn tổ chức cá nhân bổ sung, chỉnh sửa;

+ Nếu hồ sơ đạt thì có văn bản chấp thuận (thời hạn cấp theo giấy hẹn).

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ:

- Quy định rõ số lượng bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

- Quy định rõ thành phần hồ sơ trong đó xác định rõ đặc tính từng loại giấy, tờ là bản chính, bản sao chụp, bản sao chứng thực, bản sao công chứng.

c) Rút ngắn thời hạn giải quyết thủ tục từ 10 ngày xuống 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

51. Thủ tục cho ý kiến chấp thuận phương án đảm bảo an toàn giao thông đối với các trường hợp thi công trên đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương (B-BGT-032214-TT)

a) Quy định rõ trình tự, cách thức thực hiện như sau:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện 01 bộ hồ sơ nộp trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu điện.

- Bước 2: Đối với trường hợp nộp trực tiếp, Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ:

+ Nếu không đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện;

+ Nếu đủ thì viết giấy hẹn lấy kết quả giải quyết.

- Bước 3: Kiểm tra hồ sơ (kiểm tra nội dung):

+ Nếu hồ sơ không đạt thì trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do để tổ chức, cá nhân biết; đồng thời hướng dẫn tổ chức cá nhân bổ sung, chỉnh sửa;

+ Nếu hồ sơ đạt thì có văn bản chấp thuận (thời hạn cấp theo giấy hẹn).

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ:

- Quy định rõ số lượng bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

- Quy định rõ thành phần hồ sơ trong đó xác định rõ đặc tính từng loại giấy, tờ là bản chính, bản sao chụp, bản sao chứng thực, bản sao công chứng.

c) Rút ngắn thời hạn giải quyết thủ tục từ 10 ngày xuống 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

52. Thủ tục công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương (B-BGT-032532-TT)

a) Quy định rõ trình tự, cách thức thực hiện như sau:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện 01 bộ hồ sơ nộp trực tiếp Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu điện.

- Bước 2: Đối với trường hợp nộp trực tiếp, Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ:

+ Nếu không đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện;

+ Nếu đủ thì viết giấy hẹn lấy kết quả giải quyết.

- Bước 3: Kiểm tra hồ sơ (kiểm tra nội dung):

+ Nếu hồ sơ không đạt thì trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do để tổ chức, cá nhân xin công bố hạn chế giao thông trên tuyến biết; đồng thời hướng dẫn tổ chức cá nhân bổ sung, chỉnh sửa;

+ Nếu hồ sơ đạt thì có văn bản công bố hạn chế luồng, tuyến GTĐTNĐ (thời hạn cấp theo giấy hẹn).

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ:

- Quy định rõ số lượng bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

- Quy định rõ thành phần hồ sơ trong đó xác định rõ đặc tính từng loại giấy, tờ là bản chính, bản sao chụp, bản sao chứng thực, bản sao công chứng.

c) Rút ngắn thời hạn giải quyết thủ tục từ 10 ngày xuống 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

53. Thủ tục cho ý kiến chấp thuận xây dựng cảng thủy nội địa đối với cảng hàng hóa, hành khách thuộc đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương, không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài (B-BGT-015688-TT)

a) Quy định rõ trình tự các thức thực hiện như sau:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ và nhận kết quả qua đường bưu chính hoặc nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải.

- Bước 2: Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ và xem xét nếu thỏa mãn các điều kiện quy định thì có văn bản chấp thuận, nếu không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Quy định rõ số lượng bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ;

c) Xây dựng, ban hành mẫu "Văn bản đề nghị chấp thuận xây dựng cảng thủy nội địa";

d) Rút ngắn thời hạn giải quyết từ 15 ngày làm việc xuống 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định;

đ) Quy định rõ thời hạn hiệu lực của văn bản chấp thuận như sau: Trong thời hạn 24 tháng (đối với các dự án nhóm A), 12 tháng (đối với các dự án còn lại) kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền có văn bản chấp thuận xây dựng cảng, chủ đầu tư phải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư, nếu quá thời hạn quy định trên, văn bản chấp thuận không còn giá trị.

54. Thủ tục công bố cảng thủy nội địa đối với cảng hàng hóa, hành khách thuộc đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương, không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài (B-BGT-015111-TT)

a) Quy định rõ trình tự và cách thức thực hiện như sau:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ và nhận kết quả qua đường bưu chính hoặc nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải.

- Bước 2: Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ và xem xét, nếu thỏa mãn các điều kiện quy định thì có quyết định công bố cảng thủy nội địa (nếu trường hợp không thỏa mãn các điều kiện quy định trả lại hồ sơ và trả lời bằng văn bản).

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ

- Bỏ yêu cầu nộp các giấy tờ liên quan đến điều kiện xếp dỡ hàng nguy hiểm.

- Quy định rõ thành phần và đặc tính từng loại giấy tờ trong hồ sơ như sau:

+ Đơn đề nghị công bố cảng thủy nội địa (theo mẫu);

+ Bản sao có chứng thực hoặc công chứng quyết định đầu tư xây dựng cảng của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đầu tư;

+ Bản sao công chứng biên bản nghiệm thu đưa công trình cảng vào sử dụng kèm theo bản vẽ hoàn công mặt bằng, mặt cắt ngang công trình cầu cảng và bình đồ vùng nước cảng;

+ Bản sao có chứng thực hoặc công chứng giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất;

+ Bản chính văn bản của đơn vị quản lý đường thủy nội địa xác nhận việc hoàn thành lắp đặt báo hiệu đường thủy nội địa và hoàn thành việc thanh thải vật chướng ngại hình thành trong quá trình xây dựng cảng (nếu có);

+ Bản sao chụp (kèm bản chính để đối chiếu) giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện và giấy chứng nhận đăng ký phương tiện của phao nổi (nếu sử dụng phao nổi).

- Quy định số lượng bộ hồ sơ phải nộp là 02 bộ.

c) Quy định rõ thời hạn giải quyết như sau: Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ theo quy định;

d) Sửa đổi quy định về thời hạn hiệu lực của quyết định công bố cảng thủy nội địa như sau: "Cơ quan có thẩm quyền công bố cảng thủy nội địa căn cứ thời hạn sử dụng đất, quy hoạch giao thông vận tải để quy định thời hạn hiệu lực của Quyết định công bố cảng thủy nội địa";

đ) Bỏ quy định thu lệ phí công bố cảng thủy nội;

e) Pháp lý hóa một số nội dung hướng dẫn lập các giấy tờ trong hồ sơ đề nghị công bố cảng thủy nội địa quy định tại Văn bản số 52/CĐS-PCVT ngày 26 tháng 01 năm 2006 của Cục Đường sông Việt Nam bổ sung vào Quy chế quản lý hoạt động cảng, bến thủy nội địa ban hành theo Quyết định số 07/2005/QĐ-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải, bao gồm các nội dung:

- Yêu cầu của bình đồ vùng nước cảng thủy nội địa;

- Thống nhất cách hiểu giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất.

55. Thủ tục công bố lại cảng thủy nội địa đối với cảng hàng hóa, hành khách thuộc đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương, không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài trong trường hợp quyết định công bố cảng thủy nội địa hết hạn (B-BGT-021267-TT)

a) Quy định rõ trình tự và cách thức thực hiện như sau:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải;

- Bước 2: Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ và xem xét, nếu thỏa mãn các điều kiện quy định thi có quyết định công bố lại cảng thủy nội địa (nếu trường hợp không thỏa mãn các điều kiện quy định trả lại hồ sơ và trả lời bằng văn bản).

b) Quy định rõ số lượng hồ sơ phải nộp: 01 bộ;

c) Xây dựng, ban hành mẫu "Đơn đề nghị công bố lại cảng thủy nội địa trong trường hợp quyết định công bố cảng hết hạn";

d) Rút ngắn thời hạn giải quyết thủ tục từ 10 ngày xuống 05 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;

đ) Sửa đổi quy định về thời hạn hiệu lực của quyết định công bố lại cảng thủy nội địa như sau: "Cơ quan có thẩm quyền công bố cảng thủy nội địa căn cứ thời hạn sử dụng đất, quy hoạch giao thông vận tải để quy định thời hạn hiệu lực của Quyết định công bố cảng thủy nội địa".

56. Thủ tục công bố lại cảng thủy nội địa đối với cảng hàng hóa, hành khách thuộc đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương, không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài trong trường hợp đầu tư xây dựng bổ sung để nâng cao khả năng thông qua hoặc tiếp nhận được loại phương tiện lớn hơn (B-BGT-021197-TT)

a) Quy định rõ trình tự và cách thức thực hiện TTHC như sau:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ và nhận kết quả qua đường bưu chính hoặc nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải.

- Bước 2: Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ và xem xét, nếu thỏa mãn các điều kiện quy định thì có quyết định công bố lại cảng thủy nội địa (nếu trường hợp không thỏa mãn các điều kiện quy định trả lại hồ sơ và trả lời bằng văn bản).

b) Về thành phần hồ sơ:

- Bỏ yêu cầu nộp các giấy tờ liên quan đến điều kiện xếp dỡ hàng nguy hiểm.

- Quy định rõ thành phần và đặc tính từng loại giấy tờ trong hồ sơ như sau:

+ Đơn đề nghị công bố cảng thủy nội địa (theo mẫu đơn công bố lần đầu);

+ Bản sao có chứng thực hoặc công chứng quyết định đầu tư xây dựng cảng của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đầu tư;

+ Bản sao công chứng biên bản nghiệm thu đưa công trình cảng vào sử dụng kèm theo bản vẽ hoàn công mặt bằng, mặt cắt ngang công trình cầu cảng và bình đồ vùng nước cảng;

+ Bản sao có chứng thực hoặc công chứng giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất;

+ Bản chính văn bản của đơn vị quản lý đường thủy nội địa xác nhận việc hoàn thành lắp đặt báo hiệu đường thủy nội địa và hoàn thành việc thanh thải vật chướng ngại hình thành trong quá trình xây dựng cảng (nếu có);

+ Bản sao chụp (kèm bản chính để đối chiếu) giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện và giấy chứng nhận đăng ký phương tiện của phao nổi (nếu sử dụng phao nổi).

- Quy định rõ số lượng bộ hồ sơ tổ chức, cá nhân phải nộp là 02 bộ.

c) Rút ngắn thời hạn giải quyết thủ tục từ 10 ngày xuống 05 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;

d) Sửa đổi quy định về thời hạn hiệu lực của quyết định công bố lại cảng thủy nội địa như sau: "Cơ quan có thẩm quyền công bố cảng thủy nội địa căn cứ thời hạn sử dụng đất, quy hoạch giao thông vận tải để quy định thời hạn hiệu lực của Quyết định công bố cảng thủy nội địa";

đ) Bỏ quy định thu lệ phí công bố cảng thủy nội địa do Cục Đường thủy nội địa Việt Nam công bố;

e) Pháp lý hóa một số nội dung hướng dẫn lập các giấy tờ trong hồ sơ đề nghị công bố cảng thủy nội địa quy định tại Văn bản số 52/CĐS-PCVT ngày 26 tháng 01 năm 2006 của Cục Đường sông Việt Nam bổ sung vào khoản 3 Điều 7 Quy chế quản lý hoạt động cảng, bến thủy nội địa ban hành theo Quyết định số 07/2005/QĐ-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải, bao gồm các nội dung:

- Yêu cầu của bình đồ vùng nước cảng thủy nội địa.

- Thống nhất cách hiểu giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất.

57. Thủ tục công bố lại cảng thủy nội địa đối với cảng hàng hóa, hành khách thuộc đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương, không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài trong trường hợp phân chia, sáp nhập cảng thủy nội địa (B-BGT-021231-TT)

a) Quy định rõ trình tự và cách thức thực hiện TTHC như sau:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải;

- Bước 2: Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ và xem xét, nếu thỏa mãn các điều kiện quy định thì có quyết định công bố lại cảng thủy nội địa (nếu trường hợp không thỏa mãn các điều kiện quy định trả lại hồ sơ và trả lời bằng văn bản).

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ

- Thay yêu cầu nộp "Văn bản Quyết định của cơ quan có thẩm quyền cho phép phân chia, sáp nhập cảng thủy nội địa" bằng "Văn bản hợp pháp về phân chia, sáp nhập cảng thủy nội địa".

- Quy định rõ thành phần hồ sơ trong đó xác định rõ đặc tính từng loại giấy, tờ là bản chính, bản sao chụp, bản sao chứng thực, bản sao công chứng.

- Quy định rõ số lượng bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

c) Xây dựng, ban hành mẫu "Đơn đề nghị công bố lại cảng thủy nội địa trong trường hợp phân chia, sáp nhập cảng thủy nội địa";

d) Rút ngắn thời hạn giải quyết thủ tục từ 10 ngày xuống 05 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;

đ) Sửa đổi quy định về thời hạn hiệu lực của quyết định công bố lại cảng thủy nội địa như sau: "Cơ quan có thẩm quyền công bố cảng thủy nội địa căn cứ thời hạn sử dụng đất, quy hoạch giao thông vận tải để quy định thời hạn hiệu lực của Quyết định công bố cảng thủy nội địa".

58. Thủ tục công bố lại cảng thủy nội địa đối với cảng hàng hóa, hành khách thuộc đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương, không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài trong trường hợp chuyển quyền sở hữu cảng thủy nội địa (B-BGT-021097-TT)

a) Quy định rõ trình tự và cách thức thực hiện như sau:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải;

- Bước 2: Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ và xem xét, nếu thỏa mãn các điều kiện quy định thi có quyết định công bố lại cảng thủy nội địa (nếu trường hợp không thỏa mãn các điều kiện quy định trả lại hồ sơ và trả lời bằng văn bản).

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ

- Quy định rõ số lượng hồ sơ phải nộp: 02 bộ;

- Quy định rõ thành phần hồ sơ trong đó xác định rõ đặc tính từng loại giấy, tờ là bản chính, bản sao chụp, bản sao chứng thực, bản sao công chứng.

c) Xây dựng, ban hành mẫu "Đơn đề nghị công bố lại cảng thủy nội địa trong trường hợp chuyển quyền sở hữu cảng thủy nội địa";

d) Rút ngắn thời hạn giải quyết thủ tục từ 10 ngày xuống 05 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;

đ) Sửa đổi quy định về thời hạn hiệu lực của quyết định công bố lại cảng thủy nội địa như sau: "Cơ quan có thẩm quyền công bố cảng thủy nội địa căn cứ thời hạn sử dụng đất, quy hoạch giao thông vận tải để quy định thời hạn hiệu lực của quyết định công bố cảng thủy nội địa".

59. Thủ tục cho ý kiến chấp thuận mở bến thủy nội địa thuộc đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương (B-BGT-017366-TT)

a) Quy định rõ trình tự thực hiện, cách thức thực hiện như sau:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có thể gửi hồ sơ qua đường bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải.

- Bước 2: Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ và xem xét, nếu thỏa mãn các điều kiện quy định thì có văn bản chấp thuận, nếu không chấp thuận thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Quy định rõ số lượng bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ;

c) Xây dựng, ban hành mẫu "Đơn đề nghị chấp thuận mở bến thủy nội địa thuộc đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương";

d) Quy định rõ thời hạn hiệu lực của văn bản chấp thuận như sau: Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền có văn bản chấp thuận xây dựng bến thủy nội địa, chủ đầu tư phải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư (đối với dự án phải phê duyệt theo quy định) hoặc phải triển khai xây dựng, nếu quá thời hạn quy định trên, văn bản chấp thuận không còn giá trị.

60. Thủ tục cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa thuộc đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương (B-BGT-107936-TT)

a) Quy định rõ trình tự thực hiện, cách thức thực hiện như sau:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ và nhận kết quả qua đường bưu chính hoặc nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải.

- Bước 2: Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ và xem xét nếu thỏa mãn các điều kiện quy định thì cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa (nếu trường hợp

không thỏa mãn các điều kiện quy định trả lại hồ sơ và trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do).

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ:

- Bỏ yêu cầu nộp "Các giấy tờ liên quan đến điều kiện xếp dỡ hàng nguy hiểm".

- Quy định rõ thành phần và đặc tính từng loại giấy tờ trong hồ sơ như sau:

+ Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa (theo mẫu);

+ Bản sao có chứng thực hoặc công chứng giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất;

+ Bản chính sơ đồ vùng nước bến và luồng vào bến (nếu có) có xác nhận của đơn vị quản lý đường thủy nội địa về việc hoàn thành lắp đặt báo hiệu đường thủy nội địa;

+ Bản sao chụp (kèm bản chính để đối chiếu) giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện và giấy chứng nhận đăng ký phương tiện đối với phao nổi (nếu sử dụng phao nổi).

- Quy định rõ số lượng bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

c) Về hời hạn hiệu lực của giấy phép:

- Quy định nguyên tắc về thời hạn hiệu lực của giấy phép như sau: "Cơ quan có thẩm quyền cấp lại Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa căn cứ thời hạn sử dụng đất, mục đích sử dụng thời vụ hay thường xuyên để quy định thời hạn của giấy phép hoạt động bến thủy nội địa, nhưng không vượt quá 05 năm."

- Nghiên cứu xây dựng, ban hành tiêu chí phân loại bến thủy nội địa trong đó có quy định thời hạn sử dụng của từng loại bến thủy nội địa.

d) Bổ sung thêm vào mẫu "Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa" các nội dung sau:

- Phạm vi vùng đất sử dụng.

- Kết cấu, quy mô công trình bến.

- Phương án khai thác.

đ) Pháp lý hóa các nội dung hướng dẫn việc lập sơ đồ vùng nước và thống nhất cách hiểu giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động tại khoản 1, 3 Văn bản số 52/CĐS-PCVT ngày 26 tháng 01 năm 2006 của Cục Đường sông Việt Nam bổ sung vào khoản 2 Điều 8 Quy chế quản lý hoạt động cảng, bến thủy nội địa.

61. Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa thuộc đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương trong trường hợp Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa hết hạn (B-BGT-019609-TT)

a) Quy định rõ trình tự thực hiện, cách thức thực hiện TTHC như sau:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có thể gửi hồ sơ qua đường bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Sở Giao thông vận tải.

- Bước 2: Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ và xem xét nếu thỏa mãn các điều kiện quy định thì cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa (nếu trường hợp không thỏa mãn các điều kiện quy định trả lại hồ sơ và trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do).

b) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Quy định rõ thành phần hồ sơ trong đó xác định rõ đặc tính từng loại giấy, tờ là bản chính, bản sao chụp, bản sao chứng thực, bản sao công chứng.

- Quy định rõ số lượng bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

c) Xây dựng, ban hành mẫu "Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa trong trường hợp giấy phép hoạt động hết hạn";

d) Rút ngắn thời hạn giải quyết TTHC từ 10 ngày xuống 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;

đ) Về thời hạn hiệu lực của giấy phép:

- Quy định nguyên tắc về thời hạn hiệu lực của giấy phép như sau: "Cơ quan có thẩm quyền cấp lại Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa căn cứ thời hạn sử dụng đất, mục đích sử dụng thời vụ hay thường xuyên để quy định thời hạn của giấy phép hoạt động bến thủy nội địa, nhưng không vượt quá 05 năm".

- Nghiên cứu xây dựng, ban hành tiêu chí phân loại bến thủy nội địa trong đó có quy định thời hạn sử dụng của từng loại bến thủy nội địa.

62. Thủ tục cấp lại Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa thuộc đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương trong trường hợp đầu tư xây dựng bổ sung để nâng cao khả năng thông qua hoặc tiếp nhận được loại phương tiện lớn hơn (B-BGT-019529-TT)

a) Quy định rõ trình tự, cách thức thực hiện như sau:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có thể gửi hồ sơ qua đường bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

- Bước 2: Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ và xem xét nếu thỏa mãn các điều kiện quy định thì cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa (nếu trường hợp không thỏa mãn các điều kiện quy định trả lại hồ sơ và trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do).

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ:

- Bỏ yêu cầu nộp "Các giấy tờ liên quan đến điều kiện xếp dỡ hàng hóa nguy hiểm theo quy định của pháp luật (nếu chuyên xếp dỡ hàng hóa nguy hiểm)".

- Quy định rõ thành phần và đặc tính từng loại giấy tờ trong hồ sơ như sau:

+ Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa (theo mẫu);

+ Bản sao có chứng thực hoặc công chứng giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất;

+ Bản chính sơ đồ vùng nước bến và luồng vào bến (nếu có) có xác nhận của đơn vị quản lý đường thủy nội địa về việc hoàn thành lắp đặt báo hiệu đường thủy nội địa;

+ Bản sao chụp (kèm bản chính để đối chiếu) giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện và giấy chứng nhận đăng ký phương tiện đối với phao nổi (nếu sử dụng phao nổi).

- Quy định số lượng bộ hồ sơ là 01 bộ.

c) Xây dựng, ban hành mẫu "Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa trong trường hợp trong trường hợp đầu tư xây dựng bổ sung để nâng cao khả năng thông qua hoặc tiếp nhận được loại phương tiện lớn hơn" trong đó có yêu cầu cung cấp thông tin về những thay đổi của bến;

d) Về thời hạn hiệu lực của giấy phép

- Quy định nguyên tắc về thời hạn hiệu lực của giấy phép như sau: "Cơ quan có thẩm quyền cấp lại Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa căn cứ thời hạn sử dụng đất, mục đích sử dụng thời vụ hay thường xuyên để quy định thời hạn của giấy phép hoạt động bến thủy nội địa, nhưng không vượt quá 05 năm."

- Nghiên cứu xây dựng, ban hành tiêu chí phân loại bến thủy nội địa trong đó có quy định thời hạn sử dụng của từng loại bến thủy nội địa.

đ) Pháp lý hóa một số nội dung hướng dẫn lập các giấy tờ trong hồ sơ đề nghị công bố cảng thủy nội địa quy định tại Văn bản số 52/CĐS-PCVT ngày 26 tháng 01 năm 2006 của Cục Đường sông Việt Nam bổ sung vào Quy chế quản lý hoạt động cảng, bến thủy nội địa ban hành theo Quyết định số 07/2005/QĐ-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải, bao gồm các nội dung:

- Yêu cầu của bình đồ vùng nước cảng thủy nội địa.

- Thống nhất cách hiểu giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất.

63. Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa thuộc đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương trong trường hợp phân chia, sáp nhập bến thủy nội địa (B-BGT-019586-TT)

a) Trình tự thực hiện: Quy định rõ trình tự thực hiện, cách thức thực hiện TTHC như sau:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có thể gửi hồ sơ qua đường bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

- Bước 2: Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ và xem xét nếu thỏa mãn các điều kiện quy định thì cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa (nếu trường hợp không thỏa mãn các điều kiện quy định trả lại hồ sơ và trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do).

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ

- Quy định rõ số lượng bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

- Thay yêu cầu nộp "Văn bản của cơ quan có thẩm quyền cho phép phân chia, sáp nhập bến thủy nội địa" bằng "Văn bản hợp pháp về phân chia, sáp nhập bến thủy nội địa".

- Quy định rõ thành phần hồ sơ trong đó xác định rõ đặc tính từng loại giấy, tờ là bản chính, bản sao chụp, bản sao chứng thực, bản sao công chứng.

c) Xây dựng, ban hành mẫu "Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa trong trường hợp phân chia, sáp nhập";

d) Rút ngắn thời hạn giải quyết từ 10 ngày làm việc xuống 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;

đ) Về thời hạn hiệu lực của giấy phép

- Quy định nguyên tắc về thời hạn hiệu lực của giấy phép như sau: "Cơ quan có thẩm quyền cấp lại Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa căn cứ thời hạn sử dụng đất, mục đích sử dụng thời vụ hay thường xuyên để quy định thời hạn của giấy phép hoạt động bến thủy nội địa, nhưng không vượt quá 05 năm."

- Nghiên cứu xây dựng, ban hành tiêu chí phân loại bến thủy nội địa trong đó có quy định thời hạn sử dụng của từng loại bến thủy nội địa.

64. Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa thuộc đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương trong trường hợp chuyển quyền sở hữu bến thủy nội địa (B-BGT-019090-TT)

a) Trình tự thực hiện: Quy định rõ trình tự thực hiện, cách thức thực hiện TTHC như sau:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ và nhận kết quả qua đường bưu chính hoặc nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải.

- Bước 2: Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ và xem xét nếu thỏa mãn các điều kiện quy định thì cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa (nếu trường hợp không thỏa mãn các điều kiện quy định trả lại hồ sơ và trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do).

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ:

- Quy định rõ thành phần hồ sơ trong đó xác định rõ đặc tính từng loại giấy, tờ là bản chính, bản sao chụp, bản sao chứng thực, bản sao công chứng.

- Quy định rõ số lượng bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

c) Xây dựng, ban hành mẫu "Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa trong trường hợp chuyển quyền sở hữu";

d) Rút ngắn thời hạn giải quyết thủ tục từ 10 ngày xuống 05 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;

đ) Về Thời hạn hiệu lực của giấy phép:

- Quy định nguyên tắc về thời hạn hiệu lực của giấy phép như sau: "Cơ quan có thẩm quyền cấp lại Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa căn cứ thời hạn sử dụng đất, mục đích sử dụng thời vụ hay thường xuyên để quy định thời hạn của giấy phép hoạt động bến thủy nội địa, nhưng không vượt quá 05 năm."

- Nghiên cứu xây dựng, ban hành tiêu chí phân loại bến thủy nội địa trong đó có quy định thời hạn sử dụng của từng loại bến thủy nội địa.

65. Thủ tục cấp giấy phép phương tiện vào cảng, bến thủy nội địa thuộc đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương (B-BGT-023612-TT)

- Sửa tên gọi thủ tục thành "Thủ tục cấp giấy phép vào cảng, bến thủy nội địa thuộc đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương đối với phương tiện không phải là phương tiện thủy nước ngoài hoặc tàu biển".

- Quy định cụ thể giấy tờ xuất trình liên quan đến hàng hóa hoặc hành khách bao gồm: Hợp đồng vận chuyển hoặc hóa đơn xuất kho hoặc giấy vận chuyển (đối với phương tiện chở hàng hóa) hoặc danh sách hành khách (đối với phương tiện vận chuyển hành khách).

- Nghiên cứu đưa ra mô hình quản lý riêng đối với loại hình vận tải chuyên tuyến, có tần suất hoạt động ra vào cảng cao trên cơ sở giảm bớt đi một số giấy tờ phải nộp và xuất trình: Giấy Chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường và Giấy đăng ký phương tiện…

66. Thủ tục cấp giấy phép phương tiện rời cảng, bến thủy nội địa thuộc đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương (B-BGT-107865-TT)

- Sửa tên gọi thủ tục thành "Thủ tục cấp giấy phép rời cảng, bến thủy nội địa thuộc đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương đối với phương tiện không phải là phương tiện thủy nước ngoài hoặc tàu biển";

- Về thành phần hồ sơ: Quy định rõ giấy tờ liên quan đến hàng hóa hoặc hành khách bao gồm: Hợp đồng vận chuyển hoặc hóa đơn xuất kho hoặc giấy vận chuyển (đối với phương tiện chở hàng hóa) hoặc danh sách hành khách (đối với phương tiện vận chuyển hành khách);

- Nghiên cứu đưa ra mô hình quản lý riêng đối với loại hình vận tải chuyên tuyến, có tần suất hoạt động ra vào cảng cao trên cơ sở giảm bớt đi một số giấy tờ phải nộp và xuất trình: Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường và giấy đăng ký phương tiện…

67. Thủ tục cho ý kiến chấp thuận mở bến khách ngang sông (B-BGT-109009-TT)

a) Quy định rõ trình tự, cách thức thực hiện như sau:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu mở bến khách ngang sông gửi qua đường bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc Ủy ban nhân dân huyện nơi mở bến được ủy quyền cấp phép.

- Bước 2: Sở Giao thông vận tải hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện được ủy quyền tiếp nhận hồ sơ và xem xét, nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì có văn bản chấp thuận (nếu trường hợp không thỏa mãn các điều kiện quy định trả lại hồ sơ và trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do).

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ

- Quy định rõ số lượng bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

- Quy định rõ thành phần hồ sơ trong đó xác định rõ đặc tính từng loại giấy, tờ là bản chính, bản sao chụp, bản sao chứng thực, bản sao công chứng.

c) Xây dựng, ban hành mẫu "Đơn đề nghị chấp thuận mở bến khách ngang sông";

d) Quy định thời hạn hiệu lực của văn bản chấp thuận như sau: "Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền có văn bản chấp thuận xây dựng bến thủy nội địa, chủ đầu tư phải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư (đối với dự án phải phê duyệt theo quy định) hoặc phải triển khai xây dựng, nếu quá thời hạn quy định trên, văn bản chấp thuận không còn giá trị."

68. Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động bến khách ngang sông trong trường hợp Giấy phép hoạt động hết hạn (B-BGT-021646-TT)

a) Quy định rõ trình tự thực hiện, cách thức thực hiện:

- Bước 1: Chủ khai thác bến khách ngang sông trực tiếp nộp hồ sơ hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu chính đến Sở Giao thông vận tải hoặc Ủy ban nhân dân huyện nơi mở bến được ủy quyền cấp phép.

- Bước 2: Sở Giao thông vận tải hoặc UBND cấp huyện được ủy quyền tiếp nhận hồ sơ và xem xét, nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì cấp giấy phép hoạt động (nếu trường hợp không thỏa mãn các điều kiện quy định trả lại hồ sơ và trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do).

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ

- Quy định rõ số lượng bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

- Quy định cụ thể đối với trường hợp thuê bến trong hồ sơ phải có "Hợp đồng thuê bến".

- Quy định rõ thành phần hồ sơ trong đó xác định rõ đặc tính từng loại giấy, tờ là bản chính, bản sao chụp, bản sao chứng thực, bản sao công chứng.

c) Xây dựng, ban hành mẫu "Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động bến khách ngang sông do hết hạn" trong đó không yêu cầu việc "Xác nhận của Ủy ban nhân dân xã";

d) Rút ngắn thời gian giải quyết từ 10 ngày xuống 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;

đ) Quy định rõ thời hạn hiệu lực của giấy phép như sau: Sau ngày 01 tháng 01 năm 2011, cơ quan có thẩm quyền cấp phép căn cứ tiêu chuẩn phân loại bến khách ngang sông do Bộ GTVT ban hành để quy định thời hạn hiệu lực của Giấy phép hoạt động bến khách ngang sông;

e) Pháp lý hóa nội dung quy định tại mục 3.2 Văn bản số 52/CĐS-PCVT ngày 26 tháng 01 năm 2006 của Cục Đường sông Việt Nam thống nhất cách hiểu: Đối với bến khách ngang sông giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất bao gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc giấy chứng minh quyền sử dụng đất hoặc giấy chứng nhận của UBND từ cấp xã trở lên đồng ý cho thuê để sử dụng mở bến khách ngang sông.

69. Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động bến khách ngang sông trong trường hợp đầu tư xây dựng bổ sung để nâng cao khả năng thông qua hoặc tiếp nhận được loại phương tiện lớn hơn (B-BGT-021592-TT)

a) Quy định rõ trình tự, cách thức thực hiện như sau:

- Bước 1: Chủ khai thác bến khách ngang sông trực tiếp nộp hồ sơ hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu chính đến Sở Giao thông vận tải hoặc Ủy ban nhân huyện nơi mở bến được ủy quyền cấp phép.

- Bước 2: Sở Giao thông vận tải hoặc UBND cấp huyện được ủy quyền tiếp nhận hồ sơ và xem xét, nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì cấp giấy phép hoạt động (nếu trường hợp không thỏa mãn các điều kiện quy định trả lại hồ sơ và trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do).

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ

- Quy định rõ số lượng bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

- Bỏ yêu cầu nộp "Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh".

- Quy định rõ tổ chức, cá nhân chỉ phải nộp văn bản của đơn vị quản lý đường thủy nội địa có xác nhận việc hoàn thành lắp đặt báo hiệu đường thủy nội địa theo quy định trong trường hợp có lắp đặt báo hiệu thêm.

- Bổ sung yêu cầu nộp "Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động bến khách ngang sông trong trường hợp đầu tư xây dựng bổ sung để nâng cao khả năng thông qua hoặc tiếp nhận được loại phương tiện lớn hơn".

- Quy định rõ thành phần hồ sơ trong đó xác định rõ đặc tính từng loại giấy, tờ là bản chính, bản sao chụp, bản sao chứng thực, bản sao công chứng.

c) Xây dựng, ban hành mẫu "Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động bến khách ngang sông trong trường hợp đầu tư xây dựng bổ sung để nâng cao khả năng thông qua hoặc tiếp nhận được loại phương tiện lớn hơn" trong đó không yêu cầu việc "Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp cấp xã";

d) Quy định rõ thời hạn hiệu lực của giấy phép như sau: Sau ngày 01 tháng 01 năm 2011, Cơ quan có thẩm quyền cấp phép căn cứ tiêu chuẩn phân loại bến khách ngang sông do Bộ GTVT ban hành để quy định thời hạn hiệu lực của Giấy phép hoạt động bến khách ngang sông;

đ) Pháp lý hóa nội dung quy định tại mục 3.2 Văn bản số 52/CĐS-PCVT ngày 26 tháng 01 năm 2006 của Cục Đường sông Việt Nam thống nhất cách hiểu: Đối với bến khách ngang sông giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất bao gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc giấy chứng minh quyền sử dụng đất hoặc giấy chứng nhận của Ủy ban nhân dân từ cấp xã trở lên đồng ý cho thuê để sử dụng mở bến khách ngang sông.

70. Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động bến khách ngang sông trong trường hợp phân chia, sáp nhập bến khách ngang sông (B-BGT-021637-TT)

a) Quy định rõ trình tự, cách thức thực hiện như sau:

- Bước 1: Chủ khai thác bến khách ngang sông trực tiếp nộp hồ sơ hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu chính đến Sở Giao thông vận tải hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi mở bến được ủy quyền cấp phép.

- Bước 2: Sở Giao thông vận tải hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện được ủy quyền tiếp nhận hồ sơ và xem xét, nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì cấp giấy phép hoạt

động (nếu trường hợp không thỏa mãn các điều kiện quy định trả lại hồ sơ và trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do).

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ

- Quy định rõ số lượng bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

- Thay yêu cầu nộp "Quyết định của cơ quan có thẩm quyền cho phép pháp phân chia, sáp nhập bến khách ngang sông" bằng "Văn bản hợp pháp về phân chia, sáp nhập bến khách ngang".

- Quy định rõ thành phần hồ sơ trong đó xác định rõ đặc tính từng loại giấy, tờ là bản chính, bản sao chụp, bản sao chứng thực, bản sao công chứng.

c) Xây dựng, ban hành mẫu "Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động bến khách ngang sông trong trường hợp phân chia, sáp nhập bến khách ngang sông" trong đó không yêu cầu việc "Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã";

d) Rút ngắn thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày xuống 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;

đ) Quy định rõ thời hạn hiệu lực của giấy phép như sau: Sau ngày 01 tháng 01 năm 2011, Cơ quan có thẩm quyền cấp phép căn cứ tiêu chuẩn phân loại bến khách ngang sông do Bộ GTVT ban hành để quy định thời hạn hiệu lực của Giấy phép hoạt động bến khách ngang sông;

e) Pháp lý hóa nội dung quy định tại mục 3.2 Văn bản số 52/CĐS-PCVT ngày 26 tháng 01 năm 2006 của Cục Đường sông Việt Nam về việc hướng dẫn giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất bao gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc giấy chứng minh quyền sử dụng đất hoặc giấy chứng nhận của UBND từ cấp xã trở lên đồng ý cho thuê để sử dụng mở bến khách ngang sông.

71. Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động bến khách ngang sông trong trường hợp chuyển quyền sở hữu bến khách ngang sông (B-BGT-021616-TT)

a) Quy định rõ trình tự thực hiện, cách thức thực hiện như sau:

- Bước 1: Chủ khai thác bến khách ngang sông trực tiếp nộp hồ sơ hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu chính đến Sở Giao thông vận tải hoặc Ủy ban nhân dân huyện nơi mở bến được ủy quyền cấp phép.

- Bước 2: Sở Giao thông vận tải hoặc UBND cấp huyện được ủy quyền tiếp nhận hồ sơ và xem xét, nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì cấp giấy phép hoạt động (nếu

trường hợp không thỏa mãn các điều kiện quy định trả lại hồ sơ và trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do).

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ

- Quy định rõ số lượng bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

- Quy định rõ tổ chức, cá nhân chỉ phải nộp văn bản của đơn vị quản lý đường thủy nội địa có xác nhận việc hoàn thành lắp đặt báo hiệu đường thủy nội địa theo quy định trong trường hợp có lắp đặt báo hiệu thêm.

- Quy định rõ thành phần hồ sơ trong đó xác định rõ đặc tính từng loại giấy, tờ là bản chính, bản sao chụp, bản sao chứng thực, bản sao công chứng.

c) Xây dựng, ban hành mẫu "Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động bến khách ngang sông trong trường hợp chuyển quyền sở hữu bến khách ngang sông" trong đó không yêu cầu việc "Xác nhận của UBND xã";

d) Rút ngắn thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày xuống còn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;

đ) Quy định rõ thời hạn hiệu lực của giấy phép như sau: Sau ngày 01 tháng 01 năm 2011, Cơ quan có thẩm quyền cấp phép căn cứ tiêu chuẩn phân loại bến khách ngang sông do Bộ GTVT ban hành để quy định thời hạn hiệu lực của Giấy phép hoạt động bến khách ngang sông;

e) Pháp lý hóa nội dung quy định tại mục 3.2 Văn bản số 52/CĐS-PCVT ngày 26 tháng 01 năm 2006 của Cục Đường sông Việt Nam về việc hướng dẫn giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất bao gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc giấy chứng minh quyền sử dụng đất hoặc giấy chứng nhận của UBND từ cấp xã trở lên đồng ý cho thuê để sử dụng mở bến khách ngang sông.

72. Thủ tục đăng ký vận tải hành khách theo tuyến cố định trừ các trường hợp tổ chức, cá nhân có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và vận tải hành khách đường thủy nội địa qua biên giới (B-BGT-024083-TT)

a) Sửa tên thủ tục hành chính thành: "Thủ tục chấp thuận vận tải hành khách theo tuyến cố định trừ các trường hợp tổ chức, cá nhân có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và vận tải hành khách đường thủy nội địa qua biên giới".

b) Quy định rõ trình tự thực hiện, cách thức thực hiện như sau:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân gửi qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp hồ sơ tại Sở Giao thông vận tải.

- Bước 2: Sở GTVT tiếp nhận hồ sơ và xem xét nếu hồ sơ đầy đủ các giấy tờ theo quy định thì có văn bản chấp thuận cho các tổ chức cá nhân vận tải hành khách đường thủy theo tuyến cố định.

c) Về thành phần hồ sơ:

- Quy định rõ thành phần hồ sơ như sau:

+ Bản đăng ký hoạt động vận tải hành khách đường thủy nội địa theo tuyến cố định (theo mẫu);

+ Bản sao chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có ngành nghề vận tải hành khách đường thủy nội địa;

+ Bản sao chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa; Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật phương tiện thủy nội địa còn giá trị sử dụng và phù hợp với cấp tuyến đường hoạt động.

- Bỏ các loại giấy tờ khác trong thành phần hồ sơ theo quy định hiện hành.

d) Bỏ yêu cầu xác nhận của Cơ quan đăng ký trong mẫu đơn đề nghị.

73. Thủ tục Cấp bằng thuyền trưởng, máy trưởng phương tiện thủy nội địa từ hạng ba trở xuống (B-BGT-034907-TT)

a) Quy định rõ trình tự, cách thức thực hiện như sau:

- Bước 1: Cá nhân hoàn thiện 01 bộ hồ sơ nộp trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu điện.

- Bước 2: Đối với trường hợp nộp trực tiếp, Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ:

+ Nếu không đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện;

+ Nếu đủ thì viết giấy hẹn lấy kết quả giải quyết.

- Bước 3: Kiểm tra hồ sơ (kiểm tra nội dung):

+ Nếu hồ sơ không đạt thì trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do để tổ chức, cá nhân xin cấp bằng thuyền trưởng, máy trưởng biết; đồng thời hướng dẫn tổ chức cá nhân bổ sung, chỉnh sửa;

+ Nếu hồ sơ đạt thì cấp bằng (thời hạn cấp theo giấy hẹn).

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ

- Quy định rõ số lượng bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

- Quy định rõ người đề nghị có thể nộp "Bản sao có chứng thực, bằng chứng chỉ chuyên môn hoặc bản sao chụp nhưng phải mang bản chính đi đối chiếu".

- Bỏ yêu cầu nộp "Bản sao chứng minh thư nhân dân hoặc hộ chiếu".

- Quy định rõ nộp 2 ảnh màu cỡ 3 x 4 cm.

c) Quy định rõ khi nhận bằng cá nhân phải mang hộ chiếu hoặc chứng minh thư nhân dân để đối chiếu;

d) Bổ sung thêm nội dung "Điện thoại:..... Email:....." vào mẫu "Bản kiểm điểm tập sự đề nghị cấp bằng thuyền trưởng, máy trưởng phương tiện thủy nội địa";

đ) Về yêu cầu điều kiện: Quy định biện pháp phù hợp nhằm đảm bảo sự chính xác khi người dự thi chứng minh thời gian tập sự của mình;

e) Rút ngắn thời hạn giải quyết thủ tục từ 20 ngày làm việc xuống 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ theo quy định.

74. Thủ tục Chuyển đổi bằng thuyền trưởng, máy trưởng phương tiện thủy nội địa từ hạng ba trở xuống (B-BGT-035786-TT)

a) Quy định rõ trình tự, cách thức thực hiện TTHC như sau:

- Bước 1: cá nhân hoàn thiện 01 bộ hồ sơ nộp trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu điện.

- Bước 2: Đối với trường hợp nộp trực tiếp, Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ:

+ Nếu không đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện;

+ Nếu đủ thì viết giấy hẹn lấy kết quả giải quyết.

- Bước 3: Kiểm tra hồ sơ (kiểm tra nội dung):

+ Nếu hồ sơ không đạt thì trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do để tổ chức, cá nhân xin chuyển đổi bằng thuyền trưởng, máy trưởng biết, đồng thời hướng dẫn tổ chức cá nhân bổ sung, chỉnh sửa;

+ Nếu hồ sơ đạt thì làm thủ tục cấp bằng hoặc giới thiệu đến hội đồng thi để thí sinh tham gia dự sát hạch môn pháp luật giao thông đường thủy nội địa. (thời hạn cấp theo giấy hẹn).

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ

- Quy định rõ số lượng bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

- Bỏ yêu cầu nộp "Bản sao chứng minh thư nhân dân hoặc hộ chiếu".

- Quy định rõ nộp 2 ảnh màu cỡ 3 x 4 cm.

c) Quy định rõ khi nhận bằng cá nhân phải mang hộ chiếu hoặc chứng minh thư nhân dân để đối chiếu;

d) Bổ sung thêm nội dung "Điện thoại:..... Email:....." vào mẫu đơn đề nghị;

đ) Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 20 ngày còn 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định. Trong thời gian quy định, Sở Giao thông vận tải làm thủ tục cấp bằng hoặc giới thiệu đến Hội đồng thi để thí sinh tham gia dự sát hạch mội pháp luật giao thông đường thủy nội địa.

75. Thủ tục dự thi lấy bằng thuyền trưởng, máy trưởng phương tiện thủy nội địa từ hạng 3 trở xuống (B-BGT-038492-TT)

a) Quy định rõ trình tự, cách thức thực hiện như sau:

- Bước 1: cá nhân hoàn thiện 01 bộ hồ sơ nộp trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu điện.

- Bước 2: Đối với trường hợp nộp trực tiếp, Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ:

+ Nếu không đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện;

+ Nếu đủ thì viết giấy hẹn lấy kết quả giải quyết.

- Bước 3: Kiểm tra hồ sơ (kiểm tra nội dung):

+ Nếu hồ sơ không đạt thì trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do để cá nhân xin dư thi hoặc chuyển đổi bằng thuyền trưởng, máy trưởng biết. Đồng thời hướng dẫn tổ chức cá nhân bổ sung, chỉnh sửa;

+ Nếu hồ sơ đạt thì làm thủ tục cấp bằng hoặc giới thiệu đến hội đồng thi để thí sinh tham gia dự sát hạch môn pháp luật giao thông đường thủy nội địa (thời hạn cấp theo giấy hẹn).

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ:

- Quy định rõ số lượng bộ hồ sơ cá nhân phải nộp là 01 bộ.

- Bỏ yêu cầu nộp "Bản sao chứng minh thư nhân dân hoặc hộ chiếu".

- Quy định rõ nộp "Bản sao có chứng thực bằng chứng chỉ chuyên môn hoặc bản sao chụp bằng chứng chỉ chuyên môn kèm bản chính để đối chiếu".

c) Quy định rõ khi đi thi và nhận bằng thí sinh phải mang hộ chiếu hoặc chứng minh thư nhân dân đi để đối chiếu;

d) Bổ sung phần "Điện thoại:..... Email:....." vào mẫu Đơn đề nghị;

đ) Về yêu cầu điều kiện: Quy định biện pháp phù hợp nhằm đảm bảo sự chính xác khi người dự thi chứng minh thời gian nghiệp vụ của mình;

e) Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 20 ngày xuống 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

76. Thủ tục Cấp lại bằng thuyền trưởng, máy trưởng phương tiện thủy nội địa từ hạng ba trở xuống, cấp lại chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy (B-BGT-034668-TT)

a) Quy định rõ trình tự, cách thức thực hiện như sau:

- Bước 1: cá nhân hoàn thiện 01 bộ hồ sơ nộp trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu điện.

- Bước 2: Đối với trường hợp nộp trực tiếp, Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ:

+ Nếu không đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện;

+ Nếu đủ thì viết giấy hẹn lấy kết quả giải quyết.

Bước 3: Kiểm tra hồ sơ (kiểm tra nội dung):

+ Nếu hồ sơ không đạt thì trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do để cá nhân xin cấp lại bằng thuyền trưởng, máy trưởng, CCCM biết. Đồng thời hướng dẫn tổ chức cá nhân bổ sung, chỉnh sửa;

+ Nếu hồ sơ đạt thì cấp lại bằng, CCCM (thời hạn cấp theo giấy hẹn).

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ:

- Quy định rõ số lượng bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

- Bỏ yêu cầu nộp "Xác nhận mất bằng (đối với trường hợp mất bằng)".

- Quy định rõ nộp 02 ảnh màu cỡ 3 x 4.

c) Về yêu cầu, điều kiện: Bỏ quy định phải dự thi lại lý thuyết để được cấp bằng chứng chỉ chuyên môn đối với trường hợp bằng chứng chỉ chuyên môn bị mất, còn

thời hạn sử dụng, có tên trong sổ cấp bằng của cơ quan cấp bằng, chứng chỉ chuyên môn, nếu bị mất ngoài các trường hợp thiên tai như bão lụt, động đất hoặc bị hỏa hoạn, có xác nhận của chính quyền địa phương; bị cướp, trấn lột, mất trộm, phương tiện bị chìm, đắm, có xác nhận vụ việc của cơ quan công an, không phát hiện đang bị các cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý, sau 2 tháng kể từ ngày nộp hồ sơ đầy đủ theo quy định;

d) Bổ sung trong phần nội dung mẫu "Đơn đề nghị đổi, cấp lại bằng, CCCM phương tiện thủy nội địa" như sau:

- Điện thoại:..... Email:.....

- Lý do của việc xin cấp lại bằng.

đ) Rút ngắn thời hạn giải quyết thủ tục từ 10 ngày xuống 05 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

77. Thủ tục Cấp đổi bằng thuyền trưởng, máy trưởng phương tiện thủy nội địa từ hạng ba trở xuống do Sở Giao thông vận tải cấp (B-BGT-035938-TT)

a) Quy định rõ trình tự, cách thức thực hiện như sau:

- Bước 1: Cá nhân hoàn thiện 01 bộ hồ sơ nộp trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu điện.

- Bước 2: Đối với trường hợp nộp trực tiếp, Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ:

+ Nếu không đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện;

+ Nếu đủ thì viết giấy hẹn lấy kết quả giải quyết.

- Bước 3: Kiểm tra hồ sơ (kiểm tra nội dung):

+ Nếu hồ sơ không đạt thì trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do để cá nhân xin đổi bằng biết. Đồng thời hướng dẫn bổ sung, chỉnh sửa;

+ Nếu hồ sơ đạt thì cấp lại bằng (thời hạn cấp theo giấy hẹn).

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ:

- Quy định rõ số lượng bộ hồ sơ cá nhân phải nộp là 01 bộ.

- Bỏ yêu cầu nộp "Bản sao chứng minh thư nhân dân hoặc hộ chiếu".

- Quy định rõ nộp 02 ảnh màu cỡ 3 x 4.

c) Quy định rõ khi đi thi và nhận bằng thí sinh phải mang hộ chiếu hoặc chứng minh thư nhân dân đi để đối chiếu;

d) Bổ sung phần "Điện thoại:..... Email:....." vào mẫu Đơn đề nghị;

đ) Rút ngắn thời hạn giải quyết thủ tục từ 10 ngày xuống 05 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

78. Thủ tục dự kiểm tra, cấp chứng chỉ chuyên môn, người lái phương tiện thủy nội địa (B-BGT-038664-TT)

a) Quy định rõ trình tự, cách thức thực hiện như sau:

- Bước 1: cá nhân hoàn thiện 01 bộ hồ sơ nộp trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu điện.

- Bước 2: Đối với trường hợp nộp trực tiếp, Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ:

+ Nếu không đủ thì hướng dẫn cá nhân hoàn thiện;

+ Nếu đủ thì viết giấy hẹn lấy kết quả giải quyết.

- Bước 3: Kiểm tra hồ sơ (kiểm tra nội dung):

+ Nếu hồ sơ không đạt thì trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do để cá nhân xin dự thi biết. Đồng thời hướng dẫn cá nhân bổ sung, chỉnh sửa;

+ Nếu hồ sơ đạt thì làm thủ tục dự kiểm tra, cấp CCCM (thời hạn cấp theo giấy hẹn).

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ:

- Quy định rõ số lượng bộ hồ sơ cá nhân phải nộp là 01 bộ.

- Bỏ yêu cầu nộp "Bản sao chứng minh thư nhân dân hoặc hộ chiếu".

c) Quy định rõ khi đi thi và nhận bằng thí sinh phải mang hộ chiếu hoặc chứng minh thư nhân dân đi để đối chiếu;

d) Bổ sung vào mẫu Đơn đề nghị các nội dung sau:

- Điện thoại:..... Email:.....

- Trong phần xác nhận thời gian nghiệp vụ phải cần quy định rõ đối với trường hợp dự thi chứng chỉ đối với phương tiện loại I tốc độ cao, chứng chỉ điều khiển phương tiện đi ven biển.

đ) Rút ngắn thời hạn giải quyết thủ tục từ 20 ngày xuống 10 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;

e) Về yêu cầu điều kiện: Quy định biện pháp phù hợp nhằm đảm bảo sự chính xác khi người dự thi chứng minh thời gian nghiệp vụ của mình.

79. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở dạy nghề đủ điều kiện đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa từ hạng 3 hạn chế trở xuống (B-BGT-039848-TT)

a) Quy định rõ trình tự, cách thức thực hiện như sau:

- Bước 1: Tổ chức hoàn thiện 01 bộ hồ sơ nộp trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải; hoặc qua đường bưu điện;

- Bước 2: Đối với trường hợp nộp trực tiếp, Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ:

+ Nếu không đủ thì hướng dẫn tổ chức hoàn thiện;

+ Nếu đủ thì viết giấy hẹn lấy kết quả giải quyết.

- Bước 3: Kiểm tra hồ sơ và kiểm tra thực tế:

+ Nếu hồ sơ không đạt thì trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do để tổ chức xin cấp Giấy chứng nhận biết; đồng thời hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, chỉnh sửa;

+ Nếu hồ sơ đạt, Sở Giao thông vận tải tổ chức đi kiểm tra thực tế, cơ sở đào tạo đáp ứng đủ các yêu cầu thì cấp Giấy chứng nhận.

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ:

- Quy định rõ thành phần hồ sơ gồm:

+ Văn bản đề nghị cấp phép đào tạo nghề thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa của cơ sở dạy nghề;

+ Bản sao có chứng thực quyết định thành lập của cơ sở dạy nghề;

+ Bản sao có chứng thực GCN đăng ký hoạt động dạy nghề do cấp có thẩm quyền cấp;

+ Bản tự khai và chấm điểm theo các tiêu chí về cơ sở vật chất, phòng học, xưởng và khu vực dạy thực hành, các trang thiết bị, phương tiện học liệu và đội ngũ giáo viên (theo mẫu);

+ Danh sách trích ngang đội ngũ giáo viên trực tiếp tham gia giảng dạy bao gồm giáo viên cơ hữu và giáo viên thỉnh giảng (theo mẫu); kèm theo bản sao có chứng thực văn bằng, chứng chỉ và hợp đồng lao động của từng cá nhân;

+ Các giấy tờ chứng minh về quyền sở hữu (hoặc hợp đồng thuê phương tiện, cầu cảng; văn bản chấp thuận được sử dụng vùng nước để dạy thực hành của cơ quan có thẩm quyền; phương tiện dạy thực hành phải có đầy đủ giấy tờ về đăng ký, đăng kiểm và các trang thiết bị hàng hải, cứu sinh, cứu hỏa theo quy định.

- Quy định rõ số lượng bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

c) Rút ngắn thời hạn giải quyết từ 30 ngày xuống 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;

d) Không quy định thời hạn có hiệu lực của Giấy chứng nhận.

80. Thủ tục cấp gia hạn giấy chứng nhận cơ sở dạy nghề đủ điều kiện đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa từ hạng ba hạn chế trở xuống (B-BGT-039981-TT)

Bãi bỏ thủ tục này.

81. Cấp chứng chỉ hành nghề kinh doanh dịch vụ thiết kế phương tiện thủy nội địa (chưa có mã số)

a) Quy định rõ trình tự, cách thức thực hiện như sau:

- Quy định rõ trình tự thực hiện như sau:

+ Bước 1: Cá nhân, tổ chức nộp (gửi) hồ sơ tại Sở Giao thông vận tải;

+ Bước 2: Sở Giao thông vận tải nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ (Trong trường hợp nộp trực tiếp, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại hồ sơ và hướng dẫn cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ; Trong trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì Sở Giao thông vận tải thông báo bằng văn bản chậm nhất 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ);

+ Bước 3: Sở Giao thông vận tải kiểm tra về sự phù hợp của hồ sơ;

+ Bước 4: Sở Giao thông vận tải trả kết quả thủ tục hành chính và thu lệ phí.

- Quy định rõ cách thức thực hiện như sau:

+ Nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải; hoặc

+ Qua hệ thống bưu chính.

b) Quy định rõ nộp "Bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp (mang bản chính để đối chiếu) các văn bằng, chứng chỉ liên quan đến nội dung cấp chứng chỉ hành nghề (nếu văn bằng, chứng chỉ do nước ngoài cấp phải dịch ra tiếng Việt và có chứng thực)";

c) Quy định rõ thời hạn giải quyết thủ tục là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;

d) Không quy định thời hạn có hiệu lực của chứng chỉ hành nghề kinh doanh dịch vụ thiết kế phương tiện thủy nội địa.

82. Thủ tục cho ý kiến chấp thuận đối với các trường hợp thi công trong phạm vi hành lang bảo vệ luồng đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương, và thời gian thi công không quá 07 ngày (B-BGT-032204-TT)

a) Quy định rõ trình tự, cách thức thực hiện như sau:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện 01 bộ hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Sở Giao thông vận tải.

- Bước 2: Đối với trường hợp nộp trực tiếp, Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ:

+ Nếu không đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện;

+ Nếu đủ thì viết giấy hẹn lấy kết quả giải quyết.

- Bước 3: Kiểm tra hồ sơ (kiểm tra nội dung):

+ Nếu hồ sơ không đạt thì trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do để tổ chức, cá nhân biết. Đồng thời hướng dẫn tổ chức cá nhân bổ sung, chỉnh sửa;

+ Nếu hồ sơ đạt thì có văn bản chấp thuận (thời hạn cấp theo giấy hẹn).

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ:

- Quy định rõ thành phần hồ sơ trong đó xác định rõ đặc tính từng loại giấy, tờ là bản chính, bản sao chụp, bản sao chứng thực, bản sao công chứng.

- Quy định rõ số lượng bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

c) Về cơ quan thực hiện thủ tục: Quy định rõ các trường hợp thi công trong phạm vi hành lang bảo vệ luồng đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương, và thời gian thi công không quá 07 ngày thì phải xin ý kiến chấp thuận của các Sở Giao thông vận tải.

B. TRÁCH NHIỆM THỰC THI PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA

1. Giao Bộ Giao thông vận tải:

- Trước ngày 31 tháng 3 năm 2011, xây dựng, ban hành thông tư để quy định mới hoặc sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại:

+ Quyết định số 27/2005/QĐ-BGTVT ngày 17 tháng 5 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý đường thủy nội địa;

+ Quyết định số 07/2005/QĐ-BGTVT ngày 07 tháng 01 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy chế quản lý hoạt động cảng, bến thủy nội địa;

+ Quyết định số 34/2004/QĐ-BGTVT ngày 21 tháng 12 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành "Quy định vận tải hành khách đường thủy nội địa";

+ Quyết định số 19/2008/QĐ-BGTVT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chế thi, cấp, đổi bằng, CCCM thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa và đảm nhận chức danh thuyền viên phương tiện thủy nội địa;

+ Quyết định số 15/2008/QĐ-BGTVT ngày 29 tháng 8 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa;

+ Quyết định số 19/2005/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 3 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa phải đăng kiểm nhưng không thuộc diện phải đăng ký;

+ Quyết định số 38/2005/QĐ-BGTVT ngày 09 tháng 8 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy chế cấp chứng chỉ hành nghề kinh doanh dịch vụ thiết kế phương tiện vận tải.

Để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại tiết 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 48, 49, 50, 51, 52, 82, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 53, 54, 55, 56, 57, 58, 59, 60, 61, 62, 63, 64, 65, 66, 67, 68, 69, 70, 71, 29, 30, 72, 31, 32, 33, 34, 35, 72, 73, 74, 75, 76, 77, 78, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 36, 37, 79, 80, 81 Mục A Phần VI của Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết này.

- Trước ngày 01 tháng 01 năm 2012, xây dựng, ban hành tiêu chí phân loại bến thủy nội địa để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại tiết 21, 22, 23, 24, 25, 26, 60, 61, 62, 63, 64 mục A phần VI của Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết này.

2. Giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải xây dựng, dự thảo thông tư liên tịch sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định

có liên quan tại Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 08 tháng 6 năm 2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự an toàn giao thông đường thủy nội địa để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại tiết 10, 11, 12, 13, 14, 16, 17, 18, 19, 20, 54, 56 Mục A Phần VI của Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết này, ban hành trước ngày 31 tháng 3 năm 2011.

VII. NHÓM THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC KHÁC

A. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA

1. Thủ tục Khen thưởng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Giao thông vận tải" - B-BGT-046587-TT

a) Quy định về trình tự thực hiện như sau:

- Bước 1: Chuẩn bị hồ sơ, xét duyệt tại Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp cơ sở, trình khen thưởng:

+ Căn cứ vào tiêu chuẩn xét tặng "Kỷ niệm chương vì sự nghiệp GTVT", cá nhân làm bản báo cáo tóm tắt thành tích và quá trình công tác, nộp hồ sơ tại cơ quan quản lý trực tiếp (hoặc Sở Giao thông vận tải địa phương);

+ Xét duyệt tại cấp cơ sở: Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của cơ quan quản lý trực tiếp (Sở Giao thông vận tải địa phương) xét duyệt thành tích, lựa chọn và lập danh sách cá nhân đủ tiêu chuẩn đề nghị khen thưởng; chuẩn bị hồ sơ theo quy định, nộp (gửi) hồ sơ cho cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ.

- Bước 2: Cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ (nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, thông báo và trả lại hồ sơ cho cơ quan đề nghị); thẩm định thành tích đề nghị khen thưởng của cá nhân, trình Bộ trưởng quyết định khen thưởng:

+ Đối với những trường hợp thành tích của cá nhân không bảo đảm theo tiêu chuẩn khen thưởng, trong vòng 10 ngày (kể từ ngày cấp có thẩm quyền quyết định đồng ý với cơ quan thẩm định) cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ có thông báo bằng văn bản cho cơ quan trình khen biết;

+ Đối với những trường hợp được khen thưởng, trong vòng 10 ngày kể từ ngày có quyết định khen thưởng, cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ thông báo cho cơ quan trình khen biết.

- Bước 3: Sau khi nhận được thông báo được khen thưởng, cơ quan trình khen cử đại diện đến trực tiếp cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan Bộ để nhận Quyết định, chứng nhận, vật phẩm khen thưởng kèm theo (nếu có) và ký nhận vào hồ sơ quản lý của Bộ.

b) Quy định cụ thể cách thức thực hiện như sau: Nộp hồ sơ đề nghị trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

c) Quy định rõ thời hạn giải quyết thủ tục là 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

2. Thủ tục: Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải đa phương thức cho doanh nghiệp Việt Nam - B-BGT-037312-TT

a) Đổi tên thủ tục thành "Thủ tục Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế";

b) Quy định rõ trình tự, cách thức thực hiện như sau:

- Bước 1: Tổ chức xin cấp Giấy phép kinh doanh vận tải đa phương thức nộp trực tiếp tại Văn phòng Bộ GTVT hoặc qua đường bưu điện.

- Bước 2: Bộ GTVT tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ:

+ Nếu đủ điều kiện thì cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải đa phương thức;

+ Nếu hồ sơ không đạt thì trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do để tổ chức biết đồng thời hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa.

c) Quy định rõ số lượng bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ;

d) Rút ngắn thời hạn giải quyết thủ tục từ 20 ngày xuống 07 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

3. Thủ tục: Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải đa phương thức cho doanh nghiệp Việt Nam - B-BGT-107481-TT

a) Đổi tên thủ tục thành "Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế";

b) Quy định rõ trình tự, cách thức thực hiện như sau:

- Bước 1: Tổ chức xin cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải đa phương thức nộp trực tiếp tại Văn phòng Bộ GTVT hoặc qua đường bưu điện.

- Bước 2: Bộ GTVT tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải đa phương thức. Nếu hồ sơ không đạt thì trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do để tổ chức biết đồng thời hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa.

c) Quy định rõ số lượng bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ;

d) Quy định cụ thể thời hạn giải quyết là 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

B. TRÁCH NHIỆM THỰC THI PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA

Giao Bộ Giao thông vận tải:

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan xây dựng dự thảo nghị định sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại Nghị định số 87/2009/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2009 về vận tải đa phương thức để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại tiết 2 và 3 Mục A Phần VII của Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết này, trình Chính phủ trước ngày 31 tháng 3 năm 2011.

- Trước ngày 31 tháng 3 năm 2011, xây dựng, ban hành thông tư để quy định mới hoặc sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại Quyết định số 22/2005/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 3 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Giao thông vận tải" để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại tiết 1 Mục A Phần VII của Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết này./.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN
Điện thoại: 080.44597 - 04.38231182
Fax : 080.44517
Địa chỉ: 1 Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, HN
Email: congbaovpcp@cpt.gov.vn
In tại Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng